

NĂM THỨ 6 — NGÀY 15-10-62

BACH KHOA

trong số này

HOÀNG MINH TUYẾN thái độ Hiệp chúng quốc đối
với Thị trường Chung Âu-châu • NGUYỄN PHƯƠNG
chuyện Triệu Việt Vương, một chuyện tiểu thuyết ? •
DOHAMIDE người Chăm Châu - Đốc • LÊ XUÂN
KHOA tính chất chủ yếu của triết lý Thiền • NGUYỄN
VĂN TRUNG văn chương, văn học • ĐOÀN THÈM
tô diêm trong mỹ nghệ • NGUYỄN HỮU NGƯ giải
thưởng văn chương trên đất Việt • CÔ MINH ĐỨC
men bờ bể xanh • HOÀNG QUY áo lụa • TƯỜNG
LINH thơ lạnh mùa sương • TRẦN DẠ TỪ buổi
chiều trong giáo đường • TRĂNG THIÊN đọc « Ba
sinh hương lửa » của Doãn-Quốc-Sỹ • VIÊN LINH
tự thuật • HOÀI KHANH màu lưu linh • NGUYỄN
NHO SA MẠC màu áo đông phương • SƠN NAM qua
hiệu sách • DU TỬ LÊ thơ • THANH TÂM TUYẾN nổi
chết không rời • HÃ KHÊ — CÙ NGUYỄN — TỔ
PHƯƠNG trả lời cuộc phỏng vấn về quan niệm hội
họa • TRẦN VĂN KHÊ cuộc đời và sự nghiệp nhạc
sĩ Claude Debussy • NGUYỄN NGƯ í thuật : lễ kỉ
niệm dẫn sinh đức Khổng Tử ; buổi nói chuyện của
ông Nguyễn-Văn-Trung : một
quan điểm mới về cuộc tranh
luận Phạm-Quỳnh — Ngô-
Đức-Kể qua truyện Kiều •

139



Một sự may mắn!!!

Nếu **« VERIGOUD »**

được quảng cáo rộng-rãi hơn, ai cũng sẽ nhận thấy rằng đó là thứ si-rô ngon nhất tại Việt-Nam và Quý vị sẽ khó - khăn lắm mới tìm mua được.



« VERIGOUD »

nước trái cây nguyên chất chế-tạo hầu
Quý vị bởi Hãng :

**SOCIÉTÉ FRANÇAISE DES DISTILLERIES
DE L'INDOCHINE**



CÁC HIỆU BUÔN ĐỪNG ĐẪN ĐỀU CÓ BÁN
VỚI GIÁ 65 \$ MỘT CHAI

BÁCH

KHOA trong số này

Số 139 ngày 15-10-62

HOÀNG-MINH-TUYNH thái độ Hiệp Chúng Quốc đối với Thị trường chung Âu Châu	3
NGUYỄN-PHƯƠNG chuyện Triệu Việt Vương, một chuyện tiểu thuyết?	9
DOHAMIDE người chàm Châu-Đốc	15
LÊ-XUÂN-KHOA tính chất chủ yếu của triết lý Thiền	21
NGUYỄN-VĂN-TRUNG văn chương, văn học	31
ĐOÀN-THÊM tô điểm trong mỹ nghệ	43
NGUYỄN-HỮU-NGƯ giải thưởng văn chương trên đất Việt	55
CÔ MINH-ĐỨC men bờ bể xanh	59
HOÀNG-QUY áo lụa (thơ)	67
TƯỜNG-LINH thơ lạnh mùa sương — TRẦN-ĐẠ-TỪ buổi chiều trong giáo đường (thơ)	68
TRÀNG-THIÊN đọc «Ba sinh hương lửa» của Doãn-Quốc Sỹ	69
VIÊN-LINH tự thuật; HOÀI-KHANH màu lưu linh (thơ)	73
NGUYỄN-NHO-SA-MẠC màu áo đông phương	74
SƠN-NAM qua hiệu sách (truyện ngắn)	75
DU-TỬ-LÊ du ca 1, 2 (thơ)	81
THANH-TÂM-TUYỀN nổi chết không rời (truyện ngắn) (2)	82
HÀ-KHÊ — CÙ-NGUYỄN — TỔ-PHUƠNG trả lời cuộc phỏng vấn về quan niệm hội họa.	93
TRẦN-VĂN KHÊ nhân dịp lễ kỷ niệm đệ bách chu niên nhạc sĩ Claude Debussy	101
NGUYỄN-NGU-Í thuật lễ kỉ niệm dân sinh đức Khổng Tử; buổi nói chuyện của Ô. Nguyễn-Văn-Trung về một quan điểm mới của cuộc tranh luận Phạm-Quỳnh — Ngô-Đức-Kế qua truyện Kiều.	107
	109

BÁCH-KHOA

trong những số tới

<i>Thị trường chung Âu-Châu</i>	HOÀNG-MINH-TUYNH
<i>Sinh hoạt xã hội của người Chăm Châu-Đốc</i>	DOHAMIDE
<i>Vấn đề giáo dục của phụ nữ Nhật-Bản</i> ngày nay	ĐOÀN-VĂN-AN
<i>Clément Rosset : triết-lý bi đát</i>	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
<i>Phải thống nhất nhan đề và thoại của các</i> áng văn thơ cổ	NGUYỄN-HIẾN-LÊ
<i>Giải thưởng Tự-Lực văn đoàn</i>	NGUYỄN-HỮU-NGƯ
<i>Công chúa hạ giá</i>	BỬU-KẾ
<i>Cụ Phan-Bội-Châu và và ihoạt động chính-trị</i> trong chuyến Nam-hành năm Quý-Mão	NGUYỄN-VĂN-HẦU
<i>Mấy ý kiến về phê bình văn học</i>	NGUYỄN-VĂN-TRUNG
<i>Tìm đẹp : tô điểm trong mỹ nghệ</i>	ĐOÀN-THÊM
<i>Danh nhân : Claude Bernard</i>	CÔ-LIÊU
<i>Viết gì, viết thế nào theo ý Truman Capote</i>	TRẦN-THIỆN
<i>Con ruồi (truyện dịch của G. Langelaan)</i>	NGUYỄN-CHÂU
<i>Viếng thăm báo Figaro</i>	Cô MINH-ĐỨC
<i>Về dâu (truyện dài)</i>	VÔ-PHIẾN
<i>Tiêu bạc giả (truyện ngắn)</i>	NGUYỄN-MẠNH-CÔN
<i>Sinh đôi (truyện ngắn)</i>	LÊ-TẮT-ĐIỀU

Thái độ Hiệp-Chúng-Quốc đối với Thị Trường Chung Âu-Châu

HOÀNG-MINH-TUYNH

NHỮNG tiên bộ của Cộng-Đồng Kinh-Tế Âu-Châu và viễn tượng Anh quốc sẽ gia nhập Cộng-Đồng ấy đã khiến cho cả thế giới phải chú tâm theo dõi, đồng thời phải lo âu không ít. Âu-Châu là một trong những thị trường chính của sản xuất thế giới, do đây người ta không lấy làm lạ khi thấy các nước vốn coi phát triển ngoại thương là một nhu cầu khẩn thiết và chủ yếu cho mình, phải băn khoăn trước sự xuất hiện của một Thị Trường Chung bao gồm phần bộ lớn lao bức nhất của đại lục Âu-Châu về mặt kinh-tế. Quân bình kinh tế thiết lập được ở bên trong tổ chức này có thể gây bất lợi cho họ và loại trừ sản phẩm của họ ra khỏi thị trường nói trên.

Tuy nhiên, trước tình thế đó, vị trí của các nước liên hệ lại khác biệt nhau rất nhiều, tùy theo nhu cầu nặng về kinh tế hoặc thiên về chính trị của từng nước. Vấn đề đặt ra cho nước Anh không hẳn giống như vấn đề đặt ra cho nước Mỹ hoặc nước Nga.

Không có tham vọng trình bày hết mọi quan điểm của các nước ít nhiều có liên hệ đến Thị Trường Chung, chúng tôi chỉ xin tham cứu một số tài liệu của báo chí ngoại quốc, đưa ra một vài nhận định dưới đây về thái độ của một số nước mà lập trường tỏ ra có nhiều điểm đáng cho mọi người lưu ý. Trước hết, chúng tôi xin bàn về thái độ của Hiệp - Chúng-Quốc đối với Thị Trường Chung Âu-Châu.

Lời tuyên bố của Tổng thống Kennedy ngày 4 tháng 7 vừa qua tại Independence Hall ở Philadelphie, tỏ ý định thiết lập một tổ hợp, *Association*, giữa Âu-Châu và Hiệp-Chúng-Quốc, đã đánh dấu một giai đoạn quan trọng trên lộ trình dài đặc khai mạc từ mười lăm năm trước bởi kế hoạch Marshall.

Bài diễn văn của vị Tổng Thống Hiệp-Chúng-Quốc, xét theo nguyên ý, chỉ là một bài phát biểu ý kiến để thăm dò dư luận, vì những chi tiết của cuộc tổ hợp chưa được xác định khúc chiết và minh bạch. Tuy nhiên, nó cũng chứng tỏ khá rõ rệt chính phủ đương kim Hiệp-Chúng-Quốc đã quyết định đi theo hướng ngả nào.

Nói đến tổ hợp là nói đến quan hệ bình đẳng giữa các hội viên trong tổ hợp. Âu-Châu lúc này tuy bình đẳng với Hiệp-Chúng-Quốc trong địa hạt kỹ thuật, khả năng thương mại và ổn định tiền tệ, nhưng lại không được cò kết bằng Hiệp-Chúng-Quốc. Âu-Châu đã tiến khá xa trên con đường này và trong khoảng mười năm sắp tới, Âu-Châu chắc còn mạnh tiến hơn nữa để đạt mục đích họ đang theo đuổi là biến mình thành một Hiệp-Chúng-Quốc Âu-Châu. Một khi mục đích đạt được, cuộc tổ hợp hẳn sẽ thành hình.

Trong khi đợi chờ, có nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Tuy phần nhiều đó là những vấn đề có tính chất chủ yếu Âu-Châu, Hiệp-Chúng-Quốc vẫn có thể dùng thế lực để giúp đỡ Âu-Châu tìm ra những giải đáp có thể dung hợp được với những mục tiêu của mình.

Hiện nay thái độ của người Mỹ đối với Âu-Châu mới gồm hai sắc thái, hình như tương phản nhau. Một mặt, họ có vẻ lưu ý đặc biệt tới giải pháp biến Âu-Châu thành một lục địa, theo hình ảnh của xứ sở họ. Họ ước mong cho Âu-Châu tổ hợp để trở nên một đồng minh giàu mạnh, một «tay buôn» có phần hùn đáng mặt là một tay buôn cự đại. Do đây, họ tỏ vẻ hoan nghênh tất cả những sự kiện và những khuynh hướng nào có khả năng tăng cường những hình ảnh họ đã phác họa sẵn ở trong trí. Ta hiểu vì đâu Tổ Chức Minh Ước Bắc Đại Tây Dương, Thị Trường Chung mở rộng ra cho Anh quốc và nguyện vọng bề ngoài của người Âu-Châu làm bộ có thái độ rộng rãi, khoan đại về mặt thương mại, đều làm cho họ phấn chí, nức lòng.

Nhưng mặt khác, người Mỹ lại rất e ngại cảnh tượng thấy bị đặt trước một địch thủ có thể cạnh tranh với mình. Vì vậy cho nên ta thấy họ nhìn với con mắt ty hiềm, rất ít thiện cảm, khi họ đứng trước trục Ba-Lê — Bonn, trước cái gọi là *Europe des patries*, nhất là trước sự đột nhập của những nước trung lập có thể làm suy giảm cường lực của liên minh cùng sự thiết lập một Thị Trường Chung nông nghiệp có chiều hướng muốn thi hành chính sách bảo hộ mậu dịch quá khắt khe cho Cộng Đồng Kinh Tế Âu Châu.

Hiệp-Chúng-Quốc muốn tổ hợp mà không muốn gia nhập

Trong bài diễn văn, Tổng Thống Kennedy chủ tâm dùng tiếng tổ hợp, *association*, để gọi cái hình thức sau

này Hiệp-Chúng-Quốc muốn đưa ra đề tính việc « chung bơi » với Âu-Châu. Ông tránh tiếng gia nhập, *adhésion*, vì ông không muốn cho Hiệp-Chúng-Quốc gia nhập Thị Trường Chung. Mặc dù Cộng Đồng Đại-Tây-Dương đối với người Mỹ là khu vực hoạt động quan trọng bậc nhất, người Âu lại có khuynh hướng quên rằng đó không phải là khu vực duy nhất.

Hiệp-Chúng-Quốc có những quan hệ sinh tử tại Thái-Bình-Dương và tại Châu-Mỹ La-Tinh. Không những họ không thể nào gia nhập một khối thị hành chính sách bảo hộ mậu dịch để cho các vùng này phải lâm vào cảnh ngộ bị loại trừ, mà họ còn phải luôn luôn tìm thế gây ảnh hưởng tại Cộng-Đồng Đại-Tây-Dương, khiến cho Cộng-Đồng này phải dè dặt kẻ đến quyền lợi của những nước ở trong khu vực Thái-Bình-Dương và Châu-Mỹ La-Tinh về mặt thương mại, viện trợ và bổ phòng.

Những ý tưởng của ông Monnet

Ai cũng biết ông Monnet là người có uy tín rất lớn lao tại Hiệp-Chúng-Quốc. Đó một phần bởi tại ông là kiến trúc sư chủ yếu của Âu-Châu mới, nhưng cũng còn bởi ông có những ý tưởng rất gần với ý tưởng của Hiệp-Chúng-Quốc về tương lai của thế giới.

Nếu có ai hỏi các nhà có trách nhiệm về chính sách Mỹ rằng, thực sự ông Kennedy đã muốn nói gì qua bài diễn văn ông đọc ngày 4 tháng 7, chắc hẳn các nhà ấy sẽ đưa ra những lời giải đáp tổng quát chẳng khác gì những lời giải đáp ông Jean Monnet đã đưa

ra khi có người hỏi ông về đại quan lập trường của tổ chức ông đã xướng xuất lên. Ông nói :

« Dù để thi hành một chính sách phát triển kinh tế liên tục, dù để ổn định tiền tệ cho các nước Tây Phương, dù để giải quyết các vấn đề nông nghiệp trong một nền văn minh ngày càng có tính chất kỹ nghệ, dù để viện trợ các nước chưa tận dụng phát triển, dù để gây sự liên lạc với các nước hiện đang kỹ nghệ hóa, tất cả những vấn đề trên này chỉ có thể giải quyết, nếu Mỹ Quốc và Âu-Châu cùng giải quyết chung với nhau, vì có chung nhau thì Mỹ Quốc và Âu-Châu mới có đủ tài nguyên cần thiết để giải quyết thỏa đáng được bấy nhiêu vấn đề ».

Ông Monnet tin tưởng rằng cuộc hòa bình giữa Đông và Tây còn phải một thời gian lâu dài nữa mới có thể kết thúc. Đó là phải chờ khi nào nước Nga tự thấy bị đặt trước hai khối vừa hùng cường, vừa cô kết với nhau chặt chẽ cho đến nỗi tự biết không còn thể tính được đường lối nào khác hơn là chủ trương hòa giải. Đó chính cũng là tin tưởng của người Mỹ, vì lúc này mỗi khi nhìn về tương lai, người Mỹ thường cũng chỉ dám tin tưởng vào đó mà thôi.

Khí dụng Mỹ Quốc lựa chọn để đem ra giải quyết các vấn đề kỹ thuật — như ổn định tiền tệ và viện trợ quốc tế — trong cuộc giao dịch với Âu-Châu theo như ông Monnet đã xác định, chính là Tổ Chức Hợp-Tác và Phát-Triển Kinh-Tế mới đây đã được thúc đẩy bằng một luồng sinh khí mới và đã được cải tiến dưới

THÁI ĐỘ HIỆP-CHÚNG-QUỐC ĐỐI VỚI...

một hình thức mới, nhờ ở sự cố võ và tham gia tích cực của người Mỹ.

Hiệp-Chúng-Quốc hy vọng rằng nhờ Tổ Chức Hợp-Tác Kinh-Tế Âu-Châu, gánh nặng viện trợ đang làm cho cán cân chi phí của họ mất thăng bằng, sẽ được phân chia lại một cách công bình hơn. Người ta không chỉ trông chờ ở nước Anh, nước Pháp là hai nước trước đây đã đóng góp khá nhiều, mà người ta mong mỗi gánh nặng sẽ được sản sẻ cho những nước khác nữa như Đức, Thụy-Sĩ và các quốc gia trong khu vực Scandinavie.

Về quan hệ thương mại giữa Mỹ Quốc và Âu-Châu, về phía Mỹ-Quốc, quan hệ ấy sẽ được qui định bởi dự luật mới về thương mại của Tổng thống Kennedy. Dự luật trên, ban cho Tổng thống Hiệp-Chúng-Quốc được nhiều quyền rộng rãi để hiệp thương với Âu-Châu, lúc này có chiều như chắc chắn sẽ được Quốc-Hội biểu quyết chấp thuận. Để đạt tới kết quả trên, Tổng thống Kennedy quả đã phải « từ công phu » hoạt động mới giáo dục nỗi đầu óc của những nhóm cố tình gây áp lực để duy trì chính sách bảo hộ mậu dịch đã quá lỗi thời. Những nhóm này trước đây rất có thế lực, hiện nay đang bị xuống dốc và bị quốc dân coi là những nhà ái quốc lạc hậu, ngoan cố, chỉ làm trở ngại bước tiến của dân tộc.

Công cuộc phòng thủ chung vẫn tiếp tục do Tổ Chức Bắc Đại-Tây-Dương đảm nhận. Tổ chức này được Hiệp-Chúng-Quốc tin nhiệm và đặt nhiều

kỳ vọng hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, việc thiết lập một tổ hợp trong địa hạt hạch tâm, một sự kiện chưa từng có trong lịch sử, hình như gặp khá nhiều khó khăn. Về việc này, ông Walter Lippmann có phát biểu ý kiến sau đây :

« Hiện nay, có những khó khăn do người Mỹ nêu lên, nêu lên những khó khăn ấy không có nghĩa là chúng tôi không muốn có sự tổ hợp một cách bình đẳng, vì lẽ giản dị là chúng tôi rất mong có sự tổ hợp như thế. Tuy nhiên, khó khăn lại chính ở chỗ, cho tới lúc này, không một người nào có một ý tưởng gì về cách thức phải tổ chức cuộc tổ hợp ấy trong địa hạt hạch tâm... Vấn đề hạch tâm thiết thực, là vấn đề duy trì một thế quân bình lực lượng rộng rãi đối với Liên-Xô, vấn đề đang được giải quyết êm đẹp. Vì vậy, việc thiết lập một tổ hợp hạch tâm giữa các nước Đại-Tây-Dương là việc thứ yếu, người Âu cũng như người Mỹ không nên bận tâm quá nhiều đến nỗi lãng quên những công cuộc lớn lao hơn cần phải thực hiện gấp rút cho hoàn hảo và mỹ mãn ».

Một cuộc hôn phối tốt đẹp

Trong hai cuộc đại chiến xảy ra cho thế hệ này, Hiệp-Chúng-Quốc đã minh chứng họ biết đếm kể đến tính chất bất khả phân ly của Cộng-Đồng Đại-Tây-Dương. Với kế hoạch Marshall, họ đã minh chứng ý nguyện muốn tạo lập một đôi thủ kinh tế để có một đồng minh chính trị. Các Cộng-Đồng kinh tế và chính trị Âu-Châu

hiện đang xuất hiện là thành quả của những ý nguyện và chính sách của họ. Lúc này, người ta thấy rằng chỉ cần đem lại một vài sắp đặt, chính lý về chi tiết là họ có thể khiến cho cuộc hôn phối giữa Âu-Châu và Mỹ

Quốc trở nên một cuộc hôn phối bền vững và tốt đẹp.

HOÀNG-MINH-TUYNH

Kỷ tới : Thái độ Anh-Quốc đối với Thị Trường Chung Âu-Châu.

★ Khi công-lí mất đi, thì không còn gì có thể đem lại một giá-trị cho đời sống của người ta trên thế-gian này.

Kant

★ Một sự bất-công thi-hành ra, chỉ đối với một người, cũng là một sự đe dọa đối với toàn thể.

Montesquieu

★ Cải tạo nên con người, chính là lòng người.

Thánh Augustin

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TỪ NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIỂM

27 - 29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, *Nguyễn-Công-Trứ*, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOW'LOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

Chuyện Triệu Việt vương, một chuyện tiểu thuyết ?

GIỮA Lý Bí và Lý Phật Tử, trong một khoảng thời gian dài đến 23 năm. Ngô Sĩ-Liên đã xen vào một triều đại, như để làm dây nối, đó Triệu-Việt vương. Theo đuổi mục đích bổ khuyết để làm một quyển Sử ký Toàn thư, ông đã dùng những tài liệu mà thời Lê-Văn-Hưu chưa có. Đây ông nói rõ việc đó : « Xét ra cựu sử không chép về Triệu-Việt vương và Đào-Lang-Vương. Nay góp nhặt ở dã sử cùng các sách khác để bắt đầu chép về vị hiệu của Việt vương, rồi kèm theo chuyện Đào-Lang-Vương cho đầy đủ. » Theo ông, nguồn gốc của chuyện Triệu-Việt vương là do dã sử và sách khác. Dầu ông không nói rõ, sách ông dùng là quyển *Việt điện U linh tập* vì trong sách đó có chuyện Triệu-Việt vương. Dưới đây, trước hết, chúng tôi xin nghiên cứu chuyện Triệu-Việt vương trong *Việt điện U linh tập*, rồi xét đến giá trị của chuyện đó trong *Toàn thư*. (1)

a) *Chuyện Triệu-Việt vương của Lý-Tế-Xuyên*. *Việt điện U linh tập* bắt đầu giới thiệu Triệu-Việt vương :

Triệu-Quang-Phục là người Chu diên, làm tả tướng của Bí. Ở phía bắc đất Châu diên có một cái đầm lớn, sâu rộng bao nhiêu dặm, không ai làm sao ước lượng được. Khi Bí mất rồi, Quang-Phục bèn chiêu tập tàn tốt được hai vạn người, ra hiệu lệnh chỉ kuy cho họ ẩn nấp trong đầm. Hễ đêm đến là họ ra đánh, còn ban ngày họ lại vào ẩn đó. Bá Tiên cho người dò thám, biết được đó là Quang-Phục. Ông dẫn binh đến đánh, nhưng đánh mãi không được. Dân chúng tôn ông là Dạ-Trạch vương.

Quang - Phục ở trong đầm Dạ trạch một năm, bỗng một đêm, ông thấy có con rồng vàng rút móng dâng cho ông và bảo rằng : « Hãy lấy móng này giắt lên mũ đầu mâu. Bền địch, hễ thấy, là sợ và xin tòng phục »

(1) *Toàn thư*, 9, 4, tờ 19.

Bấy giờ Kiến Khang có việc gọi Bá-Tiên về Bắc. Tiên để Dương-Sàn ở lại giữ trấn và làm các việc thay ông.

Từ khi Quang-Phục được móng thần, ông có mưu lược lạ lùng, đánh đâu thắng đó. Nhân dịp Bá-Tiên về Bắc, ông bèn đem quân ra đánh Sần, Sần chống trả, nhưng vừa thấy mũi đầu mâu liền thua, rồi chết. Quang-Phục vào chiếm thành Long - Biên, trị hai xứ Lộc-Loa, Vũ-Ninh, tự xưng là Nam Việt quốc vương.

Sau khi giới thiệu như vậy rồi, Lý-Tể-Xuyên có một vấn đề cần phải giải quyết. Theo vừa thuật, Triệu-Việt vương lên làm vua nhân dịp Bá-Tiên về Bắc, mà, như chúng ta đã thấy ở trên, Lý phạt tử cũng xưng là Nam đế trong dịp vị tướng Tàu bị triệu hồi. Thế là đang khi Triệu-Quang-Phục làm vua, Lý phạt tử cũng làm vua, cảnh nhất quốc lưỡng vương đó sẽ kết thúc ra thế nào? Thì đây, Lý-Tể-Xuyên cho biết thêm :

Nam đế đánh với Việt vương ở Thái Bình, tất cả năm trận, giáo gươm chan chát, tên đạn như bay, mà thắng bại chưa rõ. Quân Nam Đế hơi nao núng vì biết Việt vương có dị thuật, nên xin giảng hòa. Việt vương nghĩ rằng Nam đế là chỗ họ hàng của Bí, nên chia nước làm hai, lấy châu Quân-thần làm ranh giới, để cùng cai trị với nhau.

Việc chia nước để trị như vậy, thật là êm đẹp một cách hiếm có, nhưng rồi việc thống nhất quốc gia của Nam đế lại tỏ ra phụ phàng, gian ác một cách hiếm có hơn. Sách kể tiếp :

Bấy giờ Nam đế chiếm Ô diên, cho con là Nhã lang cầu hôn với Việt vương. Việt vương đem con gái là Cảo-Nương gả cho. Hai bên tình thân thật là mật thiết, cảm sát hài hòa. Nhã-Lang bèn hỏi Cảo-Nương rằng : « Hai nước trước kia là cừu địch, nay thành thông gia, thật là tay trời tác hợp, tao ngộ kỳ duyên ! Năm trước hai nước đánh nhau, phụ vương em mưu cơ thần diệu, vượt tài của phụ vương anh nhiều.

Thế rồi chúng ta thấy Nhã Lang xin Cảo-Nương cho xem móng rồng, ngầm lấy móng đó đi, xin trở về thăm gia đình. Bấy giờ, Nam đế, với móng rồng con vừa ăn trộm được, dẫn quân đi đánh Việt vương. Việt vương bị thua, kêu van trời đất, thì bỗng nghe lời Rồng vàng mách (lời của *Việt điện*) :

Đó chính là do Cảo nương, con gái vua, chứ không phải người nào khác. Cô lại dùng lông vịt dẫn đường, thật là tên giặc đại ác, không giết đi còn đợi gì nữa? Vua quay lại lấy gươm chém, cho rơi xuống nước rồi đi. Vua thúc ngựa chạy đến cửa Tiểu nha, bị cùng đường, lại quay về hướng đông, đến cửa Đại nha. Bấy giờ vua kêu lên : « Ta cùng đường rồi ». Bỗng chốc, thấy có Rồng vàng rẽ nước thành đường, dẫn vua xuống nước, đoạn nước nhập lại như cũ. Lúc đó, Nam đế tiến quân đến, thấy yên, không biết đi hướng nào, bèn dẫn quân về.

Đọc xong chuyện Triệu việt vương của *Việt điện U linh tập* như vừa đại

lược ở trên, chúng ta thấy rằng Lý tể Xuyên đã không nói đến việc Lý Bí hành quân ở Hồ Điển-Triệt, trái lại ông đem việc đó xen vào chuyện của Triệu-Quang-Phục và đổi tên Hồ Điển-Triệt thành chằm

Chuyện Kim-Quy :

- 1) Hai vua đánh nhau, không rõ thắng bại, vì một vua có móng rùa thần.
- 2) Hai vua giảng hòa, chia nước để trị.
- 3) Vua không có móng rùa thần cho con trai mình lấy con gái vua kia.
- 4) Chàng rể lừa cô dâu lấy trộm móng rùa thần.
- 5) Khi cha chàng rể đến đánh, cha nàng dâu đem con chạy trốn.
- 6) Cô dâu rải lông ngỗng dọc đường.
- 7) Rùa thần tố cáo cô dâu, cô bị cha cô giết.
- 8) Cha cô dâu đi vào trong biển.

Như thế, một câu chuyện đã đi từ chỗ quái dị đến chỗ u linh, hay nói cách khác, từ « Thần Kim-Quy » đến « Triệu-Việt-Vương ». Và nếu không ai có thể nghĩ rằng chuyện Kim-Quy là một bài sử, thì chắc chắn chuyện Triệu-Quang-Phục trong *Việt điện U linh* cũng chỉ là một mẫu chuyện ngán có tính cách thần thoại.

b) *Triệu-Việt-Vương của Ngô-Sĩ-Liên.*

Nhưng đối với sử thần Ngô-Sĩ-Liên thì khác. Ông đã cho chuyện Triệu-Việt-Vương trong *Việt điện U linh* là một việc có thật. Vì tin như thế, ông đã phê bình việc nuôi con rể của Quang-Phục bằng những lời này : « Đàn bà lấy chồng gọi là « qui » và nhà chồng trở thành nhà của họ. Con gái vua đã gả

Dạ-Trạch rồi tô vẽ thêm cho có màu sắc kỳ quái. Sau đó ông mượn đề tài của chuyện « Kim qui » (1) để kể tiếp. Để thấy rõ ràng hai cốt chuyện cùng một tính cách, chúng tôi xin so sánh dưới đây các yếu tố của hai bên :

Chuyện Triệu-Quang-Phục :

- 1) Hai vua đánh nhau, không rõ thắng bại, vì một vua có móng rồng vàng.
- 2) Hai vua giảng hòa, chia nước để trị.
- 3) Vua không có móng rồng vàng cho con trai mình lấy con gái vua kia.
- 4) Chàng rể lừa cô dâu lấy trộm móng rồng vàng.
- 5) Khi cha chàng rể đến đánh, cha nàng dâu đem con chạy trốn.
- 6) Cô dâu rải lông ngỗng dọc đường.
- 7) Rồng vàng tố cáo cô dâu, cô bị cha cô giết.
- 8) Cha cô dâu đi vào trong biển.

cho Nhā-Lang, sao lại không về nhà chồng ? Sao lại theo tục chuế tể của người Tần, để đến nỗi phải bại vong ? » Hơn nữa, ông đem viết ra theo lối viết sử, cùng sửa chữa, một đôi chỗ cho hợp với các tài liệu khác ông có. Nhưng khi sửa chữa, ông đã chấp nối một cách quá thô thiển nên người đọc có thể nhận được dễ dàng nhiều nơi hở hang.

Bắt đầu bài sử của ông về Triệu-Việt-Vương, ông viết :

Vua họ Triệu, húy Quang-Phục, con của Triệu-Túc, người Châu diên, oai, mạnh, dũng cảm, hăng hái. Thời

(1) René Despierres, *Cờ-Lạc, Capitale du Royaume Au-Lac*, 35e Cahier de la Société de Géographie de Hanoi, 1940, 7-15.

CHUYỆN TRIỆU-VIỆT VƯƠNG, MỘT CHUYỆN...

theo Nam đế, vua đánh dẹp có công, được chức Tả tướng quân. Khi Nam đế mất, vua xưng vương, đóng đô ở Long-Biên, rồi đến Vũ-Ninh.

Theo đoạn này, chúng ta thấy Triệu-Quang-Phục đã lên ngôi, đóng đô ở Long-Biên ngay sau khi Lý-Bí mất. Nhưng đọc xuống, chúng ta liền thấy mâu thuẫn hiện hình, vì ông viết tiếp:

Mậu thìn, (548), năm đầu, mùa xuân, vào tháng ba, ngày tân hợi, (tức là ngày 13 tháng 4 Dương lịch), Nam đế ở động Khuất nao lâu ngày, bị bệnh sốt mà chết (1).

Kỷ tỵ (549), năm thứ hai, vua cứ ở trong chăm, vì quân Lương không chịu rút.

Thế là Quang-Phục đồng thời vừa ở Long-Biên, vừa ở trong chăm. Hỏi tại sao một người có óc tìm tòi đến nỗi nói rõ được ngày tháng của Lý-Bí chết tức là ngày Tân hợi, tháng ba, năm Mậu thìn, mà lại không quan tâm đến chi tiết vừa nói (ở hai chỗ một lúc)? Điều đó không lạ gì, vì việc Lý-Bí chết có nói đến trong Tư trị Thông giám và Lê-Văn-Hưu đã lấy lại, còn việc sau (chỗ ở của Quang-Phục) là do Ngô-Sĩ-Liên cấu kết, nên không chú ý.

Rồi, từ chăm Dạ trạch, Quang-Phục đã làm sao về được Long-Biên? Thì thần thánh đã đem ông về, có khó khăn gì. Chúng ta hãy đọc tiếp *Toàn thư*:

Vua bèn khổi hương cầu đảo, tha thiết kêu xin Trời, Đất, Thần, Quỉ,

(1) Chúng tôi đã nói trước đây là Lý-Bí đã bị Bá-Tiên chém, chứ không phải sốt rét mà chết. (*Tư trị thông giám*, q. 161, 8b).

nên được thêm mũ đầu mâu có móng rồng, dùng để chống lại với giặc. Tự bấy giờ thế quân nổi mạnh, đánh đâu được đó.

Canh ngọ (550), năm thứ ba mùa xuân, vào tháng giêng, Lương đế phong cho Trần-Bá-Tiên chức Uy-Minh tướng quân, làm thứ sử Giao-Châu. Bá-Tiên tính chuyện cầm giữ lâu ngày, có ý cho lương hết, quân mệt, dễ dễ phá. Nhưng bấy giờ nhà Lương có loạn Hầu Cảnh, Bá-Tiên bị triệu về, uỷ cho tùy tướng Dương-Sần việc đánh vua. Vua tung quân ra chiến đấu, Sần chống lại, nhưng bị thua chết. Quân Lương tan vỡ chạy về. Thế là trong nước bình yên; vua vào Long-Biên, đóng đô ở đó.

Ở đây, Ngô-Sĩ-Liên vừa lấy lại câu chuyện của *Việt điện U linh tập*, vừa thêm vào những chi tiết bắt nguồn từ *Tư trị thông giám*, như việc Lương đế phong chức cho Trần-Bá-Tiên chẳng hạn (q. 163. 1b). Việc Quang-Phục đánh Dương-Sần để chiếm Long-Biên, rồi từ đó cai trị Giao-Châu hai mươi năm, xét về phương diện lịch sử, cũng chẳng giá trị gì hơn việc ông đội mũ đầu mâu có móng rồng vàng hay là việc Lý-Phật-Tử cho con trai Nhã-Lang đến ở rể tại nhà Quang-Phục để ăn trộm móng rồng. Ngô-Sĩ-Liên ngây ngô thuật rằng:

Đinh sửu (557), năm thứ mười, Lý-Phật-Tử đem quân xuống miền đông đánh với vua ở huyện Thái-Bình. Hai bên năm lần giáp trận mà chưa rõ thắng bại, nhưng quân của Phật-Tử hơi nao núng. Phật-Tử biết vua có dị thuật, nên xin giảng hòa,

kết làm liên minh. Vua nghĩ Phật-Tử là họ hàng của Nam-Đế trước, không nỡ cự tuyệt, bèn lấy châu Quân thần ở phía tây nước làm ranh giới rồi dời đến thành Ô-Diên.

Sau Phật-Tử có con là Nhã-Lang xin lấy con gái vua là Cảo-Nương. Vua bằng lòng và thành thông gia. Vua yêu mến Cảo-Nương nên cho Nhã-Lang ở làm chuế tể.

Và Ngô-Sĩ-Liên thuật tiếp câu chuyện, đại khái như Lý-Tế-Xuyên đã kể, chỉ có một điều hai bên khác nhau, đó là câu kết. Lý-Tế-Xuyên thì cho Quang-Phục « dựng nước được 19 năm, khởi sự từ năm Tân vị (551), năm thứ hai hiệu Đại-Bảo nhà Lương, cho đến năm Kỷ-Sửu (569), năm đầu hiệu Đại-Kiến nhà Trần », đang lúc đó Ngô-Sĩ-Liên viết : « Từ đây về trước là đời Triệu-Việt-Vương, bắt đầu từ năm

Mậu Thìn (548) cho đến năm Canh Dần (570) thì hết, tất cả 23 năm ». Chúng tôi chỉ nêu lên sự khác nhau đó, nhưng xin miễn phê bình, vì ở đây thuộc về địa hạt « sáng tác » riêng của hai nhà văn, nên cả hai có quyền thêm bớt thế nào tùy ý họ.

Sau khi đã phân tích truyện Triệu-Việt-Vương của *Việt điện u linh tập* và nêu lên rằng *Toàn thư* đã lấy lại chuyện đó, chúng tôi không thể nào cho chuyện của *Toàn thư* có giá trị lịch sử hơn chuyện của Lý-Tế-Xuyên. Nói cách khác Ngô-Sĩ-Liên đã lịch sử hóa một chuyện u linh. Nhưng lịch-sử-hóa chỉ là một lối làm văn, chứ không thể làm được cho một chuyện không có hóa ra có. Tóm tắt lại triều đại Triệu-Việt-Vương là một triều đại không có trong lịch sử.

NGUYỄN-PHƯƠNG

★ Thời đại hoàng kim là thời đại mà vàng không phải là chúa tể.

Lozay Marnesia

★ Muốn tiến bộ, không phải muốn hành động là đủ, mà trước hết phải biết mình hành động, về hướng nào.

★ Có một cái tuổi mà tiếng động hay hơn âm nhạc, và cái chua của trái còn xanh ngon hơn cái ngọt của trái chín mùi.

Louis Vau'llot

★ Trong thiên hạ, có ba cái nguy :

— Đức ít mà ăn sùng nhiều ;

— Tài kém mà địa vị cao ;

— Thân không lập được công to mà chịu bồng lộc nhiều

Hoài-Nam-Tử

SOCIÉTÉ INDOCHINOISE DE DOCUMENTATION
et de
REPRÉSENTATIONS COMMERCIALES

S.I.D.E.R.C.O.

EXCLUSIVITÉS :

Whisky « **BALLANTINE'S** »

Cognac « **COURVOISIER** »

Sardines « **LES OCÉANIDES** »

Champagne « **HEIDSIECK & Co**
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« **MIRAFIORE** »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« **MONTRESOR** »

Huile d'Olive « **ADOLPHE PUGET** »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

LA SOCIÉTÉ URBAINE FONCIÈRE

S. U. F. O.

18, BEN BACH DANG — SAIGON

NGƯỜI CHÀM

CHÂU ĐỐC

(xem từ B. K. số 135)

TRÊN ĐƯỜNG LƯU LẠC

Hai nhánh sông Cửu-Long từ miền biên giới Miên-Việt chảy xuống đến châu thành Châu-Đốc (nay là quận lỵ Châu-Phú, tỉnh An-Giang) nhập lại thành Hậu-Giang.

Đứng bên thành phố Châu-Đốc, nhìn bên kia bờ người ta nhận thấy sau lũy tre xanh, một xóm nhà kiến trúc hơi lạ mắt, những căn nhà sàn ngói đỏ cất san sát vào nhau, căn nào cũng có những chiếc thang cây, nằm gần kề bên đường.

Đó là xã Châu-Giang gồm toàn người Chăm.

Từ đó ven theo tả ngạn Hậu-Giang cách chừng lời 4 cây số ngàn, có một con rạch nhỏ tẽ vào trong bờ đất, gọi là Kotambong, tên một thôn ấp nằm trong xã Khánh-Hòa, cũng gồm toàn người Chăm.

Ngược dòng Cửu-Long về miền biên giới, người ta còn gặp ở đầu hai bờ kinh Vĩnh-An, thôn Phum-Soài thuộc xã Vĩnh - Hậu, thôn Vĩnh - Trường, Khánh - An, Khánh - Bình, Hà-Bao... những xóm nhà người Chăm thường luôn luôn ở bên ven bờ sông hoặc rạch.

Đây là những người mới trên vùng đất mới; họ đến định cư tại đây chỉ



Một đám đông người Chăm Châu-Độc

mới từ thời vua Minh-Mạng và toàn thể đều theo Hồi-Giáo, Hồi-Giáo với tất cả quy tắc khắc khổ nghiêm ngặt, nên thiếu phần phong phú, tinh cách hoang đường trong tập tục.

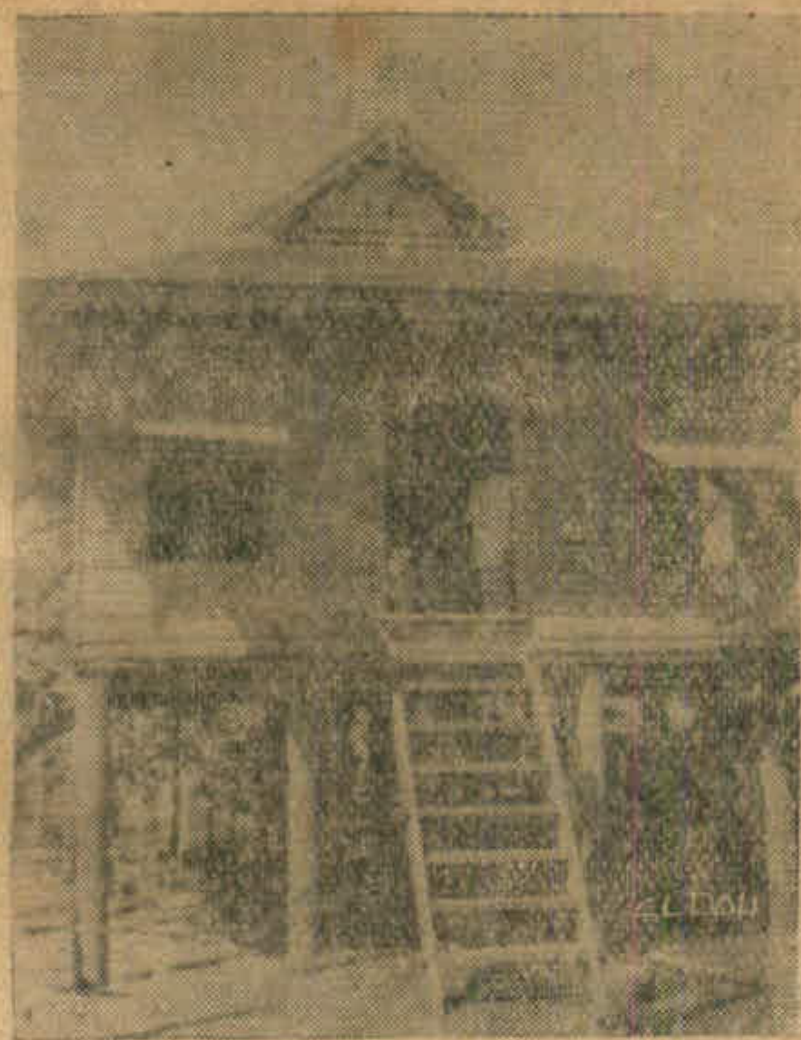
Nếu đòi với đồng bào Chăm Bình-Thuận, Ninh-Thuận, sống trong khung cảnh cũ, người ta có thể dựa vào một số di tích cụ thể, để ghi lại một số sự kiện lịch sử, thì trái lại ở đây không có một đền thờ, không có một thần tượng, nên công việc đó khó thực hiện.

Có hỏi thăm các vị bô lão thì người ta chỉ được biết rằng họ có nghe ông bà ngày trước kể lại một số sự việc rải rác, lơ mờ như những cuộc chạy loạn, chém giết nhau ghê gớm lắm. Nhưng ai chém giết ai, thì không người nào rõ.

Có điều chắc chắn là họ thuộc nhóm đông đảo người Chiêm-Thành ngày trước trên đường viễn chinh, đã vượt dãy cao nguyên Trung-Phán sang Cambodge, sau này vì ảnh hưởng tôn giáo, một phần đã phối hợp với một số người Mã-Lai, khiến cả một vị vua Cambodge cũng phải theo Hồi-Giáo. Vị vua này sau bị quân thần sát hại và những người Chăm cũng bị quân đội Cambodge đánh đuổi và tàn sát. Và có thể là nhóm người Chăm Châu-Độc cũng có nguồn gốc từ nhóm người chạy loạn trên đây.

Hiện nay, tại Cambodge, còn đông người Chăm ở Kampot, Kompong-Cham v. v...

Một viên Thanh tra sự vụ người Pháp tên A. Labuissière, năm 1880 có một phúc trình về người Chăm Châu-



*Một kiểu nhà giới bình dân của
Thôn ấp Chăm Châu Đốc*

Độc, cho họ vốn thuộc hàng ngũ đạo quân thiện chiến đã được vua Minh-Mạng sử dụng đắc lực trong việc dẹp các giặc thổ biên giới và Trà-Vinh.

Dưới triều Minh-Mạng, Việt-Nam chiếm đóng một phần lãnh thổ Cambodia và có đặt quan lại ở Nam-Vang để chăm lo việc cai trị. Một tài liệu cho biết là người Chăm và Mã-Lai đã được dùng làm thân binh để củng cố sự đô hộ của Việt-Nam.

Năm 1840, quân Việt-Nam rút về Châu-Đốc, các đội quân người Chăm cũng rút về theo và được định cư trên tả ngạn sông Hậu-Giang và cù lao Kotampong.

Dấu vết của thời oanh liệt bây giờ chỉ còn lại những cây gươm, những chiếc áo đầy chữ ngoằn ngoèo huyền

bí của các chiến binh mà nhiều gia-đình hiện vẫn còn giữ làm của gia bảo.

Người ta cho biết là tại xã Châu-Giang có một xóm gồm toàn người Mã-Lai, nhưng thực sự thì không có một người Mã-Lai nào cả.

Trái lại, trong xã trên đây người ta chỉ nhận thấy một xóm dân toàn dùng tiếng Miên cả. Dù vậy, phong tục tập quán của nhóm người này nói chung không khác gì toàn thể người Chăm tại nơi đây. Người ta giải thích hiện tượng này, có lẽ là do thói quen tại dân xóm vẫn thường đến buôn bán trên Cambodia mà thôi.

Tuy nhiên, người Chăm ở đây đã chịu ảnh hưởng người Mã-Lai, vì chính các thương gia Á-Rập và Mã-Lai đã đem du nhập Hồi-Giáo trên lãnh địa của Chiêm-Thành ngày trước, hồi thế kỷ XV. Nhưng vì tại Ninh-Thuận và Bình-Thuận, thiếu sự giao tiếp liên tục nên chỉ giữ lại được âm vang của một thời hưng thịnh của Hồi-Giáo trên phần đất này.

Trái lại, người Chăm Châu-Đốc, sống gần những trục giao thông thuận lợi, cuộc sống xã hội không đến nỗi khép kín quá, và lại còn có giao tiếp mật thiết với những người đã gieo ảnh hưởng đạo giáo cho mình.

Trước đây, một số thanh niên đã được gởi đi học đạo tại Kelantan, Pattani (Mã-Lai), nay về nước được sung kính và nắm địa vị lãnh đạo tinh thần thôn ấp, do kiên thức sâu rộng về đạo giáo hấp thụ được.

Người Chăm Châu-Đốc không sống về nghề nông như đồng bào miền

Trung. Chỉ một thiếu số người có điền sản rộng rãi. Còn đa số chuyên buôn bán nhiều hơn, những người nghèo thì chuyên chài lưới.

Ở đây cũng là những xóm nhà biệt lập, nhưng không cách xa xóm của người Việt như ở miền Trung. Dù ở cạnh nhau, việc trao đổi về mọi phương diện được dễ dàng, nhưng nếp sống của người Chăm có những đặc điểm riêng, những tập tục riêng.

Có một số yếu tố căn bản xây nền cho tập tục đó và trong cái xã hội thu hẹp như vậy, có một số kỷ cương đôi khi cũng gắt gao chẽ ngự con người.

Ở đây, sàn nhà cao hơn 3 thước, lát ván thường đánh rất bóng, khách đến nhà được mời ngồi ngay trên ván, không bàn không ghế, nhưng không có những sự lụp xụp của thôn xóm miền Trung.

Và có một điều, như sẽ trình bày sau, xã hội ở đây dường như chỉ là xã hội của đàn ông con trai mà thôi. Giới phụ nữ bị lùi về sau bức màn, sống trong sự kín đáo, ít giao tiếp với bên ngoài.

DOHAMIDE

Kỳ sau : *Sinh-hoạt xã-hội.*

★ « Tôi sẽ mua tất cả ». Vàng đã nói thế.

★ « Tôi sẽ lấy tất cả » Gươm đã nói vậy.

A. Pouchkine

★ Hãy bỏ rơi những kẻ nào tự bỏ rơi họ.

Shakespeare

★ Nói điều thiện của người dường như mình có điều đó.

★ Nói điều ác của người, coi bằng mình mắc điều đó.

Khổng-Tử

★ Nhân loại sẽ cao-quí biết bao nếu mọi người tôn-trọng nhân phẩm của mình và của kẻ khác, mọi người tránh sự bất công, nói ra sự thật, không dùng đến bạo-lực, mách-khoé, gian lận.

Jaurès

★ Người công bằng không phải là kẻ không làm hại ai, mà, là kẻ có quyền năng, để làm hại người những đề nên được ý-muốn đó

Pythagore

★ Thời hiện đại biểu trưng cho cái đặc thắng của sự tầm thường công cộng.

G. le Bon

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

— SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo

— ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập

ĐẢM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG**

— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU** —

Tính-chất chủ-yếu của triết-lý Thiền

LÊ-XUÂN-KHOA

THIỀN là một phép tu không dùng văn-tự, không kinh sách, không cầu-nguyện. Người tu Thiền chỉ ngồi yên lặng, giữ tâm-trí cho định, không suy nghĩ, không biện-biệt, gạt bỏ tất cả mọi tư-tưởng và hình ảnh tốt xấu, nhờ đó Phật-tính sẽ hiển-hiện và giác-ngộ.

Nói cho đúng, Thiền vừa là một thái độ triết-lý vừa là một phương-pháp tu-luyện chứ không phải là một tín-ngưỡng tôn giáo. Muốn hiểu Thiền cho thấu-triệt, người ta thường phải nghiên-cứu thêm về Lão học, vì giữa Thiền và Đạo có những đặc-tính rất giống nhau. Đó cũng là một lý-do giải thích cho ta thấy tại sao Thiền học phải sang đến Trung-Hoa mới thực sự được thành-lập và phát-triển.

Ngoài đặc tính «bất lập văn-tự» tức là chỉ dùng trực-giác để đạt tới

chân-lý được Lão-tử nhắc đi nhắc lại trong câu «Hành bất ngôn chi giáo» (Chương II) hoặc «Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri» (Chương LVI), Thiền-học và Đạo-học cùng có chung cơ-sở giáo pháp hàm chứa trong hai chữ TỰ-NHIÊN (Đạo pháp tự-nhiên — Đạo đức kinh, chương XXV).

Mở lại một bài thơ cổ nhất của Thiền-học là bài Tín-tâm minh của đệ-tam tổ Tăng-Xán, ta đã thấy chứa-chan ý-vị của Đạo-học :

*Chỉ đạo vô nan
Duy hiểm giản trạch
Đãn mạc tăng ái
Đồng nhiên minh bạch
Hào ly hữu sai
Thiên địa huyền cách
Dục đắc hiện tiền
Mạc tổn thuận nghịch
Vi thuận tương tranh*

Thị vi tâm bệnh...
 Nhiệm tính hợp đạo
 Tiên dao biệt não
 Hệ niệm quai chân...
 Trí giả vô vi
 Ngu giả tự phọc....

nghĩa là :

Muốn tới đạo không có gì khó khăn
 Chỉ cần tránh sự lựa chọn
 Chỉ khi nào hết lòng yêu ghét
 Thì Đạo sẽ hiển-hiện rõ ràng
 Sai biệt một ly
 Cũng đủ làm cho trời đất ngăn cách
 Nếu muốn đạt đạo hiện tiền
 Thì chớ sinh lòng hòa theo hay chống đối
 Những sự phải trái xung đột nhau
 Đó là tâm bệnh....
 Hãy theo bản tính tự nhiên hợp với
 Đạo
 Tiên dao mà lánh xa phiền não
 Suy nghĩ chỉ đi ngược lại chân lý mà
 thôi....
 Bạc trí vô vi
 Kẻ ngu mới tự trói buộc mình....

Ý-nghĩa bài thơ trên có thể so sánh với chương 11 trong Đạo-Đức Kinh :

«Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ. Cồ, hữu vô tương sinh, nan dị tương thành trường đoản tương hình, cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hoà, tiền hậu tương tùy.

«Thị dĩ thánh nhân, xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo. Vạn vật tác yên nhi bất tử, sinh nhi bất hữu,

vi nhi bất thị. Công thành nhi phát cư, phù duy phất cư, thị dĩ bất khứ».

Nghĩa là : «khi thiên hạ đều biết đẹp là đẹp thì đã có cái xấu rồi; đều biết lành là lành thì đã có cái chẳng lành rồi. Bởi vậy có với không cùng sinh ra nhau, khó và dễ cùng bổ túc cho nhau, ngắn và dài cùng so sánh với nhau, cao và thấp cùng đảo lộn với nhau, giọng và tiếng cùng hòa hợp nhau, trước và sau cùng tiếp theo nhau.

Vậy nên thánh nhân dùng không làm mà xử sự, dùng không lời mà dạy dỗ. Để cho vạn vật nên mà không cần, sống mà không tư hữu, làm mà không cậy công. Thành công mà không ở lại, vì bởi không ở lại nên không bao giờ mất.»

Thiên và Đạo đều dạy con người trở về với bản tính hỗn nhiên, không bị ràng buộc trong tư duy mâu thuẫn, biện biệt phải trái, xấu tốt. Cuộc đời chẳng phải là một vị trí từ đó ta có thể đạt tới một sự vật gì. Thành công cũng có nghĩa là thất bại nếu ta hiểu rằng con người không bao giờ thỏa mãn và chịu dừng lại ở một thành công nào. Bởi vậy cần phải gạt bỏ trí thức suy luận, gột rửa hết thấy mọi ý-niệm lưỡng nguyên đối đãi mà trở về tự nhiên (Đạo pháp tự nhiên) và hành động theo vô vi, nghĩa là hành động một cách vô tư, vô chấp, không cạnh tranh, không tham vọng.

Đó cũng là cái triệt-lý tìm thấy ở Nguyễn-Bỉnh-Khiêm :

*Ở thê có khôn thời có khó
Chữ rằng vô sự tiểu thần-tiên*

cho nên ông cũng đã ca ngợi một cuộc sống hồn-nhiên thoát tục;

*Thu ăn măng trúc Đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen Hạ tắm ao
Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao*

Thật đúng với tư tưởng Bách-trượng thiền-sư (720-814) khi trả lời một đệ tử hỏi về phép tu Thiền: « Khi nào đói thì ăn, khi nào mệt thì nghỉ ».

Nguyễn-Công-Trứ là một nhà nho nhập thê và say sưa hoạt động với đời, nhưng cũng nắm vững tinh thần Thiền và Đạo lắm nên mới nói:

Hành tàng bất nhị kỳ quan

(Hành động hay ở ẩn không phải là hai quan niệm khác nhau).

Điều cần nhất là hành động không mưu-cầu, không tranh chấp, coi thường vinh nhục, như Nguyễn-Công-Trứ đã từng tuyên bố khi bị giáng xuống làm lính thú: « Khi làm Tổng-Độc không lấy làm vinh thì bây giờ làm lính cũng không coi là nhục ». Trên hết mọi sự, Nguyễn-Công-Trứ vẫn chỉ ca ngợi cái triết lý vô-cầu:

Chữ vô cầu là chữ thiên nhiên

và khuyên người ta tìm hạnh phúc trong cuộc sống thường nhật, bằng lòng với tất cả cái hiện có của mình:

*Tri túc tiện túc, dãi túc hà thời túc
Tri nhàn tiện nhàn, dãi nhàn hà thời nhàn.*

Một đặc tính căn bản khác của Thiền học thuộc phương pháp tu luyện là Đôn-ngộ tức là sự nhận

biết chân lý một cách tức khắc, không phải qua những giai đoạn chuẩn bị và học tập. Trong Phật-giáo, phép Đôn được coi là phương pháp đặc biệt của ngành Thiền trái với phép Tiệm là phương pháp phổ thông. Trong bài trước, ta đã được biết Kinh Lăng-Già (Lankavatara sutra) có phân-biệt Đôn, Tiệm, và kinh Kim-Cương (Vajracchedika sutra) cũng chỉ công nhận giá trị của Đôn ngộ.

Một thí dụ điển hình về Đôn ngộ là trường hợp của lục tổ Huệ-Năng. Theo lời tự thuật của thiền-sư trong Pháp-bảo đàn kinh thì từ thừa thiếu thời, trong một bữa đi bán củi, Sư nghe thấy có người tụng kinh Kim Cương mà hốt nhiên ngộ đạo. Ta cũng nên nhớ rằng Huệ - Năng là người không có học, kinh kệ sau này đều là lời đọc miệng cho người khác chép dùm.

Nói cho đúng, Đôn ngộ là một trạng thái ý thức chứ không phải là một phương pháp, vì thiền-giả chỉ sinh hoạt theo tự nhiên chứ không lệ thuộc vào một phương pháp tu luyện nào hết. Khi nghe lời Chí-Thành thuật lại rằng thầy mình là Thần-Tú chỉ dạy mọi người trụ tâm quán tịnh, ngồi mãi không nằm, Huệ-Năng trả lời: Trụ tâm quán tịnh là bình chứ không phải là Thiền; ngồi hoài thì bó buộc thân xác chứ có ích gì đến chân lý.» Nói rồi đọc tiếp bài kệ:

Sinh lai tọa bất ngọa

Từ khứ ngọa bất tọa

Nguyên thị xú cốt đầu

Hà vi lập công quá.

TÍNH-CHẤT CHỦ-YẾU CỦA TRIỆT-LÝ THIỀN

nghĩa là :

*Khi sống ngồi không nằm
Thác rồi nằm chẳng ngồi
Gốc vốn đầu xương thối
Lấy gì lập công tội (1)*

Bài kệ trên đây có chủ ý bài bác sự câu chấp vào lời ngồi Thiền. Thiền tức là tâm thanh tịnh, còn ngồi hay nằm là tác động thuộc về thân. Nếu tâm đã thanh tịnh, thì dù đi, đứng, nằm, ngồi, lúc nào mà chẳng thanh tịnh cần gì phải ngồi mãi một chỗ. Sắc thân vốn có sanh có tử, khi sống thì ngồi, khi chết thì nằm, đầu ngồi hay nằm cũng không có chi là công, không có chi là tội; vì gốc nó là đồng xương thối, đối với cái diện-mục bản-lai của ta không có ăn nhập gì cả.

Truyền-Đẳng Lục của Tàu cũng chép một câu chuyện có ý nghĩa tương tự : Mi-Tổ (?-788) hàng ngày ngồi Thiền trong am Truyền-pháp. Nam Nhạc Nhượng thiền sư đi đến trông thầy hỏi :

— Đại-đức ngồi thiền, toan làm cái gì đó ?

Mã-Tổ đáp : Toan làm Phật.

Nhượng thiền sư bèn nhặt một viên gạch ra ngồi mài trên một hòn đá trước cửa am.

Mã-Tổ hỏi : Sư mài gạch làm gì đó?

Nhượng đáp : Mài làm cái gương.

— Mài gạch làm sao thành gương được ?

— [Mài gạch không thành gương thì ngồi Thiền há thành Phật được sao ?

Giảng về phép Đôn và Tiệm, Huệ-Năng phân-biệt hai hạng người : đại-trí và tiểu-căn. Đại-trí là bậc tổ ngộ được đôn-giáo. không chấp sự tu ở

bề ngoài, chỉ lo nơi tâm mình hằng phát-khởi cái thầy chân-chánh (chánh-kiến), tức là kiến tính thành Phật. Nhưng vì tự tâm của chúng sinh có mê có ngộ khác nhau. Kẻ mê chấp cái thầy ở ngoài tâm, tu hành tìm Phật mà chưa tỏ ngộ được tự tính, gọi là tiểu-căn. Bài tụng ở cuối phẩm Bát-Nhã trong



Huê-Năng

Pháp-Bảo Đàn Kinh có chép :

*Pháp tức vô Đôn Tiệm
Mê ngộ hữu tri tât
Chỉ thủ kiến tính môn
Ngu nhân bất khả tât
Thuyết tức tuy vạn ban
Hiệp lý hoàn qui nhất....
Phật pháp tại thế gian
Bất ly thế gian giác
Ly thế mịch Bồ-đề*

Cáp như cầu thô giác
 Chính kiến danh xuất thể
 Tà kiến danh thể gian
 Tà chính tận đả khước
 Bồ-đề tính uyên nhiên
 Thử tụng thị Đôn giáo
 Diệc danh Đại pháp Thiển
 Mê văn kinh lụy kiếp
 Ngộ tắc sát na gian

nghĩa là:

Pháp vốn không đồn tiệm
 Mê ngộ có chậm mau
 Chỉ môn kiến tính ấy
 Người ngu dễ thấu đầu
 Nói tuy có nhiều cách
 Rút về một lý thôi...
 Phật pháp ở trong đời
 Chẳng lìa đời mà có
 Lìa đời tìm Bồ-đề
 Khác nào cầu sừng thỏ
 Thấy chính kêu xuất thể
 Thấy tà gọi thể gian
 Chánh tà đều đánh dẹp
 Tính Bồ-đề rõ ràng
 Tụng này là Đôn giáo
 Cũng kêu Đại pháp Thiển
 Mê nghe trải nhiều kiếp
 Ngộ trong sát na liền (2)

Nói tóm lại, Đôn ngộ là một hình thức giác ngộ bằng trực giác (trực chỉ nhận tâm) chứ không phải là sự tìm hiểu chân lý bằng tri-thức la tập. Sự hiểu biết của tri-thức có tính cách lưỡng nguyên đối đãi, phân biệt năng tri và sở tri, nhận tâm với Phật tính,

nhưng Đôn ngộ là một trạng thái của ý thức trong đó năng tri với sở tri hòa hợp làm một thể. « Kiến tính thành Phật » chính là nghĩa thể.

Có những nhà tu thiền vì còn vướng mắc trong vòng trí thức chưa đạt tới trạng thái giác mê khái ngộ. Đối với những người ấy, các bậc sư phụ thường dùng lời văn đáp mâu thuẫn, hoặc dùng phương pháp bạo động như quát lớn, hoặc đánh bất thành linh để đập vào từng lớp kén đáo thâm sâu ở tâm giới đệ tử, ngộ hầu phá vỡ ngại cuối cùng của đệ tử mà giúp cho khái ngộ.

Huệ-Năng dạy cho đệ tử cách giảng pháp cho nhân chúng đã nhấn mạnh vào « đối pháp » như sau :

« Nói tắt cả các pháp, chớ lìa tự tính ; thoát có người hỏi pháp nơi người thì nói ra thấy theo đôi cặp, đều lấy đối pháp tới lui nương nhau rớt cuộc thì hai pháp đều dứt trừ, không có chỗ nào là chỗ đi tới...

Nếu có người hỏi nghĩa cùng các người, hễ hỏi có thì đem không đáp lại, hỏi không thì đáp có, hỏi phạm thì lấy thánh đáp, hỏi thánh thì lấy phạm đáp, hai đường nương nhau nảy sinh ý nghĩa trung đạo. Mỗi một câu hỏi đều đáp lại bằng cách trái ngược thì chân lý không mất được » (3)

(Thuyết nhất thiết pháp mặc ly tự tính ; hốt hữu nhân văn như pháp, xuất ngữ tận song, giai thủ đối pháp, lai khứ tương nhân, cứu cánh nhị pháp tận trừ, cánh vô xứ khứ...

Nhược hữu nhân văn như nghĩa, văn « hữu » tương « vô » đối, văn « vô »

tương «hữu» đôi, vẫn «phàm» dĩ «thánh» đôi, vẫn «thánh» dĩ «phàm» đôi, nhị đạo tương nhân, sinh trung đạo nghĩa ; như nhất vẫn nhất đôi, dư vẫn nhất y thử tác, tức bất thất lý đã)

(Phàm-Phứ-Chức)

Mã-Tổ là một thiền sư nổi danh về ngôn ngữ và hành động lạ lùng. Một đệ tử hỏi : «Sư làm thế nào để hòa đồng với Đạo ?»

Mã-Tổ trả lời : «Ta đã bất hòa với Đạo rồi».

Trong rất nhiều trường hợp, Mã-Tổ đã dùng đến cách quát to hay đánh mạnh vào đệ tử để thức tỉnh tâm Bát-Nhã. Như một bữa kia, Mã-Tổ cùng Bách-Trượng đang đi dạo bỗng thấy một đàn ngỗng trời bay trên không. Mã-Tổ hỏi : «Cái gì đó ?»

Bách-Trượng đáp : «Đó là đàn ngỗng trời».

Mã-Tổ hỏi tiếp : «Chúng đi đâu đây ?»

Bách-Trượng bèn đáp : «Chúng bay mất rồi !»

Mã-Tổ thỉnh lĩnh nắm lấy mũi Bách-Trượng vặn thật mạnh khiến cho ông này phải kêu lên vì đau đớn. Mã-Tổ hỏi :

— Làm sao mà chúng có thể bay mất được ?»

Bách-Trượng nghe nói bỗng nhiên tỉnh ngộ.

Câu trả lời của Bách-Trượng «chim bay mất rồi» chứng tỏ ông còn vướng mắc trong ý niệm thời gian và chuyển động. Mã-Tổ đã khai tâm cho Bách-Trượng thấy rằng thời gian và chuyển

động chỉ là tương đối. Không có việc đàn chim bay mất vì nếu ta đứng ở một vị-trí khác vào một lúc khác, ta sẽ thấy vẫn có đàn chim. Quan điểm của Thiền là vượt lên hết mọi điểm cố định về thời gian và không gian, cũng như cuộc đời thực sự là vô sinh, bất diệt.

Sách Thiền-Uyển Tập-Anh của ta cũng ghi chép một câu chuyện truyền pháp rất điển hình của Thiền học giữa tổ Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi (Vinitaruci) và nhà sư Việt-Nam Pháp-Hiến. Khi Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi từ Quảng-Châu sang nước ta đến chùa Pháp-Vân, gặp Pháp-Hiến tới thụ pháp thì nhìn chòng chọc vào mặt mà hỏi :

— Chú họ gì ?

Pháp-Hiến đáp : «Hòa-Thượng họ gì ?»

Tì-Ni hỏi lại : «Chú không có họ à ?»

— Sao lại không có ? Nhưng đồ hòa thượng biết !»

Tì-Ni thiền-sư bèn quát lớn :

— Biết để làm gì ?»

Pháp-Hiến bất giác tỉnh ngộ, liền sụp xuống lạy xin theo làm đệ tử và được truyền tâm ấn.

Hỏi Pháp-Hiến tên họ tức là Tì-Ni muốn thử xem đệ tử của mình còn chấp ngã hay không. Quả nhiên, Pháp-Hiến còn nhận thấy mình có Ngã. Như vậy là Pháp-Hiến còn chấp vào cái hình-danh sắc tướng (nama-rupa) và của cái Ta. Đã nhận có cái Ta thì tất cũng công nhận có cái Phi Ta (non moi), và phạm vào sự lầm lẫn của trí-thức lưỡng nguyên

đôi-đãi. Bởi thế Vinitaruci mới quát lớn «Biết để làm gì» cốt để thức tỉnh tâm giác-ngộ ở Pháp-Hiến, tuy đã biết không trả lời khi người ta hỏi tên họ mình mà vẫn còn nhận có tên và đồ người ta biết.

Trở về những chữ «Kiền tính thành Phật» là mục đích cuối cùng của phép tu Thiền, ta cần phải nhận định rõ rệt quan niệm về hai chữ «Kiền» và «Tính».

Chữ Kiền mà ta dịch là *Thấy* ở đây có nghĩa là hiểu biết, là ý thức bằng trực-giác, khác với bất cứ một sự hiểu biết hay nhận thức nào do giác-quan hay suy-luận đem lại. Đặc tính của cái thấy trực-tiếp này là vô-trụ, vô-chấp tức là không nương nhờ vào một phương tiện nào dù là lý, là tình hay là sự vật bên ngoài, vì tất cả những thứ ấy (tiếng nhà Phật gọi chung là các Pháp = chư Pháp) chỉ là vọng tưởng, là những giả tướng vô thường. Trí-thức hay tình cảm bao giờ cũng có tính chất lưỡng nguyên, tức là sự phân biệt và chọn lựa các ý niệm trái ngược nhau : khẳng - định hay phủ-định, phải và trái, tốt và xấu, yêu và ghét v.v... Sự hiểu biết trực tiếp và tức thì của Thiền vượt lên trên cả mọi sự phân biệt hay lựa chọn và chỉ phát hiện được nhờ ở trạng thái «vô sở trụ», nói một cách khác, nhờ ở cái Tâm-vô-Tâm, cái trạng thái sinh hoạt hết sức tự-nhiên của tinh thần.

Khi các chúng hỏi tổ Huệ-Năng về lời phú chúc của đệ ngũ tổ Hoàng-Nhân, Huệ-Năng đáp :

— Chỉ trao vốn không, chỉ luận về kiền-tính, chứ chẳng luận đến Thiền định và giải-thoát.

Các đệ-tử hỏi : «Vì sao chẳng luận đến thiền định và giải thoát ?»

— Vì hai pháp ấy chẳng phải Phật pháp ; Phật pháp chính là pháp *chẳng hai*.

— Thế nào gọi là pháp « chẳng hai » của Phật pháp ?

— Một là Thiền, hai là chẳng thiền, mà Phật tính chẳng phải thiền, chẳng phải chẳng thiền, ấy gọi là pháp chẳng hai... Năm uẩn với mười tám giới tự nơi phàm phu thì thấy thành hai, mà người trí giả thì rõ suốt tính nó không hai. Cái tính không hai ấy chính là Phật tính (4).

Trong kinh Duy-Ma-Cật (Vimalakirti sutra) cũng có đoạn chép lời đối thoại giữa Văn-Thù Sư-Li (Manjuci) với đại-sư Duy-Ma Cật về «bất nhị pháp môn». Văn-Thù hỏi :

— Thế nào là Bồ tát vào được pháp môn chẳng hai ?

Duy-Ma-Cật lặng thinh không trả lời.

Văn-Thù bèn thốt lên : Hay thật ! Hay thật !

Thái độ lặng thinh của Duy-Ma-Cật chính là một cách trả lời hùng hồn trong Thiền học. Im lặng tức là chứng tỏ rằng chân lý không thể đạt được bằng ngôn ngữ và lý-luận. Văn-Thù chợt hiểu cho nên mới thốt ra lời khen : Hay thật ! Hay thật !

Giữa thái độ lặng thinh của Duy-Ma-Cật với thái độ giải thích bằng lời

TÍNH-CHẤT CHỦ-YẾU CỦA TRIẾT-LÝ THIỀN

của Huệ-Năng, ta thấy có điều dường như mâu thuẫn. Sự thực đó chỉ là hai cách trả lời đối với hai trình độ khác nhau : Văn-Thù là bậc đại-trí Bồ-Tát, còn đệ tử của Huệ-Năng hãy còn ở trong vòng học giới. Các bậc đại-sư đã tùy theo căn cơ của đệ tử mà truyền tâm ấn hay dùng lời giảng dạy.

Đền đây ta đã có được một ý niệm khá đầy đủ về chữ Tính trong câu «Kiến Tính thành Phật». Tính ở đây tức là Tự Tính, là cái bản tính vốn nhiên thanh tịnh ở tận đáy lòng của mỗi người. Tự tính thanh tịnh ấy thường bị che lấp bởi mê tâm (maya) tức là cái tâm chấp vào vọng tưởng, vào hình danh sắc tướng và trí-thức suy luận. Bởi vậy muốn đạt được tự tính cần phải phá bỏ mê tâm, dứt trừ các pháp để thực hiện cái tâm vô niệm, vô tướng và vô trụ.

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Phẩm-Định-Huệ, Lục tổ Huệ-Năng đã thuyết minh về cái chân tâm ấy như sau : «Pháp môn của ta, từ xưa đến nay, trước hết lập Vô niệm làm tông, Vô tướng làm thể, vô trụ làm gốc, Vô tướng là ở nơi tướng mà lìa tướng, vô niệm là ở nơi niệm mà không niệm, vô trụ là bản tính của người đối với mọi sự lành dữ tốt xấu trong thế gian, cho đến kẻ thù người thân, cùng khi nói năng xúc phạm, khinh khi, tranh giành đều coi là không, chẳng nghĩ đến sự trả oán hại người, ở trong các niệm chẳng nghĩ đến cảnh trước. Nếu như mỗi niệm trước, niệm nay niệm sau nối

tiếp luôn luôn không dứt thì gọi là trôi buộc, còn đối với mọi pháp niệm niệm không trụ tức là không có gì trôi buộc, ấy là lìa vô trụ làm gốc. Các thiện trí thức ! Ngoài lìa hết thấy mọi tướng, thể là vô tướng, mà lìa hết tướng rồi tức là pháp thể thanh tịnh, ấy là nghĩa lìa vô tướng làm thể.

Các thiện trí thức ! Đối với mọi cảnh tâm không vương tới gọi là vô niệm, ở trong tâm niệm của mình thường lìa các cảnh, chẳng bao giờ đối cảnh sinh tâm. Nhưng nếu trăm việc chẳng nghĩ tới, cứ diệt trừ hết mọi niệm thì hễ một niệm tuyệt tức là chết, chết rồi lại thụ sinh ở nơi khác, thể là lầm to. Cho nên kẻ học đạo cần phải nghĩ lìa. Nếu chẳng biết ý pháp thì phần mình lắm còn chưa hại mấy lại khuyên người khác lắm theo ; tự mê chẳng thấy lại chê kinh Phật, vì vậy nên lập vô niệm làm tông ».

Qua lời thuyết minh trên đây, ta nhận thấy tâm vô niệm không có nghĩa là vô tâm hoàn toàn như những vật vô tri vô giác. Tâm vô niệm tức là vẫn có tâm, vẫn tư duy nhưng không chấp vào một ý nghĩ nào. Đó là cái tâm đã phủ định tất cả những gì gọi là cá-biệt, là hình danh sắc tướng, để thể hiện được cái tâm phổ biến đại đồng ; phủ định cái tâm ảo, cái ngã ảo để khẳng định cái chân tâm, chân ngã, tức là tuệ tâm bát nhã (prajna).

Pháp-Bảo Đàn-Kinh cũng giải thích : «Bát nhã tam muội tức là vô niệm. Thể nào là vô niệm ? Nghĩa là thấy biết hết thấy các pháp mà tâm không vương mắc vào. Dừng ra thì tới khắp

mọi nơi mà không quyền luyện hay dừng lại ở nơi nào, chỉ thanh tịnh lấy bản tâm, khiến cho sáu thức ra ngoài sáu cửa, đối với sáu trần không nhiệm không tạp, đi lại tự do không hề vướng mắc, thế tức là Bát nhã tam muội, tự tại giải thoát, là vô niệm hạnh ».

Các yếu tính của Thiền học, như trên đã trình bày, thường được tóm tắt vào trong bốn câu sau đây :

Giáo ngoại biệt truyền

Bất lập văn tự

Trực chỉ nhân tâm

Kiến tính thành Phật

nghĩa là :

Ở ngoài tất cả các giáo điều, ngoài mọi tập quán truyền thống.

Không căn cứ vào văn tự kinh sách

(1) (2) (3) (4) Lời dịch của Linh-Sơn Phật học hội.

Trở thẳng vào lòng người

Thấy được bản tính mà thành Phật

Nói một cách khác, phương pháp của Thiền là *tự nhiên* mà mục đích của Thiền là *kiến tính*. Gọi tự nhiên là một phương pháp đó chỉ là một lời nói, vì thực ra tự nhiên tức là không lệ thuộc vào một phương pháp nào hoặc dùng đến một phương tiện nào. Bao giờ con người thực sự tự nhiên, từ tâm hồn đến hành động, vô chấp, vô cầu, thì ở trình độ ấy, Phật tính sẽ tự nhiên hiển hiện, chẳng khác gì cỏ cây tự nhiên đâm chồi nảy lộc khi mùa Xuân đến, đúng như ý nghĩa chứa đựng trong hai câu thơ Thiền của Nhật :

Ngột nhiên vô sở tọa

Xuân ai thảo tự sinh.

(Cứ thản nhiên ngồi, chẳng làm gì cả, Mùa Xuân tới, cỏ mọc tự nhiên).

LÊ-XUÂN-KHOA

✧ Chim mà mổ quắp thì loài chim sợ. Cá mà mồm ngoáp thì loài cá sợ. Người mà lưỡi sắc sảo thì loài người sợ.

Hàn thi ngoại truyện

✧ Hành động trong khi giận dữ cũng như giương buồm trong cơn sóng gió.

Euripide

✧ Nếu quyền ở tôi, tôi sẽ gieo rắc sách khắp mặt đất như người ta gieo lúa trong ruộng cày.

Horace Maru

✧ Nếu mỗi khi bạn nghe chó sủa mà dừng chân lại thì không bao giờ bạn đi hết đường.

Tục ngữ Á-Rập

✧ Làm việc ngửa chớ tính lợi, hại ; luận anh hùng chớ kể bại, thành.

Tư-Khôn

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM

135. Đại-lộ NGUYỄN-HỮU
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 422

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.)

Văn chương, Văn học

Xác định mấy danh từ

NGUỜI ta thường dùng mà không để ý phân biệt những chữ văn chương, văn học, văn nghệ khi nói tới những sinh-hoạt viết văn, bình văn hay đọc văn. Nhưng bởi vì có ba chữ khác nhau và cũng có những sinh-hoạt khác nhau trong lãnh-vực văn, như vậy thiết tưởng nên xác định cho rõ ràng nội-dung những chữ trên nhằm mục đích lấy những chữ đó chỉ định những sinh-hoạt khác nhau trong lãnh vực văn.

Trước hết, phân biệt văn chương và văn học. Nên dùng chữ văn chương để chỉ định chính những tác phẩm do các nhà làm văn tạo thành : một cuốn tiểu-thuyết, một bài thơ, một vở kịch là văn chương. Nói cách khác, văn chương biểu lộ sinh-hoạt làm văn trên bình diện sáng tác. Văn chương là nội-dung của ý hướng viết văn, là chính cái thực tại văn khác với thực tại suy luận về văn. Suy luận về văn

là văn học. Học là suy nghĩ, nghiên cứu về một cái gì. Nhưng không phải suy nghĩ, nghiên cứu lung tung, mà có phương-pháp, hệ-thống mạch lạc, có cơ sở suy luận và mục-đích suy luận. Đó là một khoa theo nghĩa khoa học (science). Vậy văn học là một khoa suy nghĩ, nghiên cứu về văn, cũng như sử học là một khoa nghiên cứu về sử, chỉ định chính cái thực tại đó là sử. Như thế đã rõ sáng tác không phải là bàn về sáng tác. Văn học biểu lộ sinh-hoạt làm văn trên bình diện nghiên-cứu, lý luận, giới thiệu văn chương.

Nhưng thế nào là tác-phẩm văn-chương ? Những sách gì được gọi là văn-chương ? Ở đây có nhiều ý kiến bất đồng.

Có người cho rằng chỉ những tác phẩm có chủ đích nghệ-thuật rõ rệt như truyện, thơ, kịch mới là tác phẩm văn chương. Có người lại nhận định rằng bên cạnh những tác phẩm thuần túy văn chương ở trên

còn phải kể cả những tác phẩm lịch sử, triết lý, chính-trị, tôn giáo v.v... có nhiều tính chất văn chương hay có giá-trị văn chương. Ví dụ những kinh Phật hay cuốn kinh thánh của Thiên-Chúa giáo. Đó là một tác phẩm tôn giáo nhưng cũng là một tác phẩm văn chương vì những ý tưởng tôn giáo được biểu lộ bằng những ẩn ngữ, văn ảnh rất đẹp, đạt tới một mức độ nghệ-thuật cao sâu... Hoặc tác phẩm triết lý của Bergson cũng là những áng văn thật hay.

Ông Đặng-Thái-Mai trong « Văn học khái luận » định nghĩa văn chương là « một bộ môn văn hóa gồm tất cả những công trình sáng tác về vận văn và tản văn ». Thanh-Lãng trong « Văn chương chữ nôm » cũng lấy lại định nghĩa trên, chỉ bỏ đi chữ văn hóa. Định nghĩa của ông Đặng-Thái-Mai cũng như của ông Thanh-Lãng rất rộng, bao quát nhưng chính vì thế mà có vẻ mơ hồ. Tản văn có thể chỉ tiểu thuyết, kịch, bút ký v. v.. cũng có thể chỉ các tác phẩm biên khảo triết lý, xã-hội, chính-trị... Vì thế không hiểu ý hai ông thế nào? Tản văn hiểu theo nghĩa hẹp gồm tiểu thuyết, kịch, hay theo nghĩa rộng, gồm tất cả những tác-phẩm văn xuôi. Gần đây, ông Nguyễn-Sĩ-Tề (1) muốn xác định rõ hơn và chấp nhận nghĩa rộng. Ông cho rằng văn học sử phải bao gồm tất cả những tác phẩm văn chương thuần túy cũng như biên khảo

có tính cách văn chương. Ông đưa ra lý do :

1) Người Pháp khi biên soạn văn học sử, cũng xét tới các tác phẩm triết lý, tôn giáo, nghệ thuật, sử ký v.v...

2) Người Tàu, như Hồ-Hoài-Thám cũng dành cho các nhà hùng biện, sử học, đạo học một chỗ trong văn học sử.

3) Riêng về Việt-Nam, nếu chỉ xét tới tác phẩm thuần túy văn chương thì văn học Việt-Nam sẽ rất nghèo nàn, vì những tác phẩm phản ánh ý thức dân-tộc nhiều, sâu là những tác phẩm biên khảo, hơn nữa, còn được trước tác bằng chữ Hán, vì thế phải nhận tất cả những tác phẩm bằng Hán văn, không những chỉ là thơ, phú mà cả những sử ký, kinh Phật, triết lý... Ngoài ra, ông còn chủ-trương tiếp thu cả những tác phẩm bằng pháp văn do người Việt làm ra mới đây nữa.

Nhân tiện, ông bác quan-điểm của ông Hồ-Hữu-Tường trong « Lịch sử văn chương Việt-Nam » chủ-trương gạt bỏ văn chương chữ Hán ra khỏi văn học sử Việt-Nam.

Người ta dễ dàng nhận thấy tâm lòng tha thiết của ông Nguyễn-Sĩ-Tề đối với văn chương Việt-Nam, nhưng luận chứng ông đưa ra không được vững chải lắm. Ông Tề muốn nói : vì người ngoài đã làm thế, nên ta bắt chước. Nhưng bắt chước không phải một tiêu chuẩn của chân lý. Nếu người ngoài làm sai, ta cũng cứ bắt chước sao? Còn mỗi lo sợ văn-

(1) Trong bài : « Đối tượng của văn học sử »
Thế kỷ 20, số 1 và « Bàn về văn học Việt-Nam »
Sáng Tạo số 21 (tháng 6-1958).

chương Việt-Nam sẽ nghèo nàn càng không phải là một luận chứng.

Vậy phải căn cứ vào những tiêu chuẩn nào để giải đáp những vấn đề nêu lên trên kia?

Trước hết, nên phải biệt thành hai vấn đề văn chương nói chung và vấn đề văn chương Việt-Nam. Trong vấn đề thứ nhất, xác định hai ý kiến: văn chương là ngành gồm những tác phẩm thuần túy văn chương hay bao gồm cả những tác-phẩm biên-khảo triết-lý tôn-giáo, sử ký, xã-hội có ít nhiều tính chất văn chương? Trong vấn đề thứ hai, xác định văn chương Việt-Nam chỉ gồm những tác phẩm hoàn-toàn bằng chữ nôm, chữ quốc ngữ hay cả những tác phẩm bằng Hán văn, Pháp hay Anh văn do người Việt làm ra?

Vấn đề I : Văn-chương nói chung

Chúng tôi thiết nghĩ không thể chấp nhận ý-kiến tiếp thu tất cả những tác phẩm triết lý tôn giáo v.v... vào lãnh vực văn vì làm như thế là lẫn lộn hết cả (1). Dĩ nhiên, đã

(1) Có lẽ trong thời kỳ đầu, chưa có biên giới rõ rệt giữa văn chương và sử ký « văn sử bất phân » vì người viết sử chưa biên soạn một cách chu đáo; cho nên tác phẩm sử mặc rất nhiều tính chất văn chương vì tác giả chỉ kể chuyện. Trong văn học sử Việt-Nam, từ thế kỷ XV về trước, những cuốn « Việt điện U linh tập, Lĩnh nam trích quái » vừa là sử vừa là văn chương. Từ thế kỷ XV trở đi, văn học đã thành hình và phát triển, nên không thể coi những (Đại việt sử ký toàn thư), (Việt giám thông khảo tổng luận là tác phẩm văn) ọc được nữa.

đành là trong triết lý, có văn chương cũng như trong văn chương có triết lý hay tôn giáo. Ví dụ: Truyện Kiều có triết lý của truyện Kiều, vì nó chứa đựng những ý tưởng lập-trường triết lý, nhưng không phải vì thế mà gọi truyện Kiều là cuốn triết học. Cũng như triết học của Bergson được diễn tả bằng rất nhiều văn ảnh, nhưng không thể gọi tác phẩm của Bergson là tác phẩm văn chương.

Phải căn cứ vào những tiêu-chuẩn nào để phân biệt tác phẩm văn chương khác với tác phẩm triết lý, tôn giáo, chính trị vào chủ đích, ý hướng viết và phương tiện diễn tả.

Cuốn Sử, cuốn Triết, cuốn Truyện đều viết bằng văn xuôi để diễn-tả. Nhưng chủ-đích khi viết sử hay triết là *sự thực* được biểu hiện bằng ý-tưởng hay sự việc, sự-kiện. Cho nên giá-trị của tác-phẩm Triết hay Sử là ở chỗ có đạt tới chủ-đích có hay không: lý-luận có sát thực, việc mô tả đúng với sự-kiện, biên-cổ đã xảy ra thực. Điều cốt yếu là nói lên được sự thực. Dĩ nhiên biên-khảo cũng phải làm văn, chú ý tới cách viết vì tùy ở cách viết mà sự thực sẽ được truyền đạt khó hay dễ, nhiều hay ít, và do đó làm tăng hay bớt khả-năng thuyết-phục. Nhưng ý-hướng làm văn chỉ là phụ, không phải cốt yếu; vì đã rõ nếu biên-khảo mà chỉ có lời văn hay tât-nhiên tác-phẩm không có giá trị gì. Tính chất văn-chương trong biên-khảo chỉ là bổ-túc, có ý nghĩa cần-thiết ở bình-diện diễn-tả mà thôi.

Ngược lại, một cuốn truyện như Kiều, tuy cũng có thể chứa đựng rất nhiều tư-tưởng triết-lý, tôn-giáo, tâm-lý, nhưng chủ-đích của Nguyễn-Du không phải là trình-bày những tư-tưởng đó như những sự thực trong một lập-luận có hệ-thống mạch lạc. Nếu Nguyễn-Du đã chỉ viết một bài nghị-luận về thuyết tài mệnh tương đồ, chúng ta đã không có truyện Kiều. Nhưng ông đã kể một câu chuyện để trình-bày thuyết đó qua một cuộc đời với những hình-ảnh, âm-ngữ, bằng những âm-thanh, màu sắc, rung động tâm-tình. Trong truyện, chủ-đích làm văn cũng cốt yếu như chủ-đích trình-bày tư-tưởng.

Đàng khác, tuy triết-học, sử-học, khoa-học đều sử-dụng ngôn-ngữ, chữ viết như văn-chương để diễn-tả, nhưng cách sử-dụng, lối viết khác nhau. Ngôn-ngữ, chữ viết của Biên-khảo cốt đạt ý. Ngôn-ngữ, chữ viết của văn-chương không những chỉ đạt ý mà còn phải giàu khả-năng truyền-cảm, chứa nhiều tính-chất nghệ-thuật. Không phải chỉ rõ ràng, sáng sủa mà còn phải là màu sắc, âm-diệu, hình ảnh. Một đàng diễn-đạt bằng những ý niệm tổng quát trừu-tượng. Một đàng biểu-hiện bằng những văn-ảnh cụ-thể, đơn-biệt.

Thật ra, trong tác-phẩm biên-khảo, cũng có sử-dụng hình-ảnh cụ-thể, linh-động, nhưng đó không phải là chủ-đích của tác-giả, nghĩa là chỉ nhằm sáng-tạo những hình ảnh. Tác giả *thỉnh-thoảng* dùng một vài hình-ảnh lẻ-tẻ để dễ-dàng trình bày một vấn-đề, một ý-tưởng phức-tạp. Hình-ảnh giữ địa-vị thứ yếu, chi-tiết trong tác-phẩm

biên-khảo ; trái lại trong tác-phẩm văn chương, hình-ảnh tự bản thân là biểu-hiệu trực-tiếp, cụ-thể, chính-yếu của nội-dung tư-tưởng. Vì thế ta thấy có thể căn-cứ vào chủ-đích và cách thể diễn-tả mà phân biệt tác-phẩm văn-chương với tác-phẩm biên-khảo.

Nhưng đã rõ, sau khi phân biệt văn-chương với biên-khảo người ta vẫn có quyền nghiên-cứu khía cạnh văn-chương của tác-phẩm biên-khảo hay khía cạnh tư-tưởng của tác-phẩm văn-chương.

Do đó, trong văn-học-sử, tác-giả có thể đề-cập tới khía cạnh văn-chương của những tác-phẩm triết-lý, tôn-giáo, sử ký v. v... của một thời-đại, hay của một nền văn hóa với điều-kiện không coi những tác-phẩm đó là tác-phẩm văn-chương.

Hay tác-giả cũng có thể đề cập đến tư-tưởng của những tác-phẩm triết-lý, tôn-giáo, sử ký và cả nghệ-thuật của những ngành hội-họa, kiến-trúc, điêu-khắc v. v.. với mục đích nhằm giới thiệu một *khung cảnh* văn hóa, hoặc có thể nói tới cả những biến cố chính-trị, kinh-tế, lịch-sử để phác-họa một khung cảnh xã-hội mà tác-phẩm văn-chương đã thai nghén, hình-thành, phát-triển, từ khung cảnh văn-hóa đó, trong khung-cảnh xã-hội đó.

Nhắc tới những sinh-hoạt tư-tưởng, nghệ-thuật, hay những hoàn cảnh lịch sử, xã-hội có thể cho thấy đôi khi một sự diễn-tiến song hàng giữa những trào-lưu văn-chương với những trào-lưu tư-tưởng, nghệ-thuật như thế những tác-giả đều chung một nỗi niềm,

một khát vọng vì cùng ở một vị-trí, cùng chung một thời-đại, nhưng biểu-
hiện nỗi niềm, khát vọng, nhận-thức
bằng những đường lối khác nhau.

Sự nhắc tới đó nhằm giúp người
đọc hiểu dễ dàng và sâu xa hơn văn-
chương. Trong văn-học-sử như của
Pháp chẳng hạn, các tác giả thường
viết những chương mở đầu để trình-
bày một khung cảnh văn-hóa, xã-
hội, sửa soạn đưa vào chính văn-
chương.

Không hiểu ông Nguyễn-Sĩ-Tề khi
muốn đưa vào văn-học-sử những
công-trình biên-khảo về triết-lý, xã-
hội, chính-trị, tôn-giáo, lịch-sử, Ông
có coi những công-trình đó là tác-
phẩm văn-chương chính công hay chỉ
muốn đề cập tới những tác-phẩm đó
để giới-thiệu một khung cảnh văn-
hóa có công dụng sửa soạn, nhập đề
vào văn-chương mà thôi ?

Vấn đề II : Văn-chương Việt-Nam

Có lẽ không thể coi thơ văn viết
bằng những tiếng nước ngoài là văn-
chương Việt-Nam vì chỉ có những
tác-phẩm sáng tác bằng tiếng Việt
mới hoàn toàn là tác-phẩm văn-
chương Việt-Nam. Hoặc hiểu rộng
hơn, chỉ những tác-phẩm Việt-văn
hay bằng những thổ-ngữ của đồng-
bào Thượng mới là đối-tượng chính-
yếu của văn-học-sử nước Việt-Nam.
Đó là điều hợp lý. Tuy nhiên, Hán-
văn là một trường hợp đặc biệt. Ta
không thể gạt những tác-phẩm Hán-
văn vì lẽ đã có những thời kỳ lâu

dài chữ Hán được coi như quốc-học,
văn - tự chính - thông của dân tộc,
thành ra nó cũng phản chiều phần
nào tình tự, ý nghĩ đời sống tinh-
thần và vật chất của dân-tộc ta.

Tiếng nói, chữ viết của một nước
là cái hồn của nước đó. Nó biểu lộ
sinh hoạt trí thức, giao thiệp thường
ngày, nếp sống tình cảm của một dân
tộc. Nếu mỗi dân-tộc có cá-tính, sắc
thái riêng, thì ngôn ngữ, văn tự của
nó cũng có những sắc-thái, cá-tính
riêng. Do đó không thể diễn tả một
cách linh động, đầy đủ tâm tình nếp
sống của một dân-tộc bằng một ngôn
ngữ khác. Những người làm công tác
dịch-thuật đều cảm thấy kinh-nghiệm
thất-bại đó. Tiếng nói không phải là
một dấu hiệu vô hồn, nhưng gắn liền
với người nói, nghĩa là với ý-nghĩa,
tâm-tình, thái độ của người nói. Đó là
tiếng nói sống động. Nhất là trường-
hợp những chữ không diễn-tả một
ý-niệm trừu-tượng, nhưng gợi lên
một « tiếng động, một chuyển vận,
một cảm giác, một tâm-trạng » như
những chữ mà ông Durand gọi là
những « biểu từ » (mots impressifs) (1)
ví dụ như những chữ hu-hu, rầm
rầm, bồi hồi, bẽnh-bồng, loe loét,
ẻo lả, sơ-xác. Khi đọc lên, người
Việt tưởng như nghe thấy tiếng kêu
hu hu, tiếng động mạnh rầm rầm,
hoặc cảm thấy tâm-trạng thôn-thức
(bồi : đi, hồi : trở lại), hay nhìn thấy
thân-hình vươn uồn yếu ớt, hoặc

(1) Xem bài : Les mots impressifs en Vietna-
mien. M. Durand. Bulletin des Etudes indochi-
noises vol 36. 1961.

cảnh vật tiêu-diêu... Hay những vận cuối chỉ định những ý-tình đặc-biệt. Như vận cuối bằng *oe, oa* có nghĩa mở ra : *loe loét, toe toét, lòa xòa...* hoặc bằng *u, ieu* gợi cảm giác nhẹ-nhàng, êm-dịu : *hiu-hiu, đìu hiu, mông niu, yêu-diêu, phiêu diêu v.v...* Những đặc-điểm sống động đó không thể diễn-tả bằng ngôn-ngữ ngoại quốc được. Dịch thường chỉ diễn được ý mà không diễn được cảm-giác, tình-tự, nếp sống gắn liền với tiếng nói. Đặc-biệt của văn-chương và trong văn-chương, nhất là thơ, nhằm rung-động, truyền-cảm bằng cách thể-hiện cái khả xúc (*le sensible*) ; lại càng hay dùng những chữ tượng hình, chứa đựng cảm giác, tâm-tình, chứ không dùng những chữ trừu-tượng, văn-đề dịch càng khó khăn, hầu như là bất-lực.

Chính vì văn-chương không phải nói với trí-tuệ, phản ánh sinh-hoạt trí-thức, mà nhất là nói với con tim phản ánh nếp sống tình-cảm của một dân-tộc mà văn-chương thường được coi như là tiêu-biểu đầy đủ trọn vẹn nhất của dân-tộc ; cho nên muốn tìm hiểu một dân-tộc, người ta không trước hết tìm đến những tác-phẩm tư-tưởng, nhưng đọc văn-chương, đi xem trình-diễn văn-nghệ. Vì văn-nghệ là tấm gương phản-chiếu con người toàn diện của một dân-tộc, cả về trí tuệ lẫn tình cảm. Biết tiếng nói là con đường đưa tới sự tìm hiểu đó.

Như thế đã rõ không thể quan-niệm văn - chương Việt - Nam, biểu - hiệu những gì là cá tính, đặc-điểm riêng tư của người Việt-Nam, lại có thể viết

bằng một thứ tiếng không phải tiếng Việt.

Căn-cứ vào tiêu-chuẩn ngôn-ngữ là yếu-tố cầu-tạo của một nền văn-chương quốc-gia, không thể coi những tác-phẩm của người Việt viết bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Tàu hay bất cứ bằng một tiếng nước ngoài nào khác là thuộc vào văn-chương Việt-Nam như ông Nguyễn-Sĩ-Tề đã chủ-trương. Thực ra, văn-đề chỉ đặt ra với tiếng Pháp. Thời Pháp thuộc, có một số người Việt viết văn bằng tiếng Pháp. Ý-hướng viết của họ là gì ? Một số sinh tiếng Pháp, thích viết tiếng Pháp, viết để được công-nhận là nhà văn Pháp ; họ là hạng trí-thức vong bản. Người vong-bản là người đã từ bỏ cái mình dân-tộc của mình và lấy cái mình của người ngoại-quốc làm của mình. Họ không phải là người Việt-Nam nữa, vậy sao còn có thể nói tới văn-chương của họ là Việt Nam khi lòng, trí, tinh-thần, ý-nuróng của họ đã là ngoại quốc tất cả rồi. (1) Cho nên không thể có một văn-chương Việt-Nam bằng Pháp văn khi ý-hướng viết là làm văn Pháp dù chất-liệu viết đôi khi là Việt-Nam. Trong khi có thể có một văn-chương da đen bằng Pháp văn chẳng hạn. Trước đây, những dân-tộc da đen cũng chung tình trạng thuộc-địa như chúng ta. Nhưng vì họ bị phân tán lưu đầy hay không có văn tự, nên người trí thức và nhà văn da đen phải dùng

(1) Xem bài : Người vong bản trí thức của tác giả. Đại học số 27, đặc biệt về : Từ Nô lệ đến Tự do.

tiếng Pháp, tiếng của kẻ thông trị để bày tỏ tình tự dân tộc. Tuy viết bằng tiếng Pháp, nhưng chủ đích không phải là cho người Pháp đọc, hoặc thưởng-thức, mà là cho đồng-bào của họ. Cho nên những nhà văn da đen đó là những người yêu nước thực sự và thường tích-cực tham-gia phong-trào giải-phóng dân-tộc của họ.

Trái lại, tất cả mọi người Việt-Nam đều nói một thứ tiếng. Khi nước ta mất, tiếng nói cũng mất. Tiếng Việt bị khinh-bị, bị thay thế bằng tiếng Pháp trong giao-dịch, hành-chính, nhà trường. Cho nên một nhà văn dân tộc không thể không dùng quốc-ngữ để gây ý-thức dân-tộc và biểu-lộ dân-tộc. Mất nước là mất tiếng. Nên yêu cái tiếng, dùng cái tiếng bị mất là một cách thế đòi lại độc-lập, dành lại đất nước. Đó là ý-nghĩa của những tổ-chức Đông-Kinh nghĩa-thực, Truyền-bá quốc-ngữ đã dùng quốc-văn làm phương-ciện tranh-đấu, vận-động lòng yêu nước của người Việt thời Pháp thuộc.

Ngay cả trong trường-hợp những người Việt viết về Việt-Nam với ý-hướng giới-thiệu dân-tộc với người ngoài bằng tiếng Pháp cũng không thể coi tác-phẩm của họ là văn-chương Việt-Nam được. Những người này có thể không phải là vong-bản. Nhưng vì tác-phẩm của họ, nếu có giá-trị văn-chương thực-sự, thì cũng là giá-trị xét theo tiêu-chuẩn văn-chương Pháp, nghĩa là theo cách sử-dụng ngôn-ngữ, hình-ảnh, ngữ-pháp, mỹ-học của Pháp, nên không thể coi là tác-phẩm văn-chương Việt-Nam.

Nói cho đúng, thực ra số tác-phẩm của người Việt viết bằng Pháp văn tương-đối ít và trong số ít đó, rất ít được người Pháp công nhận là có giá-trị văn chương theo mỹ học của họ. Thành ra đứng về phía chúng ta, vẫn-để không còn tầm quan trọng và người viết văn-học-sử Việt-Nam có thể bỏ qua, hoặc cũng lắm nếu muốn nói, chỉ nhắc qua cũng là quá lắm rồi.

Trường-hợp chữ Hán có khác. Trước thời Pháp thuộc, nước ta đã trải qua hằng nghìn năm Bắc thuộc. Đô hộ chính-trị, kèm theo đô hộ văn-hóa. Người Tàu bắt dân ta phải theo tục-lệ văn-hóa Tàu. Mất nước trong thời kỳ Bắc thuộc cũng là mất tiếng. Nhưng tiếng Việt lúc đó còn nghèo nàn nhất là chưa có văn-tự. Mãi về sau mới có chữ Nôm. Nhưng cũng là một thứ văn-tự rất khó đọc như chữ Hán, nên không phổ-biến rộng rãi được. Có người cho rằng chữ Nôm đã có ngay từ đời Sĩ-Nhiếp, hồi Bắc thuộc lần thứ hai, nhưng về sau, đến đời Lý, Trần mới phát triển. Tuy vậy, địa-vị chữ Nôm rất thấp kém vì những khoảng thời gian tranh thủ độc-lập tương-đối rất ngắn so với những thời kỳ nô lệ dài dằng dặc. Ngay cả những thời kỳ độc lập, chữ Nôm cũng không được tuyệt-đối trọng-dụng. Cho nên Hán-học vẫn giữ một địa vị hầu như độc tôn cho đến đời Pháp thuộc.

Chữ Nôm xuất hiện và phát triển song song với sự thức tỉnh ý-thức dân-tộc. Nhưng trong thời kỳ đầu, đời Ngô, Đinh, tiền Lê, nền độc-lập chưa được củng-cố nên những nhà cầm quyền thời đó không được rảnh

rang lo cho văn-học. Đến thế kỷ XIII, đời nhà Trần, mới có Nguyễn-Thuyên làm thơ văn bằng quốc âm và dùng chữ Nôm ghi chép. Sau Nguyễn-Thuyên, nhiều người hưởng ứng, bắt chước ông như Nguyễn-Sĩ-Cồ, Chu-Văn-An đời nhà Trần. Đến Hồ-Quý-Ly, chữ Nôm được coi là văn tự dân tộc chính thức (thế kỷ XV) thay thế chữ Hán trong chiếu chỉ, công văn và được khuyến khích trong công-trình biên soạn văn học và sáng tác văn-chương. Đời Lê, chữ Nôm có phát triển, nhưng chữ Hán vẫn giữ địa vị ưu thế. Tuy nhiên, vua quan cũng quý trọng chữ Nôm và đã làm văn thơ bằng chữ Nôm. Vua Lê-Thánh-Tôn với tập thơ « Hồng-Đức quốc âm thi tập », Nguyễn-Trãi, vị danh thần, với quyển « Quốc âm thi tập » gồm 254 bài thơ.

Tới cuối triều Lê và đầu triều Nguyễn, chữ Nôm càng ngày càng phát triển. Những tác-phẩm giá trị như Cung oán, Chinh-Phụ-Ngâm, Hoa-Tiên, Truyện Kiều đều xuất hiện ở thời kỳ này.

Đời Tây-Son, vua Quang - Trung cũng theo gương Hồ-Quý-Ly lấy chữ Nôm làm văn tự chính thức, nhưng thời gian cai-trị cũng vắn-vỏi như thời Hồ-Quý-Ly, nên trong cả hay thời-đại đó, chưa kịp đi tới những cải-cách sâu xa nhằm đặt một nền-tảng vững-chắc cho chữ Nôm và quốc-âm.

Như thế ta thấy trường-hợp Hán-văn khác hẳn trường-hợp Pháp-văn thời Pháp thuộc. Ngày xưa, trí-thức,

văn-gia hầu hết đều lấy chữ Hán làm văn-tự chính. Ngay cả những người làm văn thơ bằng chữ Nôm, cũng rất thông-thạo Hán văn và cũng không vì thế mà bỏ làm thơ bằng chữ Hán. Hán-văn, thời-xưa, là thứ chữ của con nhà giáo, nhà văn, của người học giả. Vì thế, trừ thời Tây-Son, nhà Hồ ngắn-ngủi, chữ Hán luôn-luôn giữ địa-vị độc-tôn trong mọi lãnh-vực hành-chính, lễ-giao, khoa-cử, học-thuật. Cho nên có thể nói có một văn-chương Việt-Nam bằng chữ Hán vì nội-dung văn thơ đó có nhiều bài phản-ảnh tình tự dân-tộc và chủ-đích viết là biểu-lộ tình-tự dân-tộc. Phần đông nhà nho đều là những người yêu nước và dùng Hán-văn để diễn tả lòng ái-quốc đó. Thơ văn yêu nước bằng chữ Hán rất nhiều như « Bình-ngô đại-cáo » của Lê-Thái-Tổ, « Hịch Tướng sĩ văn » của Trần-Hưng-Đạo, « Nam quốc sơn-hà Nam đề cử » của Lý-Thường Kiệt, v. v...

Trừ một thiểu-số vong-bản khinh chữ Nôm mà họ gọi là thứ chữ « nôm na mách quẻ », hầu-hết nho-gia đều có ý-thức dân-tộc. Nhưng tại sao họ không chống chữ Hán thời Bắc thuộc như các sĩ-phu đã chống Pháp-văn thời Pháp-thuộc bằng các cổ-võ, truyền-bá quốc-ngữ để lay động và biểu-lộ ý-thức dân-tộc, nhất là tại sao ngay cả khi dành lại được chủ-quyền, các nhà Nho vẫn trọng dụng Hán-học ?

Chúng tôi nghĩ rằng lý do chính có lẽ là sự xung đột giữa triều đình và sĩ phu ta với Trung Quốc chỉ nổ ra ở

bình diện chính trị, không ở bình diện ý-thức-hệ (idéologique), bình diện văn-học nghệ thuật. Vua quan Nho-gia ngày xưa chông Tàu là để giữ gìn độc lập chính trị, nhưng về ý-thức-hệ, lại coi Nho học là nhân sinh quan của mình; cho nên về tư tưởng, học thuật, tổ chức chính trị đều lấy Nho học làm cơ sở, mẫu mực và lấy Hán văn làm phương tiện diễn tả, giao dịch. Xã hội ta xưa kia không khác gì xã hội Tàu về cơ cấu chính trị: cũng chính thể quân chủ tập quyền, quốc gia phong kiến và tất cả đặt nền tảng trên Nho giáo.

Chính vì sĩ phu ngày trước coi nước ta với Trung-Hoa và một vài nước láng giềng của Tàu đều ở trong một cộng đồng văn hóa, nhân bản, nên sĩ phu không phủ nhận Hán học, chữ Nho và lấy việc sử dụng chữ Nho trong việc diễn đạt tư tưởng, tình tự dân tộc là một điều tự nhiên. Các sĩ phu đã coi chữ Nho, như chữ của mình, thứ chữ của văn học nghệ thuật, tư tưởng, còn chữ Nôm là chữ dùng để giao thiệp hằng ngày. Một cách khách quan, thái độ trí thức đó đã làm thiệt hại nhiều cho văn chương quốc âm không thể tiến bộ và phát triển mạnh mẽ, vì chính những người có trách nhiệm là nho gia đã bỏ quên hay coi thường nó. Văn chương bằng chữ Hán tuy chứa đựng ít nhiều hình ảnh, tình tự dân tộc nhưng không thể lột được hết tinh thần dân tộc, đồng thời cũng chỉ có một thiểu số thường thức được. Đó là một thứ văn chương bác học, quần chúng không thể lĩnh hội và cũng không thông

cảm được. Người Việt-Nam làm văn thơ bằng chữ Hán gần gũi nhà thơ nhà văn Trung-quốc hơn là gần gũi quần-chúng Việt-Nam.

Cho nên, ta không thể gạt bỏ văn-chương bằng chữ Hán ra khỏi văn-học-sử Việt-Nam, tuy vậy không thể coi văn-chương đó là *thuần-túy* Việt-Nam được.

Văn-ngệ. Chữ này ngày nay rất thông-dụng tuy đã có người dùng từ trước thời-kháng-chiến. Nó chỉ là một chữ rút gọn của hai chữ *văn - học* nghệ-thuật. Thực ra văn-học cũng là một ngành của nghệ-thuật; nhưng vì vai-trò quan-trọng của văn-học, nên người ta tách ra để nhấn-mạnh vào tính-cách quan-trọng đó. Trong nghệ-thuật, có văn và các bộ-môn khác như nhạc, vũ, điêu-khắc hội-họa, kiến-trúc, điện-ảnh.

Chữ văn-ngệ do đó có tánh-cách bao-quát để chỉ-định sinh-hoạt văn-chương nghệ-thuật hoặc sáng-tác hoặc trình diễn.

Văn-học. Có lẽ nên dành chữ văn-học để gọi sinh-hoạt nghiên-cứu biên-khảo về văn-chương. Văn-học ở đây có nghĩa là khoa-văn, một khoa suy-luận về văn-chương. Trong khoa này, có ba bộ môn: lý-luận văn-học, phê-bình văn-học và lịch-sử văn-học. Lý-luận văn-học là một suy-nghĩ, nghiên-cứu lấy chính văn-chương như một sự-kiện, một thực-tại làm đối-tượng khảo-sát. Người làm công-tác lý-luận văn-học tìm hiểu văn-học là gì, nghĩa là xác-định bản-chất, yếu-tính của nó: xác-định cái làm cho một tác-phẩm

văn chương như một tiểu-thuyết khác cuốn sử, bản báo-cáo khoa-học hay tập khảo-luận; nói cách khác xác định thể nào là một tác-phẩm nghệ-thuật. Nhưng nghệ-thuật có nhiều bộ môn khác nhau về cách thể diễn tả, biểu hiệu, do đó phải xác định văn chương là nghệ thuật khác với hội họa, điêu khắc, âm nhạc cũng là nghệ thuật. Sau đó có thể đề cập tới những vấn đề chất liệu văn học, kỹ thuật xây dựng, phương tiện diễn tả để nêu ra những nguyên lý, phương hướng, tiêu chuẩn sáng tác đồng thời khai triển ý nghĩa, mục đích, công-dụng của văn học v. v...

Phê bình văn học xét từng tác-phẩm, từng tác-giả về ý nghĩa và giá trị tư tưởng, nghệ thuật của tác phẩm, tác giả đó.

Lịch sử văn học, hay văn-học-sử nhằm nghiên cứu những tác phẩm hay những tác giả trong quá trình diễn tiến lịch sử của một nền văn-học nhất định, giới hạn trong một nước hay một Châu.

Nhà nghiên-cứu văn-học-sử sẽ xác định những khuynh-hướng, phân chia thời kỳ văn-chương, sắp xếp, giải thích thể nào cho toàn thể lịch sử văn-học mà mình nghiên cứu xuất hiện như một lịch trình diễn tiến có ý nghĩa liên-tục và liên-hệ.

Nhà phê bình văn-học và nhà văn-học-sử có những nhiệm vụ chung sau đây :

a) *Chú thích lịch-sử.*— Tìm xuất-xứ xác định nguồn gốc ảnh hưởng. Ví

dụ phải xem tác-phẩm muốn nghiên cứu có đúng là tác-phẩm đó không, hay có đúng là của tác-giả không.

b) *Giải-nghĩa diễn-cổ, diễn-tích.*— Những công việc này thường khó khăn, đòi hỏi ở người đảm-nhiệm nhiều điều-kiện như phải thông-thạo sử-ký, biết nhiều cổ-ngữ, am-hiểu ngữ-học văn-phạm, bút pháp học v.v... mới có thể làm việc một cách đứng đắn, khoa-học được.

c) *Phê-bình nghệ-thuật.* Công trình chú-thích, giải - nghĩa trên rất quan-trọng và cần-thiết nhưng chưa phải là phê-bình văn-học đích-thực. Người làm công-tác chú-thích thường là nhà bác học thông-thạo những ngành khoa-học chuyên-môn để khảo sát văn-học, nhưng có thể không làm công-tác phê-bình văn-học. Trường-hợp ông Hoàng-Xuân-Hãn chẳng hạn : Ông Hãn là một trong những người đầu tiên nghiên-cứu văn-học-sử Việt-Nam một cách khoa-học nhưng chưa thể gọi Ông Hãn là nhà phê-bình văn-học vì ông chưa xác-định giá-trị nghệ-thuật, thẩm-mỹ những tác-phẩm mà ông đã nghiên-cứu như cuốn « Chinh-phụ-ngâm bị khảo » của Ông chẳng hạn.

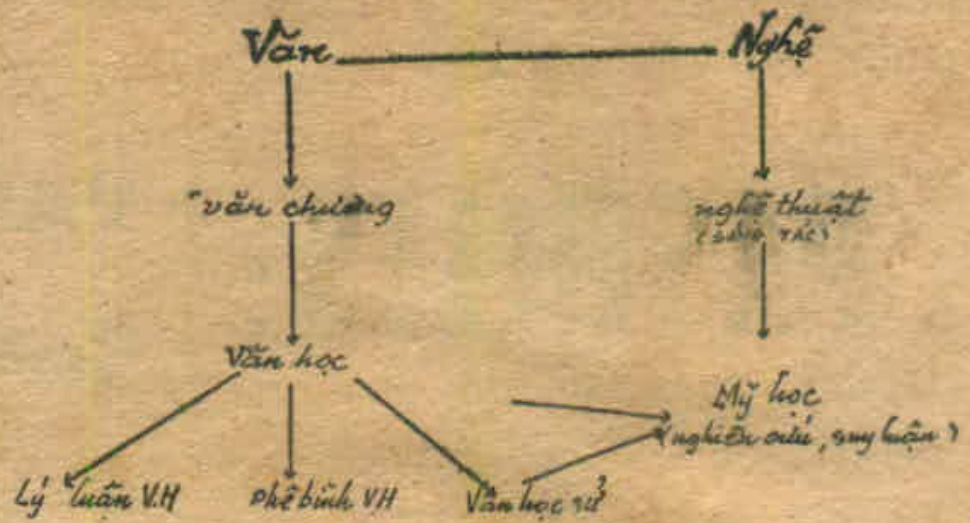
Nên gọi những người chỉ làm công-việc chú-giải, là những nhà nghiên-cứu văn-học để phân-biệt với người phê-bình văn-học.

Nghiên-cứu, phê-bình văn-học chia thành ba bộ-môn, nhưng rất liên-lạc mật thiết với nhau.

Nhà lý-luận văn-học lấy ví-dụ để dẫn-chứng trong phê bình văn-học và

văn-học-sử. Nhà phê-bình và văn-học-sử căn - cứ vào những tiêu-chuẩn, nguyên-lý của lý-luận văn-học để phê-bình, nhận-định.

Thường thường người làm phê-bình văn-học cũng làm văn-học-sử, và đôi khi làm lý-luận văn-học. Nhà lý-luận văn-học không nhằm khảo-sát một nền văn-chương nào nhất-định, nhưng khảo-sát văn-chương nói chung, để xây-dựng lý-luận về văn-chương thành một hệ-thống mạch lạc, tuy vậy, vẫn phải chú-trọng và am-hiêu văn-học-sử vì sự suy luận về văn-chương bắt đầu từ thực tại văn-chương, tức là từ văn-học-sử.



Trong ba bộ môn, lý-luận văn-học quan-trọng hơn cả, vì nó là nền-tảng biện-chính cho phê-bình văn-học và văn-học-sử, là đầu não cung cấp vũ-khí, đường lối, tiêu-chuẩn cho phê-bình văn-học đồng thời soi sáng cho cả sáng-tác văn-chương nữa.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

- ★ Ta cố gắng làm việc tầm thường để trở nên phi thường. Rosalie
- ★ Mỗi người đều nhận hai thứ giáo dục : một thứ do người khác truyền cho, một thứ quan trọng hơn, do mình tự kiếm lấy. Gibbon
- ★ Yêu người ta mà yêu vô lí, thành ra làm hại người ta. Ghét người ta mà ghét vô lí, thành ra làm hại thân mình. Nguyễn-Tế-Thụy
- ★ Người biết « Đạo » tất không khoe, người biết « Nghĩa » tất không tham, người biết « Đức » tất không thích tiếng tăm lòng lẫy. Trương-Cửu-Thành
- ★ Có học vấn mà không có đạo đức, thì là người ác ; có đạo đức mà không có học vấn, thì là người quê. La-Tư-Phúc
- ★ Đừng nói vấn đề này khó. Nếu không khó thì đã không thành vấn đề. Thống chế Foch

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuồng họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRU'ONG-VĂN-CHÔM

Được khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

TÔ ĐIỂM TRONG MỸ-NGHỆ

ĐOÀN-THÊM

điểm chung. Cỗ tìm, thì dần dần nhận rõ : chính là ở phần tô điểm. Bông hoa được thêu ở bức rèm, chạm ở góc bàn, dẹt trên tấm thảm, khắc ở đồ nữ-trang...

Đã có những điểm chung, tất có những cách-thức hoặc thể-lệ chung cho các mỹ-nghệ. Nếu bao quát được, thì sẽ đỡ tốn thời-giờ dò xét tỉ mỉ mà cũng nắm được dễ dàng các đặc-tính, vì đồ-đạc như rừng, mỗi ngày sản-xuất một nhiều, nên cần có ý-thức tổng-hợp.

Mỗi ngành chế tạo dĩ-nhiên phải theo kỹ-thuật riêng, tùy nguyên-liệu và dụng-cụ cần-thiết. Song nếu tô-điểm, thì cổ-lai vẫn tìm đẹp ở chất, sắc, ánh, hình và sự sắp đặt cho cân đối có nhịp điệu hoặc ý nghĩa...

TRONG những lúc ngắm đồ đạc, qua trăm ngàn hình thái khác nhau, ở mỗi loại mỗi thời, tôi vẫn thường cảm thấy lơ mơ hình như có những

Nhưng các yếu-tố và các mục-tiêu kẻ trên, chẳng cũng chung cho cả nghệ-thuật hay sao ? Có khác nhiều, vì ở nghệ-thuật, mỗi tác-phẩm muốn thành



công phải có tính-cách độc-đáo duy-nhất và sáng tạo theo một đường lối đặc-biệt ; còn ở mỹ-ngệ, mỗi thứ đồ có thể và cần được chế ra thành rất nhiều đơn-vị cùng một kiểu (hàng vạn ghê Louis XV) và những phương-thức kỹ-thuật phải tương-đòi giản-dị để dễ áp-dụng và phổ-biến.

Các yếu-tố tô điểm

Chất-liệu. — Vẽ đẹp ở mỹ-ngệ một phần mượn của chất-liệu thiên-nhiên, ở gỗ vân, cẩm - thạch, vàng, kim-cương... Song chất-liệu không những dùng để chế-tạo, còn để ghép thêm mà tô-diểm cho những đồ-đặc thuộc về loại hay ngành khác. Hạt trai, mặt đá của nữ-trang được đính vào nhiều bức thêu ; — khảm sà-cừ, bạc, đồng được đem dát, cần, nạm khay, hộp, bàn, cánh cửa, chuỗi kiếm ; — đá hoa, gạch men, ngà voi đóng cùng với ván lát (marqueterie) ; — lông chim hay xoè trên mũ quân-nhân thời xưa hay tù-trường thời nay ở nhiều miền sơn cước.

Màu sắc — Màu sắc là yếu-tố quan-trọng bậc nhất, có khi độc-nhất trong sự tô-diểm, nhưng ở mỹ-ngệ mang một đặc-tính : phải rải rất đều tay, nhẵn, phẳng trên cùng một diện-tích (à-plats) gọi là sơn thì dễ hiểu hơn. Những vết nguệch ngoạc phất phơ có thể rất đẹp ở họa-phẩm, sẽ bị coi là câu-thả vụng-về trên vuông lụa, tờ bìa, tấm thảm hay đồ gốm.

Khi con người có nhiều tham-vọng phô trương và khắc phục, thì hay tìm màu sắc huy hoàng sán lạn cho những hình-thẻ nguy-nga hoặc oai-vệ : cửa

khôn cửa khuyết, giáp-trụ, bào-mãng, hoành-phi, bát-bửu,... những đồ-đặc của vua chúa các thời các xứ văn-minh và cả các bộ-lạc. Trải qua bao nhiêu triều-đại, Đẹp bị xáo trộn cùng quý-giá và sang-trọng, nên màu sắc như vàng son chỉ để phụng sự một vài tầng lớp xã-hội.

Phải đợi đến cận-đại, các nhà mỹ-ngệ và chuyên-viên trang-trí mới giải thoát màu sắc khỏi những ước-lệ lâu đời mà sử dụng cho đúng hơn với nhu-cầu mỹ-thuật, tìm Đẹp trong sự hòa hợp với các yếu-tố khách-quan khác như chất-liệu, diện-tích, khối-lượng, công-dụng của đồ-đặc.

Nhưng tránh rục rở loè-loẹt, thì lại hay rơi vào buồn tẻ, lạnh ngắt : đó là tình-trạng rất nhiều sản-phẩm chế tạo bằng cơ-khí và cả những máy móc ; nâu, đen, xanh, xám không những là màu áo người lao-động, màu tường, mái các xưởng, các guồng xích, bánh xe, còn là màu của xe hơi, tàu thủy, chai, hộp, cây viết, bàn ghê và bao nhiêu đồ khác mà kỹ-ngệ đã đem lại cho loài người ngót hai thế-kỷ nay. Bởi vậy, nhiều nhà xã-hội-học và mỹ-học đã lo thay đổi không-khí nặng nề và nhờ màu sắc gây một hoàn-cảnh vui tươi hơn, ở đồ vật và những nơi làm việc, trường học, nhà ga, phòng đọc sách, trại lính, công-sở v.v... (1)

Ánh bóng — Nhiều thứ đồ cần có hình-thái giản-dị cho vừa ý đa-số người hiện nay (2). Và lại, công-dụng thiết-thực không dung thứ những nét vẽ bay bướm (như ở báng súng) hoặc những màu quá vui mắt để làm cho

đăng trí và có khi gây tai nạn (xe cộ).
Nên chỉ có thể tìm Đẹp bằng cách mài
nhẵn và đánh bóng; đối với những khí
cụ không thể dày nhưng dễ cầm, mó,
vịn, đẩy; nghĩa là xúc-giác ở đây phải
được thỏa mãn nhiều hơn thị-giác.
Ngoài các chất sơn, nhựa, láng (vernis),
chất men (émail) càng ngày càng được
phổ biến, cùng các chất kim-khí như
kẽm (nickel) và crôm (chrome) khám-
phá từ 1797. Sự bôi bóng và mạ sáng
khiến cho những đồ tầm thường nhất
như cái muống, viên gạch, chiếc đinh
thành ra sạch, mát, mới, vui; song
xảo-kỹ này hay bị lạm-dụng, nên nhiều

đồ mang vẻ hào-nhoáng của kẻ học làm
sang: chân bàn, tay ghế, xe hơi lộng lẫy
với những phụ-tùng vành, nẹp, ngang
làm choáng mắt khách qua đường.

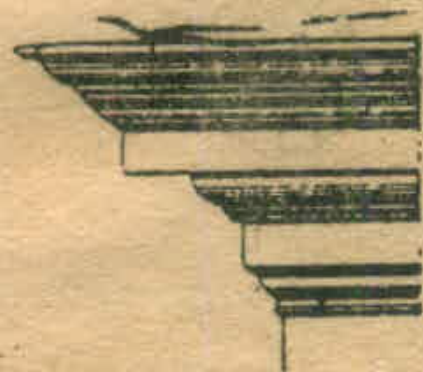
Hình-trạng.— Mỹ-nghệ của mỗi xứ
và mỗi thời cũng như nghệ-thuật đều
có những tính-cách riêng hợp thành
những kiểu-thức đặc-biệt (style).

Song xét về chi-tiết, thì ở bất cứ
nơi nào và bao giờ, cũng có rất nhiều
hình chung, trong sự cố gắng làm tăng
vẻ đẹp của đồ đạc.

Số các hình đó không thể nào đếm
cho hết, nhất là hiện nay nhà mỹ-nghệ
cũng như nghệ-sĩ theo
đường lối tự-do, tùy hứng
tùy tài mà tạo tác.

Nhưng tựu-trung, các
hình tô-điểm đại-khái có
thể phân ra hai loại, căn
cứ vào hai nguồn gốc chính
của sự Đẹp: tạo-vật và kỹ-
hà-học.

Ở loại thứ nhất, các hình
thuộc về tinh-tú vũ-trụ,
thảo-mộc, cảm-thú, nhân-vật, thần
tiên, hay đồ-vật, với hai mục-đích.
Trước hết, con người nhận thấy
những vẻ đẹp thiên-nhiên, muốn thu
lấy cho mình mà tô điểm thân-thể
cùng hoàn-cảnh: yêu hoa ở cánh đồng,
rừng, bụi, đem về trồng thành vườn,
rồi in hoa lên áo (naturalisme). Ngoài
ra, nhiều hình có thể hợp với một
tín-ngưỡng hay một ý-thức, nên được
vay mượn để thể-hiện niềm tin hoặc
ý đó một cách rõ rệt và dễ coi: cán
cân thăng-bằng tượng trưng cho công-



Corniche



Tô-điểm kiến-trúc ở ba kiểu
cột chính của Hy-Lạp

(1) Theo Georges Patricx — *La Couleur dans
l'ambiance du travail* (Esthétique industrielle).
Trong nhiều xí-nghiệp, hiện nay có những chuyên-
viên về màu sắc (Coloristes-Conseil). Ở nơi nào
dụng-cụ trụ-sở có màu sắc đẹp, thì số tai-nạn lao-
động giảm đi, và sức làm việc tăng lên nhiều: kinh
nghiệm rút ở hơn 200 xí-nghiệp lớn nhỏ sau Đại-
Chiến II. — Có lẽ vì thế, mà hồi gần đây, nhiều
bàn ghế và xe hơi cũng mang những màu sắc-sở?

(2) Thời xưa, con người hay chế tạo ti-mi,
chạm khắc cả những vũ-khí, áo giáp, ở phương
Đông cũng như phương Tây; nghệ-sĩ Cellini bên
Ý khắc cả sự tích người Khổng-Lỗ giao chiến ở
đầu chuỗi dao găm... *le jeune Cellini... ciselait*

Le combat des Titans au pommeau d'une dague
(thi-sĩ J.H de Herédia)



Frettes



Grecques (triện)



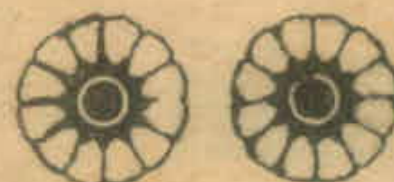
Entrelacs



Méandres



Pestes hay lá Flots (thủy ba)



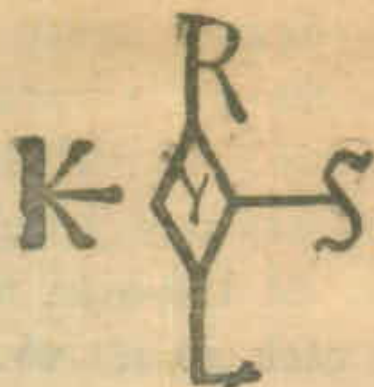
Rosettes (hoa thị)



Gedrons



Dentelures



Monogramme



Lettrine

lý, chim đại-bàng vươn cánh để tỏ trí quật - cường, tứ-linh long lân qui phượng tức là các sức mạnh cao quý trong trời đất (symbolisme) (1).

Loại thứ hai gồm các hình kỷ-hà-học, tam-giác, bát-giác, vuông, quả chám... hay nói cho gọn hơn, là muôn vàn đường góc diện-tích kết hợp theo các chấm (points) vạch thẳng (Droite) hay vạch cong (courbe).

Các chấm, hoặc hạt, có thể tụ vào một khoảng nhỏ (semis) hay xếp đặt đều hàng như trên mặt con súc-sắc, hay lấm tằm như sao trên vải lụa cần điểm ánh vàng bạc (granulé, pailleté).

Đường thẳng đứng, nằm, hay nghiêng, đều cứng cỏi, rành mạch, nhưng dễ coi hơn nếu đi song song nhiều vạch (rayures) : Khi chắp thành hình, thì mỗi hình gọi một cảm-tướng

(1) *Tinh-tú và vũ-trụ* : như mặt trăng, mặt trời, ngôi sao, đợt sóng (ở cờ, mũ, binh-phục, huy-chương...)

Thảo-mộc : như mai, lan, cúc, trúc của phương Đông, bông huệ ở áo các vua họ Capet bên Pháp, oanh trúc-đào ở mũ văn võ phương Tây, lá acanthe ở đầu cột nhà, các thứ hoa lá ở tường, trần (rinceaux, frises...)

Cầm-thú : Bạch-ngà, nhạn, yến, chim sẻ, dơi, rắn, ngựa, hươu, hổ, báo, dê núi (bouquetin ở lọ và bàn ghế).

Nhân-vật, thần-tiên : Thần Ái - tình nhỏ như con nít (Amours) thần Vệ-nữ, các nữ-ngư-tiên (sirènes) người thân bò (Centaures) người thân dê máu dê (Satyres) Bát-tiên quá hải, thần Vishnou của Ấn-Độ.. Người thật thì ít lấm, trừ vài bộ phận như sọ hốc hác đặt trên 2 xương đùi..

Đồ-vật như Bát-bửu, khí-giới, cây bút và thanh-kiếm ở bình-phong, bội-tinh, đàn thất-huyền (lyre) ống kèn (trompettes), bầu rượu túi thơ....

khác nhau tùy người ; đối với riêng tôi, Tam-Giác = sắc cạnh, nhọn, ác ; — Vuông = đầy đủ nhưng chặt - chẽ quá ; — Lục-Lăng = điều hoà ; — chữ Nhật dễ ưa hơn cả, chắc vì thể đa-sô các khung tranh, mặt bàn, cánh cửa, danh-thiệp... đều theo hình đó.

Đường cong hóa ra hình tròn hay trái xoan (oves) có thể uốn mềm như cung (arcs) lượn quanh nhiều khúc (serpentine, méandres) cuộn vài vòng (volutes) xoáy tròn ốc (spirales). Tròn cong thì mềm, nhẹ, xinh, dễ hợp với tâm-tình hơn là lý-trí, nhưng dùng vụng hoặc nhiều tất dễ yếu đuối rườm rà, nên cần được những đường thẳng chề ngự.

Dù thẳng hay cong, các đường thường được chắp nối cho liên tiếp (arrangements continus), bắt ngang đón dọc thành những ô hay mạng lưới (réseaux, quadrillages) tỏa ra nhiều chi nhánh (ramifications) tóm lại, đi từ đơn-giản đến phức-tạp để thành mỹ-thức (1).

(1) Một số tỉ-dụ về kết hình tô-điểm theo kỷ-hà-học : *Với các chấm các hạt* : hàng hạt trái xoan (rangs d'oves ở cột hay tường), chữ ngũ năm chấm (quinconce ...)

Với đường thẳng : chữ thập (12 thứ) triện (grecques) răng cưa (dentelures) mê-cung nhiều lối (labyrinthe) các ngôi sao (étoiles) các kẻ vạch lồi lõm song-song (cannelures) bát-quái của phương Đông.

Với đường cong : vôi cuộn (vrilles) bánh xe quay (roue tourbillonnante) đường tết chéo (entrelacs) các vòng cung (15 thứ Arcs) các cánh hoa xoè đều (rosaces) các cành lá ở điêu-khắc, kiến-trúc (guirlandes, fleurons, festons, rinceaux...)

Các phương-thức mỹ-nghệ

Để thực hiện một mỹ-thức Motif, (1) mỗi nhà mỹ-nghệ dùng khí-cụ riêng, đưa tay theo những tác-động riêng mà tổng-số hợp thành một kỹ-thuật cò-truyền hoặc mới được phổ-biến.

Như một bó hoa huệ, có thể thêu bằng kim với nét khâu mũi chỉ (points) — hay đắp nổi bằng vữa (reliefs) với chiếc bay của thợ hồ, — hoặc khắc trên gỗ với chày đục của thợ mộc, — hoặc đập cho lồi ra (repoussé) trên lá vàng lá bạc bằng búa nhỏ vuông đầu...

Song dù nhằm mỹ-thức nào, và nhờ kỹ-thuật nào, nếu muốn cho đẹp, các nhà mỹ-nghệ thường áp dụng một vài phương-thức mà có nhà nghiên-cứu đã coi là những qui-luật (2). Nhưng cũng như ở nghệ-thuật, thiết nghĩ cần quan niệm một cách rộng rãi, vì sự đẹp không thể đóng chặt vào những khuôn khổ cứng nhắc; những phương-thức ở đây không thể có tính-cách bó buộc, chẳng qua là một số *lĩnh-nghiệm* rút ra từ nhiều nhận xét chung.

Chứng cứ, là mỗi tác-giả đòi hỏi một khác. Theo giáo-sư Duvillé (3) mỹ-thức phải đủ những điều-kiện:

- gây cảm giác mạnh (intensité)
- biến cải cho vui mắt (variété)
- hòa hợp chi-tiết và toàn-thể (concordance)

Và muốn được như vậy, ông bắt chú trọng đến qui-củ, tiết-điệu, và mạch-lạc liên tiếp (Ordre, rythme, succession).

Nhưng đối với Charles Blanc, lại có những 5 luật chính và 5 luật phụ, gọi bằng những danh-từ khác:

1) nhắc đi nhắc lại nhiều lần một mỹ-thức (*Répétition*).

Phụ: Phải theo cùng một thể một điệu (*consonance*).

2) cách mỹ-thức nọ đền mỹ-thức kia (*Alternance*).

Phụ: phải cho đối chọi với nhau (*contraste*).

3) các hình cần được cân đối (*Symétrie*).

Phụ: cho tỏa chiều đều, từ một trung-tâm (*rayonnement*).

4) tiến dần từ nhỏ đến lớn, từ ít lên nhiều (*Progression*).

Phụ: từ thấp lên cao (*gradation*).

5) trình bày hỗn-tạp (*Confusion*).

Phụ: có thể theo mỹ-thức phức-tạp (*complication*).

Cứ một khoản thứ 5 của ông, — ưn, đủ phá hết 4 khoản trên, vì nếu đã có

(1) Chữ *Motif*, theo tự-diễn Đào-Đăn-Vỹ, là « kiêu vế », theo tự-diễn Đào-Duy-Anh, là « kiêu trang sức ». Song như vậy không rõ ràng, vì chính ở các tự-diễn này, chữ « kiêu » cũng lại được dùng để dịch tiếng « Style » và tiếng « Modèle ». Vì Motif là hình nào chính-yếu đề tô điểm một đồ vật, như « chùm nho con sóc » ở các xà nhà cánh cửa, nên xin tạm dịch là *Mỹ-thức* cho tới khi nào ai tìm ra tiếng đúng hơn. Bởi Việt-ngữ còn quá nghèo nàn về danh-từ mỹ-thuật, nên trong bài này, cần ghi thêm nhiều tiếng chuyên-môn bằng ngoại-ngữ mà chưa ai lo dịch.

(2) *Les lois générales de l'Ornement* của ông Hàn-Lâm Mỹ-Thuật Charles Blanc. (*Grammaire des Arts décoratifs*).

(3) *Décoration et Styles* của giáo-sư D. Duvillé, (*Encyclopédie technique Roret*).



của Ai-Cập trước
Dương-Lịch



của Hy-Lạp, trước Dương-Lịch



của La-Mã, trước Dương-Lịch



của Đức, thế-kỷ XVI



của Pháp, thế-kỷ XIX



của Nhật, thế-kỷ XIX



của Ba-Tư 4500 trước
Dương-Lịch



của Ấn-Độ, thế-kỷ XVII

thể «hỗn tạp», thì mặc ý tung hoành, có quyền thoát ly khỏi những đạo luật mà quả-nhiên nhiều nhà mỹ-nghệ hiện nay không theo nữa. Tuy họ cũng thấy cần qui-củ, qui-củ đó phải tùy cá-nhân liệu tìm lấy.

Dù sao, những luật của các ông cũng có giá-trị tương-đối, hướng dẫn sự quan-sát của chúng ta ở những đồ-đặc đã chế the kiểu, và giúp ta dò lại những bước đường của nhà mỹ-nghệ qua các thời đại; cũng không nên coi các phương-thức đã có là lỗi-thời, vì nhiều kiểu cũ có khi sống lại. Duy những phương-thức được nêu ra, có thể thu gọn cho dễ xét hơn, và bỏ tức bằng những nhận-định khác.

a) *Phân-minh (Netteté)* — Trong thiên-nhiên, ở bờ sông, xó rừng, bãi biển, sỏi đá cây cối xù-xì, lò-xò, hỗn độn, vương cả mắt lẫn chân tay. Trái lại, giữa nhân-quần, còn người cần tổ chức đời sống; hoàn-cảnh do trí-não tạo ra, đòi hỏi trật-tự cho gọn và tiện. Mỗi đồ vật phải có hình khối với góc cạnh nhẵn, phẳng, rõ rệt. Nếu đủ các điều kiện đó, thì vẻ đẹp có thể hiện ra hoặc nổi bật. Bởi vậy, người ta hay theo những lẽ lỗi sau:

— *Vạch kẻ*, dùng nét, kẻ, để chia phần trên phần dưới mà giới hạn, chứa đựng các hình vào mỗi khoảng đều đặn như ở tường, cột, mái, đồ gỗ (*rainures, cannelures, moulures*). Ở thời tiền-sử, cổ-nhân vẽ lên vách đá hoặc làm đồ kim-khí, chưa biết phương thức này.

— *Viền ở vải, da, quần áo*

— *Nẹp ở vật cứng như gỗ, đồ đan.*

— *Vành, khung* quanh ván, cánh cửa, gương soi, đầu mái nhà thành khoảng tam-giác hoặc «mí nhà» (*fronton và tympan*), nhất là tranh ảnh. Một bức ảnh hay tấm tranh, hễ lồng vào khung tất nổi hơn trước gấp bội. (1)

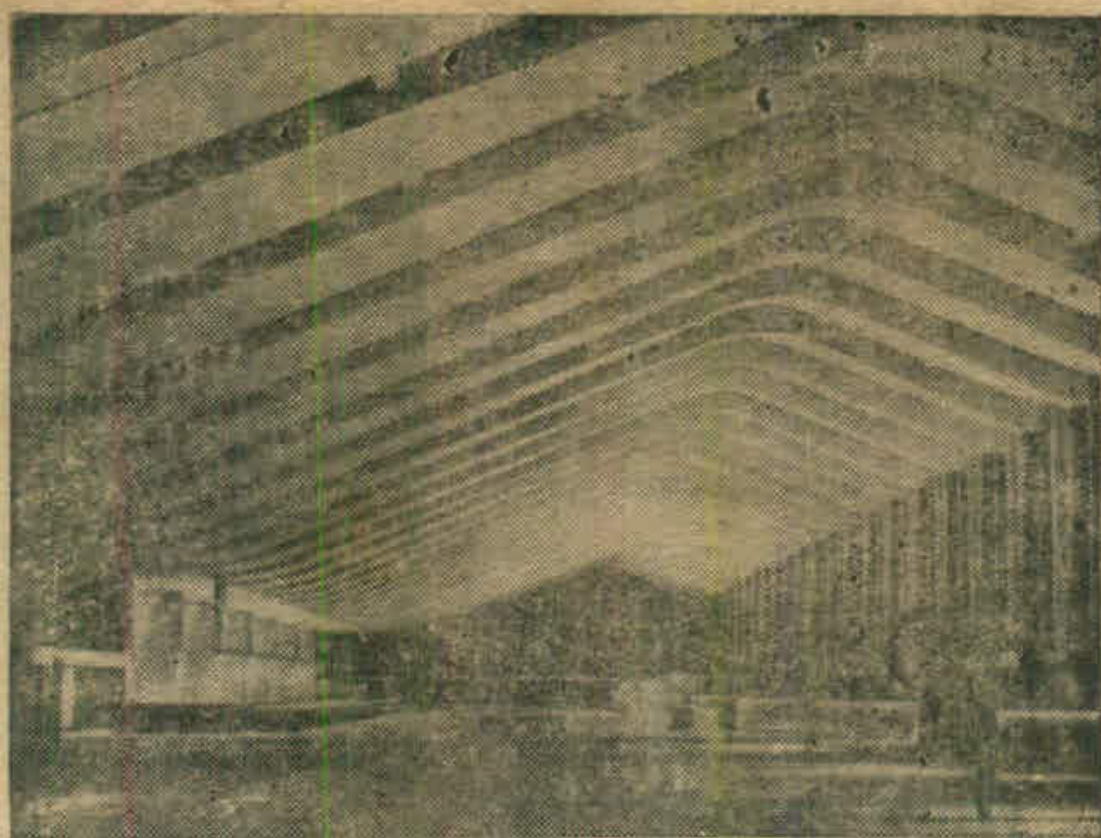
b— *Cân đối (Symétrie)* Đẹp ở mỹ-nghệ đi liền với tiện-ích, dễ coi nhưng còn phải chắc chắn và lâu bền. Các chân bàn phải đều nhau mới đứng vững, hai cánh cửa không thể bên to bên nhỏ thì khóa hay đóng mới chặt... Nhà mỹ-nghệ khó tránh sự cân-đối; và cân đối thực ra cũng gọn mắt, hợp với nhu-cầu qui-củ. Cho nên, hai tay ghế đã bằng nhau, thì cũng mang những sắc hình tô điểm giống nhau.

Sự cân-đối ở hình-sắc của đồ-đặc, cần phân biệt rõ ràng với sự cân-đối trong cách bày biện. Rất có thể nhà trang-trí chỉ treo một bức tranh lệch về một góc tường, chớ không đặt vào chính giữa hoặc treo hai bức bằng nhau ở cùng hàng: vẫn dễ coi nếu thích-ứng với vị-trí của các vật khác trong hoàn-cảnh. Nhưng mỗi góc cạnh của khung tranh tất-nhiên không thể méo, vẫn phải song song thành theo chữ nhật.

(1) Theo nhà mỹ-học René Huyghes, thì sự lồng khung do người Ai-Cập tìm ra trước tiên, và phương thức trọng yếu này được lưu truyền mãi; không gian được xân ra từng khoảng, sự giới hạn đưa tới sự phân phối các hình thể và sự bố cục trên các công trình kiến trúc và mỹ nghệ (*Invention du cadre et de la composition — des Empires Agraires*)

(2) Các nhận xét ở đoạn này, cũng như trong bài này, đều căn cứ vào đa-số các trường hợp thường gặp; không kể đến những kiểu đặc biệt phá cách cho tàn kỳ, vì tương đối cũng ít.

Ở một thứ đồ, nếu điều-kiện vững chãi đã đủ rồi, thì sự cân-đối có thể thay bằng sự xúng-hợp. Nếu có những bình hai quai dính vào hai bên cổ (amphore) thì nhiều âm trà thường chỉ có một quai mà trông vẫn ngay ngắn, không thấy lẻ loi ; vì đường cong của quay xúng hợp với nét cong của ống vòi rót nước.



Nhịp điệu ở một nhà ga phi-cảng tại La-Mũ (Ý)

Ngoài ra, nếu sự cân-đối đã ở hình-thể của đồ, nhất là đồ nhỏ như chiếc hộp, chiếc bình, thì không cần

thấy nữa ở các mỹ-thức tô-điểm, vì sẽ quá nhiều và làm mỏi mắt (lorsque la forme est symétrique comme le veut la céramique ornementale, il est inutile que la symétrie reparaisse dans le décor : C. Blanc).

Dẫu sao, ở mỹ-nghệ thời nay, cũng như ở hội-họa điêu-khắc, vẻ đẹp có thể đi đôi với sự lệch-lạc cố-ý, thoát lệ thường để tìm thú tân-kỳ ; có những lọ pha-lê uốn mình vặn vẹo, những đĩa đựng tàn thuốc lá không theo hình chi rõ rệt, gần giống mảnh lá, gần giống vỏ sò : tuy lối ra lõm vào, nhưng vẫn nhấn nhủi bóng bẩy với đường nét mềm mại.

c— Nhịp - điệu (Rythme) Tại sao những thêm nhiều bậc, những cầu nhiều khoang, những hàng rào sắt nhiều then, những dây đàn lục-huyền, lại hấp dẫn con mắt tôi hơn là cửa tháp bằng sắt, cầu thẳng thuật, tường gạch chạy dài hoặc một dây căng thẳng ở

đàn bầu ? Nghĩ cho cùng, chỉ thấy một lý-do : những then, khoang, bậc, dây đều hàng, song song, gây một cảm tưởng nhịp nhàng sánh điệu. Cũng bởi lẽ đó, mà ở nhiều đền đài thời xưa, người ta hay xây từng dãy cột theo dọc hành lang (colonnades, pérystiles) và giả thử bỏ hết, thì miếu Parthénon ở Nhã-Điền, nhà thờ La Madeleine ở Ba-Lê, điện Alhambra ở Grenade sẽ chẳng còn đẹp nữa.

Có thể nói là các đường nét cột này nhắc lại đường nét cột kia, và lối nhắc đi nhắc lại nhiều lần (répétition) ở kiến-trúc cũng như ở mỹ-nghệ, mặc-nhiên thành một lệ mà bao đời đã lảng lảng theo, đem một hình sắc nhân làm mây mười trên tà áo, màn thêu, tù chạm v.v...

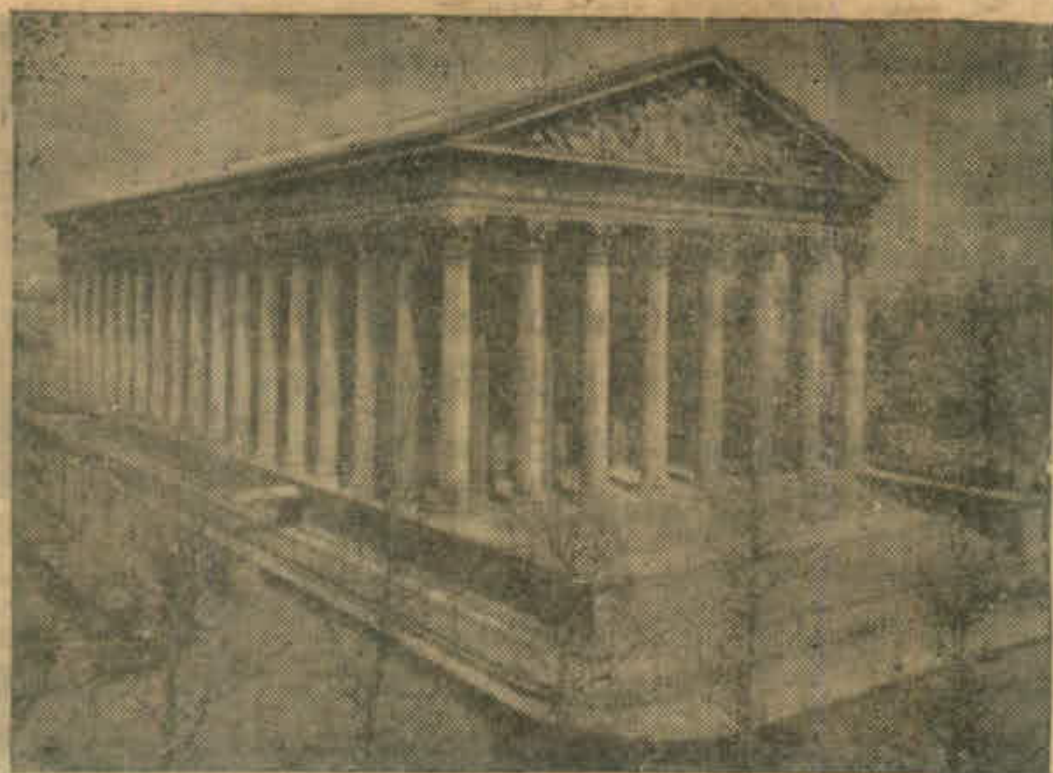
Có khi hai ba mỹ-thức nhỏ liên-tiếp cùng hàng, như một vòng tròn rồi đến một ô vuông, hay một bông hoa rồi đến một cành lá, và cứ thế mãi ;

sự xen cách nhau như vậy (alternance) chẳng qua cũng chỉ là lỗi giao nhịp phức-tạp hơn là song song một nét một hình.

Nhịp điệu còn có thể thực-hiện bằng những chi-tiết giao động hoặc cho cảm-tưởng là giao động: như những tua (glands) ở ngù vai hay viền khăn, những nếp (plis et drapés) ở vạt áo hay tượng người, những dây buông thõng (pendentifs) những chuỗi rung rinh như ở đèn trần nhiều ngọn (lustre)... Tuy-nhiên, những phương-thức tô-diểm này lâu nay ít thông-dụng vì các vẽ thướt-tha vương-viú không thích-hợp nữa với đời sống hiện-tại đòi hỏi sự gọn-gàng.

d— *Thích-ứng* (Convenance) — Ở đồ đạc, chỉ thấy đẹp nếu có hòa-hợp và nhất là điều-độ, nhờ sự tương-giao hoặc tương-phản để chề-hóa, của các đường nét, hình-thể và ánh sắc. Cũng như ở nghệ-thuật, người ta lợi dụng đặc-tính của nét thẳng bên cạnh đường cong, của màu nóng xen lẫn màu nguội, của màu phụ màu chính làm nổi bật lẫn nhau. Đại-khái như vậy, còn thì tùy sự khéo-léo của người tạo-tác, cùng những điều-kiện khách-quan như sự thích-ứng ở mỗi ngành mỗi loại.

Gạch lát nhà không thể mang những hình sắc ánh nào theo lời viễn-họa; nếu nhìn xuống thấy gần xa, tất bước đi chập choạng dễ trượt ngã; — Ở sàn, đệm ghế, thảm chùi chân, không



Nhịp điệu ở thánh-đường La Madeleine Paris

vẽ mặt người vì chẳng lẽ ngồi lên hay có thể chà đạp? Song nếu vậy, bắt các phụ-nữ đem thân kiểu-diểm ra đội đèn, làm chân bàn hoặc cột nhà (cariatides), cũng là sự quá đáng và trái nhân-phẩm.

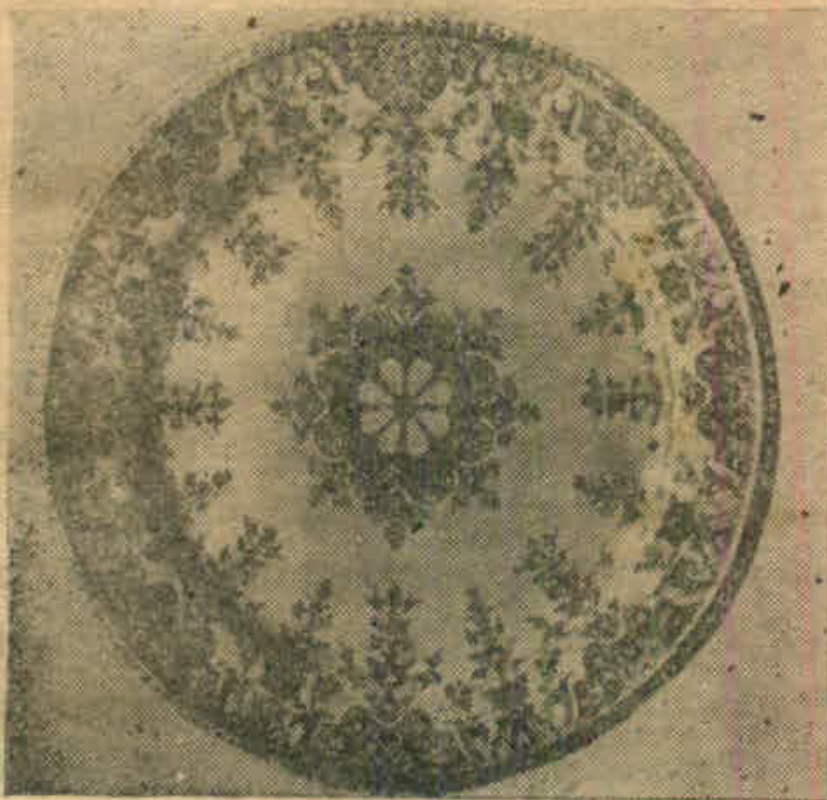
Nhiều thứ từ Âu-châu thế kỷ XIV, XV, rất nặng nề cục-mịch tuy chạm trổ, vì bất chước kiểu kiến-trúc; tuy cũng cần xà ngang ván dọc, có nóc, có cửa, có ngăn, nhưng không thể căn-cứ vào vài chi-tiết tương-tự mà đem vào đồ vật nhỏ, những qui-mô của ngôi nhà đồ-sộ. Hình-thể thích-ứng với bề thế lớn, không thích-ứng với kích-thước nhỏ.

Còn rất nhiều tỉ dụ, nhiều trường-hợp không thích-ứng: bông đeo tai, mà lại là chiếc xe kéo, dù nhỏ xíu; — sách dạy toán-pháp khô-khan, mà đóng bìa gáy vàng nạm hoa, — đĩa đựng tàn thuốc lá, sao lại chứa một cô khóa-thân giơ đùi ra vẫy thiên-hạ?

Hoàn hảo (le fini) — Đẹp ở kiệt-tác nghệ-thuật phải man mác bất-tuyệt, càng nhìn càng thấy nhiều thú-vị (1).

Nhưng đẹp ở mỹ-nghệ phải cho thấy dễ dàng, tất cả, chẳng đợi khám phá, thì mới bán được. Một chiếc chén, không thể hơi méo, mặt bàn không thể hơi gồ ghề... tóm lại hề tròn thì phải thật tròn, vuông phải thật vuông, trong sáng phải thật trong sáng.... Nhược-bằng còn để tiếc đôi

nghệ-thuật là những giá-trị tinh-thần chỉ được thông-cảm sau nhiều thời-gian tiếp xúc. Bát đĩa, vải lụa của phương Đông đưa sang phương Tây hay ngược lại, thường đến trước pho sách hoặc bức tranh; và bởi được trao đổi nhiều hơn giữa các dân tộc, nên sự hồ-tương ảnh hưởng cũng mạnh và mau hơn các tác-phẩm nghệ-thuật. Chữ triện là một mỹ-thức tô-điểm của Hy-Lạp hay Trung-Hoa ?



Của Pháp, cuối thế-kỷ XVII



Của Trung-Hoa, thế-kỷ XIV

chút, thì khó lòng được tha-thứ; và hoàn-hảo là điều-kiện bị yêu-sách gắt gao, nhất là khi thủ-công phải đương đầu với kỹ-nghệ, thì sự sơ-suất của bàn tay, càng bị lộ rõ ở bên cạnh tinh-vi của cơ-khí. (2).

Đồ đạc ứng dụng vào những nhu-cầu thiết-yếu của con người, nên dù ở các đời các xứ khác nhau, cũng mang nhiều tính-cách tương-tự và dễ hiểu, chứ không như văn-chương

Điều đó không đáng chú ý bằng sự đồng-nhất, mà ta càng thấy rõ ở đời sống hiện-đại mỗi ngày một quốc-tê hóa nhiều hơn.

(1) B. K. số 136.

(2) Người Âu Mỹ thường phân nân rằng các nhà mỹ-nghệ ở nhiều nước chậm tiến đã để mất truyền-thống "hoàn hảo": ít khi chọn được một chiếc bình mà men không có vết, một cái tủ mà mặt sau cũng được bảo cho thật nhẵn. Dù sao, nếu không đáp lại nhu-cầu hoàn-hảo, thì nhiều ngành mỹ-nghệ sẽ chết và chết hẳn.

Ở Âu-Châu, Cận-Đông, hay Nam-Mỹ.... các yếu-tố và phương-thức tô điểm đều phát nguyên từ sự quan-sát tạo-vật. Hình-thể, ánh-sắc, tiết-điệu,... đều có sẵn trong thiên-nhiên, con người chỉ tìm cách phỏng theo, chăm chú để thấu được vào gỗ, vải, đồng, sứ, chớ không thể tự hào như một sô nghệ-sĩ rằng chính mình tự ý tạo ra hết cả. Bất cứ ai chịu ngắm kỹ các cảnh-vật trong trời đất, dù là nhà khoa-học, và nhất là nhà khoa-học, đều phải chịu rằng chẳng thể nào hoà hợp và tô-diểm nếu không học đời hóa-công.

Phân-minh, cân-đổi, hoàn-hảo... chưa chắc đã đẹp. Nhưng ở những đồ nào thấy đẹp, thể nào cũng tìm ra một hay nhiều tính-cách kẻ trẽ. Những tính-cách đó không phải là xảo-thuật giả tạo, nhưng vẫn có sẵn ở cánh hoa, vây cá, 29 hình lá cây, đường gân trên mai con mực biển, 16 thứ tinh-thể của hạt tuyết (cristaux de neige), các vòng hành-tinh, các hạt nguyên-tử

Duy chỉ người thái-cổ hoặc quá chặt-phác mới lấy hẳn những vật thiên-nhiên mà đeo vào thân-thể hoặc đem vào nơi cư-trú, hay cố bắt chước cho hết. Còn khi trí-tuệ đã mở mang, tất biết *biến cải* những hình-sắc sẵn có mà tìm đẹp cho đồ chế-tạo, theo kỷ-hà-học như ở Âu-Châu, hoặc ý-thức hình-học như ở các dân-tộc không tinh thông toán-pháp. Sóng gợn mặt hồ, được đổi thành đường thủy-ba song song hay cuộn tròn trên găm vóc, không biết từ mấy ngàn năm nay. (1)

Sự chuyển-hóa thiên-nhiên, nếu vậy, chắc phát hiện trước hết ở kiến-trúc

là nghệ-thuật cần nhiều hình-học nhất? Cũng có thể, nhà cửa là thứ « đồ » lớn để chứa các đồ khác, thì phải có trước? Dầu sao, rất nhiều mỹ-thức ở mái, tường, cửa, ở các đình đài Hy-Lạp, lại được áp dụng cho khí-cụ vật-dụng thời sau: cành lá tước-sàng (feuille d'acanthé) ở đầu cột kiểu « corinthien », bông, trái, và mặt người (grotesques và arabesques)... cũng chạm hay vẽ vào nhiều bàn ghế, huy-hiệu... Ở Á-Đông, rồng phượng nằm trên nóc cung điện, cũng múa trên xiêm áo.

Ảnh-hưởng của kiến-trúc càng ngày càng mạnh hơn. Từ vài chục năm nay, đã nảy ra phong-trào xây dựng theo công-dụng thiết-thực (architecture fonctionnelle) rời khỏi các mỹ-thức rườm-rà. Quan-niệm đó lan tràn ra công-nghệ, mỹ-ngệ, và mỹ-học kỹ-ngệ. Kiến-trúc-sư trút bỏ ở ngôi nhà các chi-tiết thừa (1), thì nhà mỹ-ngệ cũng từ chối những hoa lá bay bướm ở đồ mộc, đồ sành, đồ kim-khí..... Thành ra tô-diểm và trang-trí vẫn cùng tiền triển với nghệ-thuật tu-tạo, và đồ đặc lệ thuộc nhà-cửa cũng phải theo đà giản-dị-hóa chung để tìm đẹp trong thanh-nhã.

D. T.

Kỳ tới : *Tìm Đẹp ở người.*

(1) Theo René Huyghes, thì do người đảo Crète và người Vikings tìm ra 1000 năm trước dương lịch (L'Art et l'Homme : 1).

(1) Ở các ngôi nhà xây từ 30 năm trở lại đây, không còn thấy những phần tô-diểm cổ-truyền, mà ngay những phần xưa kia được coi là hữu-ích, nhưng không tối-cần, cũng bị bỏ đi cho khỏi tốn công và bận mắt: tỉ như các đầu cột chạm trổ hay nhiều đường nét (chapiteaux) các đường mép chạy dọc mái nhà (corniche) các trụ lan-can hình con tiện (balustres) các vân lát tường (lambris) v. v ..

GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG TRÊN ĐẤT VIỆT

Nguyễn-Hiến-Ngư

(xin xem từ B. K. số 137)

Ba năm sau giải Khai-Trí Tiến-Đức phát ở Bắc, trong Nam, có cuộc thi được người đồng thời chú ý, mặc dầu nó không thành công nhiều. Cuộc thi này không do một tư nhân, cũng không do một hội học tổ chức, mà do một tờ báo. Tờ báo này tuy xuất bản ở Nam, nhưng được nhiều cây bút cứng ở cả ba kì vọng sự, và chẳng bao lâu được nhiều uy tín trong giới trí thức, công chức, thanh niên và có nhiều độc giả nhất lúc bấy giờ, ở Nam cũng như ở Trung và ở Bắc. Do đó mà cuộc thi do tờ tuần báo tuy có tên là phụ nữ nhưng bàn, luận gần đủ mọi vấn đề này được mọi giới để ý.

Nam-Phong ở Bắc đã gây được phong trào đề cao truyện Kiều, khá rầm rộ, nên có

CUỘC THI TRUYỆN KIỀU CỦA PHỤ-NỮ TÂN VĂN

Đặc biệt là đề cuộc thi này là một câu hỏi. Và giám khảo là độc giả tờ báo ấy. Chúng tôi xin sao lại thể lệ và những giải

đăng ở số 1 ra ngày 2-5-1929, để các bạn cùng rõ.

*
*
*

« Mấy năm gần đây, có chẳng biết bao nhiêu bài văn bình luận truyện Túc-Kiều. Nay bốn báo mới ra đời, xin có một câu hỏi thử :

Nàng Túc-Kiều nên khen hay nên chê ?

« Nếu nói rằng nên khen thì vì sao ? Nếu bảo rằng nên chê thì xin nói rõ có nào ?

« Bài thi chẳng hạn viết nhiều quá hai trương giấy lớn.

« Những bài trả lời sẽ lần lượt đăng báo và nhờ các độc giả báo Phụ-Nữ tán văn chấm giúp cho.

« Bốn báo sẽ do theo ý kiến của phần đông mà chấm trúng, nếu bài nào được phần nhiều độc giả chấm cho thì sẽ được thưởng.

« Giải nhất : một cái máy hát lớn hiệu Pathé, và một năm báo Phụ-Nữ tân văn.

« *Giải nhì* : một cái áo mưa *Ăng-Lê* hiệu *The Dragon* và một năm *Phụ-Nữ tân văn*.

« Còn chư quí độc giả vì bốn báo mà chấm cuộc thi này, nhưng vì chấm trúng cũng được tặng một cuốn truyện *Túy-Kiều* có giải nghĩa rõ.

« Các độc giả chấm câu đố này phải cắt tờ in sẵn dưới đây viết vô ít hàng bỏ vô bao thơ gấn cò gởi cho bốn báo là đủ ».

Cuộc thi Túy-Kiều của báo Phụ-Nữ tân văn

Tôi chấm bài của
đăng ở báo *Phụ-Nữ tân văn* số . . .
được trúng giải nhất.

Chỗ kí tên và chỗ ở.

.

Có mười tám bài trúng cách được tuyển đăng lên báo, trong đó có những bài dự thi của độc giả ở tận Cao-Bằng, ở Hà-Nội, ở Huế, ở Đà-Nẵng.

Kết quả cuộc thi không được mỹ mãn, đó là lời tuyên bố của *Phụ-Nữ tân văn*, trong số 19, ra ngày 5-9-1929. Và số bài dự thi trúng cách tương đối ít : 18 bài, và số độc giả hưởng ứng tích cực bằng cách chấm lại càng ít : 12 người.

Trong 18 ý kiến phát biểu trên mặt báo, chê hết 13, khen chỉ có 8. Trong 13 người chê, có 5 phụ nữ, và trong 5 người khen, phụ nữ có 3.

Bài của ông Thạch-Lan đăng ở số 5 được 15 thăm, số thăm cao hơn hết. Kế đến bài của cô Xuân-Sơn, cô Bích-Thủy.

« Vì số người chấm cuộc thi đã ít hơn số người dự thi, lại trong bài dự thi không có bài nào được số thăm thật cao, cho nên báo không thể định thưởng được », trên đây là lời tuyên bố của *Phụ-Nữ tân văn*.

Chúng ta có thể nghĩ rằng : tình hình chánh trị, kinh tế, xã hội ở nước ta lúc bấy giờ khiến người đương thời xao lãng những gì có phần xa thực tế và có lẽ vì vậy mà kết quả cuộc thi về *Kiều* không thâu được kết quả như ban tổ chức ước mong chăng ?

Chúng tôi xin trích đoạn chánh của bài ông Thạch-Lan (tức nhà báo Cao-Chánh) để các bạn biết qua một ý kiến về *Kiều* cách đây trên ba chục năm, một ý kiến tương đối được nhiều người tán thành :

« Cô *Kiều*, tôi tiếc cho tài sắc của cô, mà tôi chê cái đạo lí của cô ! Sao cô không biết quyết một thờ thần *Danh dự* mà ở nếp mình sống như sống nhóp trong bao nhiêu lâu ? Cô rước khách, cô giựt chồng người, cô ăn cắp, cô nói láo, cô ca hát cho kẻ giết chồng cô được nghe, cô còn dám trở lại với người ước nguyện ngày xưa, người đàn bà đạo đức có như vậy sao ? Đời cô thế là hỏng !

« Ai xét cho kĩ sẽ thấy cái kết quả xấu của một cái đạo lí của từ ngàn xưa, ngày nay vẫn còn di hại trong xã hội... ».

Điều đáng ghi là nhân cuộc thi này, học giả Trần-Trọng-Kim có tỏ bày ý kiến mình và nói về chủ ý của Nguyễn-Du khi soạn truyện *Kiều* (1).

(1) Nhan là : « Một cái nghĩa mới về truyện *Túy-Kiều* », đăng ở *Phụ-Nữ tân văn* số 17, ngày 22.8.1929.

Các nhà văn học sử của ta thường lấy năm 1932 làm một cái mốc để đánh dấu một giai đoạn mới trong nền văn học quốc ngữ đến độ trưởng thành. Cho nên chúng tôi xin có vài nhận xét và ý nghĩ về các cuộc thi văn chương của ta mà chúng tôi vừa thuật với các bạn.

*
* *

Vài nhận xét và ý nghĩ về các cuộc thi văn chương trước 1932

Cuộc thi Văn chương có để dấu vết trước nhất ở nước ta là cuộc thi thơ vịnh Nguyệt-hồ ở Hưng-Yên, do tổng đốc tỉnh này, thượng thư Phạm-Văn-Toán, đề xướng, năm 1898.

Đây chỉ là một cuộc mua vui thanh nhā. Điều lệ thi chú trọng đến trí nhớ thơ xưa — mà lại thơ Tàu — và sự khéo xếp đặt hơn là đến óc phán đoán, luận suy hay tài sáng tác.

Cho nên cuộc thi đầu tiên này chẳng ảnh hưởng gì đến văn học đương thời.

Cuộc thi vịnh truyện Kiều chữ Hán có phần tiến bộ hơn. Tinh thần trọng chữ Hán vẫn còn, nhưng không coi thường tiếng mẹ : thơ vịnh hoặc toàn Hán, hoặc toàn Nôm, hoặc cả Nôm lẫn Hán. Và tuy là vịnh hai mươi hồi truyện Kiều của Tàu, nhưng văn chương và tư tưởng Việt của ta nhờ đấy mà thêm phần phong phú.

Đặc biệt là người tổ chức lại nhờ hai vị lão thành khảo duyệt, hai vị mà tư cách và tài hoa càng thêm giá trị cho cuộc thi, chúng tôi muốn nói đến hai bậc thi bá Yên-Đỗ Nguyễn - Khuyến và Văn-Đình Dương-Lâm.

Đến khi Hán học suy tàn, thì cuộc thi thơ văn quốc âm của ông Ngô-Tâm-Thông lại đánh dấu một sự tiến bộ đáng kể.

Điều lệ và giải thưởng được nêu rõ ràng, cũng như điều lệ và cuộc thi có tính cách toàn quốc. Ta thấy tinh thần yêu nước bộc lộ trong một loại tiểu thuyết được nêu ra : đó là loại tiểu thuyết lịch sử nước nhà.

Cuộc thi này không được ai hưởng ứng, là một điều khó hiểu, và cũng là một điều buồn, cả cho người tặng giải cũng như cho chúng ta sau này, nhưng lòng tha thiết đến văn chương nước nhà của một người hăng tâm hăng sản miền Nam, và cả sự tham gia sốt sắng của những vị quan lại thời bấy giờ vào ban hội đồng làm ta nay suy nghĩ : trong những ông « nhà giàu to » và trong những « ông quan lớn » thời Pháp thuộc, khoảng non bốn mươi năm về trước, còn tiềm tàng những khách văn chương, chẳng thờ ơ với tiền đồ văn học nước nhà và tìm cách làm cho nó tiến.

Giải Khai-Trí Tiến-Đức năm sau, sánh với giải Ngô-Tâm-Thông, có một điểm tiến bộ và một điểm thụt lùi.

Tiến bộ ở chỗ treo thêm giải thưởng cho bộ môn tuồng ; thụt lùi ở chỗ treo thưởng cho một tác phẩm viết bằng Pháp-văn.

Đã « già từ » chữ Hán, lại còn « đa mang » chữ Pháp, quả là hội Khai-Trí lúc ấy thực hành cái thuyết « Pháp-Việt đề huề » trong văn chương vậy !

Mãi đến mười năm sau, nhân bài « Vạch một cái lăm của hội Khai-Trí Tiến-Đức »

GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG TRÊN ĐẤT VIỆT

của ông Phạm-Mạnh-Phan (1) công kích việc ban Văn học hội này treo giải thưởng văn chương mà « buộc phải viết bằng tiếng ngoại quốc », hội mới bỏ cái điều kiện gắt gao và lạ lùng ấy trong các cuộc thi văn chương, kể từ năm 1937.

Ta lại thấy trong điều lệ hai giải ra đời gần nhau ấy có hơn một điểm giống nhau, đó là về nội dung tác phẩm dự thi, chú trọng đến phần đạo đức và khoa học, còn về hình thức, thì chuộng sự gọn gàng, giản dị.

Điều đáng ghi cho giải Khai-Trí Tiển-Đức là sự chọn lựa của ban hội đồng, chăm giải. Nếu sau này, người ta không thấy ai nhớ đến một Nguyễn-Văn-Ích, thì hai tên : Nguyễn-Trọng-Thuật và Nguyễn-Trường-Tam đã đi vào văn học sử.

Có một chi tiết ngộ nghĩnh là sau lễ phát giải, ông hội trưởng chủ tọa — Hoàng-Trọng-Phu — lại hỏi tác giả « Quả

dưa đỏ » thích đoạn nào thì xin đọc lên cho hội đồng và quan khách thưởng thức... Và đoạn tác giả thích đó là chương *Tính về sau*, đoạn An-Tiêm cùng vợ bàn với nhau chuyện... có con thêm (2). Và mấy cụ già đạo mạo và quan liêu của ban hội đồng ấy « lấy làm ngợi khen lắm ».

Trên đây, chúng ta đã thấy ba giải thi Văn chương do tư nhân đề xướng, một giải do một hội học tổ chức và một giải do một tuần báo chủ trương.

Kỳ tới đây, đến phiên một văn đoàn tổ chức, trong lúc văn chương nước nhà đang vào thời cực thịnh. Và tổ chức trong nhiều năm, kết quả mỹ mãn, và ảnh hưởng sâu xa, mà được khắp nước đặc biệt chú ý, đợi chờ và theo dõi. Đó là : giải Tự-Lực văn đoàn.

(còn tiếp)

NGUYỄN-HỮU-NGU

(1) Việt-Báo, số 48, ngày 12-10 1936.

(2) Đông-Hồ tự Hà-Tiên có thư ra Hà-Nội hỏi Đồ-Nam-Từ đoạn sách ung ý đã đọc ngày phát lễ, và được Đồ-Nam-Từ cho biết.

Kỳ sau : Giải Tự-Lực văn-đoàn, giải hội Khuyến học Nam-Việt, giải hội Khuyến học Cần-Thơ, giải Alexandre de Rhodes, giải Nam-Xuyến...

CÔ **MINH-ĐỨC**, TỪ BỜ SÔNG SEINE,
MỚI ĐƯA VỀ BẾN-NGHÉ III CHÀNG...

THƯ SINH & TRƯỞNG CHI

chan chứa *TÌNH, THƠ* và *MỘNG*...

Và gửi tại **KHAI-TRÍ** và **BÁCH-KHOA** — Giá : 80\$

MEN BỜ BỀ XANH

Nhật ký đi nghỉ hè của Cô MINH-ĐỨC

8-7-62. Hôm nay khoẻ rồi Đình rủ đi sang Canne chơi vì Đình chưa biết thành phố ấy, Hà với Vũ muốn ở nhà tắm vì chỉ còn có mấy ngày hè nữa mà thôi.

Canne đổi khác nhiều quá, nhà cửa mọc thêm, kéo dài con đường dọc bờ biển ra tí nữa, những khách sạn như Carlton, Majestic, Miramar đều có một bãi cát riêng, chằng dây đánh dấu bờ cõi. Cát mịn được giải đầy không biết họ đi khên ở đâu về, ngày xưa không làm gì có thứ của quý ấy. Thành phố giả tạo như tất cả những thành phố giả tạo khác, đèn vút xuống đất, đèn treo lên cây. Bến tàu chen chúc những chiếc yacht của nhà giàu, xa xa vài chiếc tàu chiến không biết trốn đi đâu nên đành phải đứng lì ra đấy vậy.

Canne cũng là nơi các mỹ nhân giàu nhan sắc mà nghèo tiền bạc đến để mong cầu được cá vàng. Ở những thành phố này ai mà mong tìm đến để trốn sự cô độc thì thật là lầm, càng những nơi đô hội con người càng thấy bơ vơ, họa chằng vào lối 5 giờ sáng, lúc mọi người còn say ngủ. Một cốc cà phê uống ở Canne phải giả gấp năm lần ở nơi khác, cố nhiên là có ghế êm, có cảnh đẹp, có chú bồi ăn mặc sạch sẽ và chén bát sang trọng. Sau khi lang thang một vòng quanh thành phố chúng tôi tìm đường về Vallauris với mục đích xem triển lãm *Guerre et paix* của Picasso.

Vallauris là một cái thôn nhỏ ở cạnh Canne. Năm 1042 đức giám mục Antibes đã làm quà cho các thầy tu Lérins mảnh đất Vallauris, các thầy tu này lập lên một nơi trụ trì (prieure) và xây một cái nhà thờ nhỏ vào thế kỷ thứ XII kiến trúc đặc biệt của người miền Nam nước Pháp. Cũng nhờ các thầy tu ấy mà dân trong thôn mới biết làm đồ gốm (đất sét ở đây tốt hơn hết). Từ khi có nhà họa sĩ Picasso đến, Vallauris được nổi tiếng



Chiến tranh (La guerre) họa phẩm của Picasso

thêm, du khách nào cũng muốn đến viếng «l'Homme au mouton», một tác phẩm mới lạ, dựng ngay ở giữa công trường. Độ vài năm nay đồ gốm của Vallauris bớt được ưa chuộng vì có những nghệ sĩ không chân chính đến lợi dụng, con sâu làm rầu nồi canh như ta vẫn nói. Đi cả chục gian hàng mới tìm thấy một ý kiến lạ còn toàn là những con bướm bướm, con cóc, chén bát, gạt tàn thuốc v. v... ở đâu cũng chỉ có thể chưa kể là còn chen vào đấy những con búp bê Nhật-Bản làm tăng thêm sự thất vọng của những du khách nào muốn đến Vallauris để tìm một món kỉ niệm đặc biệt ở địa phương.

Những nghệ sĩ chân chính có một số đã rời Vallauris đi làm ăn nơi khác. Mặc dầu sự mịn màng đặc biệt của đất sét vùng này.

Viếng xong phòng triển lãm đồ gốm của Picasso, chúng tôi đến phòng triển lãm trưng bày cả tranh của Picasso lẫn với tranh của các họa sĩ khác; tôi có cảm tưởng họa sĩ Picasso đã có thay đổi một phần nào, hầu hết các bức tranh đều nguyên vẹn không có những con mắt ở chỗ rốn hoặc đôi môi mòng mọng trên trán nữa.

Để dành tác phẩm «Chiến tranh và hòa bình» (Guerre et paix) vào đoạn cuối cùng của cuộc viếng Vallauris. Bảo vật được kính cẩn đặt trong một cái vòm xây từ thế kỷ thứ XIII.

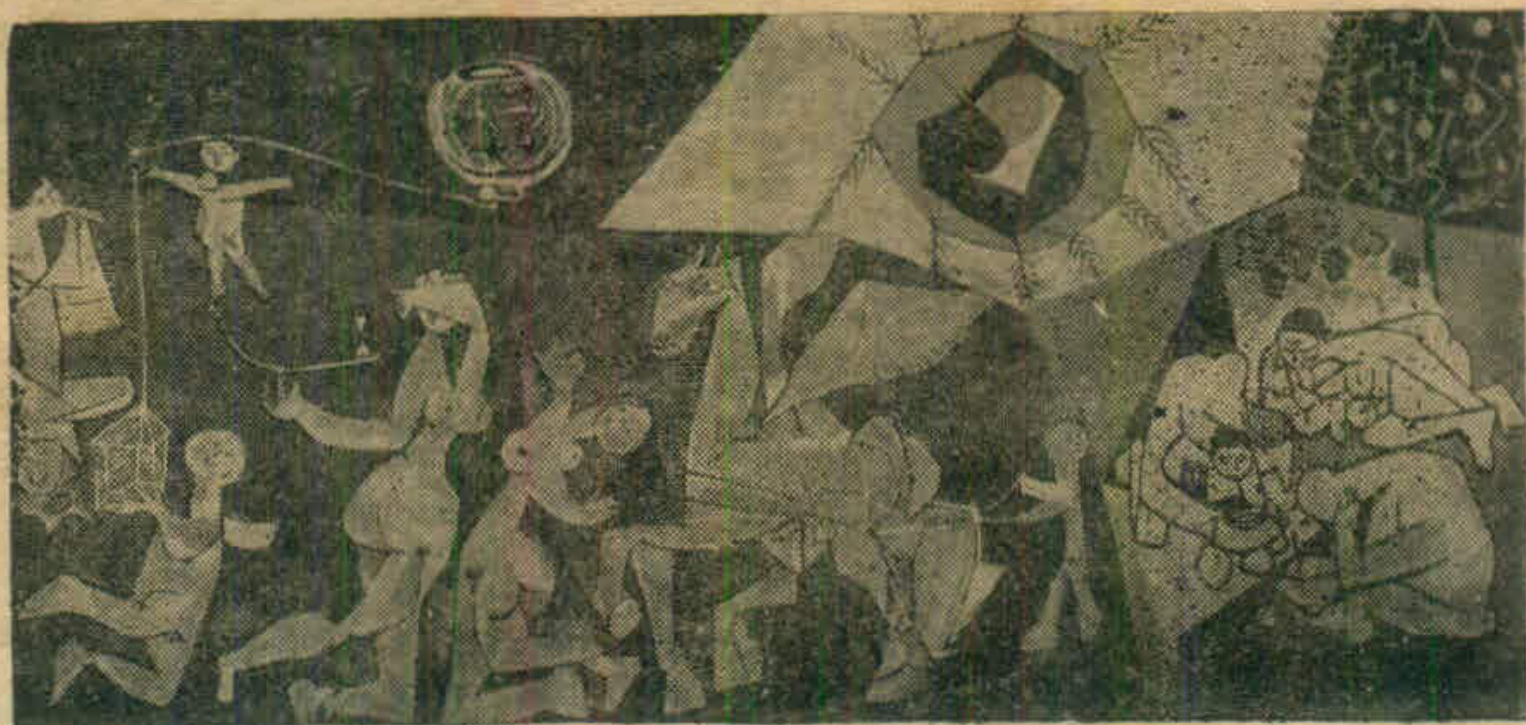
Cuối năm 1952 nhà họa sĩ Picasso đã đóng chặt cửa, giam mình trong phòng làm việc, tránh hết tất cả mọi sự phiền nhiễu để hoàn thành cái đề tài: «Chiến tranh và hòa bình». Ngày bức tranh vẽ xong, một số các bạn thân sau khi bước chân vào phòng đã giật mình vì cái tác phẩm quá vĩ đại, đề tài này đã theo dõi nhà họa sĩ từ cuộc chiến tranh thứ

hai. Picasso cho thôn Vallauris được giữ gìn bảo vật mệnh danh là « Đền thanh bình » (temple de la paix). Đền này đã khai mạc ngày 19-9-59, bức tranh chia ra làm ba tấm, một tấm vẽ hình cái chiến xa hung tợn do mấy con ngựa của tử thần đang chà đạp lên biểu tượng của sự văn minh nhưng trên đường đi chiến xa đã bị cái hình ảnh rạng rỡ của sự thanh bình chắn ngang. Tấm tranh bên kia đối diện tả sự tung bừng khi nhân loại được cởi mở, cuộc sống hằng ngày trở về, cá đố trên cành của chim một đôi bạn đang nhảy múa trong tiếng nhạc còi của mục phu và con ngựa Pégase kéo cày do một chú bé điều khiển, thêm vào đây cảnh gia đình ai đang yên vui bên gốc cây cam dưới bóng mặt trời rực rỡ. Bức tranh ở giữa là bốn màu da của bốn người dân, vàng, trắng, đỏ, đen, đang giang tay chào đón ánh sáng thanh bình. Đây là những hình ảnh xáo động trong lịch-sử nhân loại. Hai bức tranh ở hai bên được uốn cong cong theo chiều của cái vòm, bề dài ước đến 6 thước, bề ngang 4 thước vẽ trong những màu sắc rực rỡ.

Xem xong các bức tranh đã gần một giờ trưa, chúng tôi định đi thẳng về Saint Paul de Vence xứ của các nghệ-sĩ (ai đã đọc Prévert đều còn nhớ : *C'est à Saint Paul de Vence que j'ai connu André Verdet...*)

Đến đây thì dầu có là gỗ đá cũng nhất định phải say mê, chỉ là một thôn nhỏ xây trên sườn đồi, có những mái nhà xinh xắn cổ kính viền theo những con đường lát gạch bé nhỏ lên cao xuống thấp, ở đâu cũng sạch sẽ, cũng gọi cảm, tha hồ vẽ, tha hồ làm thơ và cũng tha hồ mơ mộng. Ai mà không mơ được làm dân xứ ấy để mỗi chiều ra ven đồi nhìn về phương xa, những ngọn núi chập chùng đưa nhau về mãi tận đâu đâu...

Nhà thờ của Saint Paul de Vence còn là một cái viện bảo tàng nhỏ chúng tôi đi tìm cho ra Đức cha để xin xem các bảo vật. Trèo lên, trèo



Hòa Bình (La Paix) họa phẩm Picasso

xuống, bao nhiêu thang cấp, hỏi thăm mãi, tuy nhà của cha ở không xa nhà thờ lắm, nhưng có lẽ vì không biết đường và nhà cửa ở đâu đâu cũng gọi cảm nên con người đâm ra lơ mơ mất cả chủ định.

Cha vui lòng đi mở cửa kho tàng cho chúng tôi xem, nào là tượng vàng của La vierge noire và các đồ thờ khác lưu lại từ thế kỷ XII, XIII. Tất cả các bảo vật đều được cất trong một cái tủ sắt lớn khóa kỹ, mỗi lần mở tủ thì đèn cũng bật ra theo. Thật đáng tiếc cho những ai đã xuống tận miền Nam mà không chịu khó tìm đến đây.

Chẳng lẽ ở mãi nên chúng tôi đành phải từ giã, tuy trong lòng dứa nào cũng thầm hứa nếu có dịp sẽ trở lại.

Đến Nice đã gần 5 giờ, tên Nice theo nghĩa của Hy-Lạp là chiến thắng (victoire). Độ này Nice còn đông hơn gấp mấy lần trước vì người Pháp thất cơ lỡ bước ở các thuộc địa đều về ở dồn đây cả. Thành phố đồ sộ, hơi hỗn hợp, bên trên có núi bên dưới có bể nước rất xanh; Nice đẹp nhờ những đồi hoa Mimosas vàng rực, những ruộng Ocillets muôn màu thơm ngát. Con đường nổi danh nhất là «Promenade des anglais» dọc theo men bể, càng ngày nhà cửa càng mọc thêm, rất văn-minh, rất đẹp và cũng rất ồn. Ba thành phố Canne, Nice và Monte-Carlo hợp lại thành bộ ba ăn chơi, nhất là vào lối tháng hai có lễ Carnaval, người dân Âu nào cũng mơ được dự hội ấy một lần trong đời.

Trên bãi bể tuy cát không mịn như ở miền khác nhưng người vẫn nằm ngồi đây cả ra. Lưng bà này sát đùi cô kia, người ta ngáy nhau nên chẳng ai thèm nhìn đến ai trừ phi có một ngôi sao nào hạ xuống trần mới được mọi người quay cổ lại.

Có lẽ vì mỗi ngày đứng trước gương tự nhìn mình nhiều quá (mà cái gì nhìn mãi chẳng thấy đẹp), nên ai cũng tự cho mình là đặc biệt nhất, đáng chú ý nhất. Họ mặc một chiếc áo tắm mới mua năm nay thì họ kiêu hãnh nhìn sang láng giềng và tin rằng láng giềng phục mình lắm, sự thực thì người láng giềng không hề để ý đến vì cũng đang bận tự ngắm lấy mình.

Dừng lại Monaco ghé uống nước ở tiệm cà phê trước mặt hoàng cung. Chung quanh hoàng cung từ trên cao nhìn xuống bể với màu nước xanh mãi tận chân trời người ta đặt đầy cả những ống viễn kính với những cái máy giăng bằng 4 thứ tiếng thông dụng : Anh, Pháp, Y-Pha-Nho, Đức, để thay người hướng dẫn. Ai muốn nghe cứ bỏ vào 100 quan tiền Pháp bấm vào cái nút chỉ một trong bốn thứ tiếng rồi cứ việc đứng kể tai nghe. Tiếc rằng giọng của cô hướng dẫn nào đó nói không hay lắm nhưng vì trót mất tiền nên cũng gắng nghe cho hết.

Du khách theo xe ca đến đổ xuống từng bầy như dê cừu được người ta lừa lên lừa xuống. Đặc biệt ở Monaco là cái gì cũng mang biểu hiệu (emblème) to tướng và đâu đâu cũng thấy dung nhan của ông hoàng Rainier với vợ con. Vì sống nhờ du khách nên tuy đất đai bé xiu nhưng cũng cố gắng tô điểm làm sao cho có vẻ một « đại cường quốc ». Công nhận rằng ở đây sạch hơn nhiều nơi khác.

Trời đã chiều nên chúng tôi không ở lại xem lính đổi phiên gác (la relève de la garde) mà du khách rất thích xem. Đêm nay định ngủ ở đất Ý, đầu có là ở « Ý quốc đầu, hay Ý quốc vĩ » cũng được, miễn phải là Ý quốc.

Tuy rằng lúc đi không định trước sẽ có một đêm nào sang Ý ngủ nên xe của Đình không xin giấy bảo hiểm quốc tế, may quá chỉ có nước Ý là không đòi cái thứ giấy ấy nên chúng tôi có thể phóng qua mà không ai hỏi han gì cả. Cổ nhiên là trước khi đến biên giới Ý, chàng Đình không quên lướt qua Monte Carlo xem cái túi gạo: Casino de Monte Carlo mà quốc tế đều biết tiếng. Ngày xưa có lần tôi cũng dám liều lĩnh vào đấy đặt vài cái thẻ tiền (jetons) và đã dám thua, lần này tôi nhất định không dại gì mà vào đóng góp thêm nữa.

Xem một vòng quanh Monte-Carlo, đi thẳng đến Menton và cứ thế bước qua đất Ý. Cách nhau quãng 10 cây số mà Menton và Vintimiglia khác hẳn nhau, một bên thì phần hoa đông đúc trái với bên kia trơ trọi khô khan tuy cả hai bên đều men theo ven biển và ở trên đều có núi hướng xuống, không khác gì nhau. Những nhà giàu không dám đến xây dựng tại vùng ấy, họ ngại gì?

Đến San Rémo vào lối 10 giờ, trời chập choạng tối, San Rémo cũng nổi tiếng nhờ cái sông bạc và mỗi năm có một lần đại nhạc hội (festival de musique) nhờ thế dân chúng mới làm ăn buôn bán được. Thành phố bé nhỏ xinh xắn, có rất nhiều hoa, nhiều tượng, đom dáng như chiếc khăn quàng của một thiếu nữ biết diện. Đặc biệt có cái nhà thờ Orthodox từ nơi đâu lạc loài đến, giống như trong tập ảnh có chen vào một tấm ảnh của Nga quốc.

9-7-62 Ăn cơm và ngủ lại ở San Rémo, sáng lại giả tiền mới thấy rẻ hơn ở Pháp nhiều quá. Còn lại ít tiền Ý chúng tôi định đi mua quà cho Hà với Vũ, đi mãi mới tìm được cái ví cho Hà, đây là quà do tôi chọn; Đình không biết mua gì, anh chàng đi chọn một cái túi nhỏ đựng tiền lẻ để góp thêm vào. Đình đi có đến 3 vòng lên xuống thành phố San Rémo mới tìm được một cái túi bằng da mà Đình tin chắc rằng Hà sẽ thích lắm vì nó rất hợp với cái thẩm mỹ của người bên nhà.

Trở về Menton vào nhà ngân hàng rút tiền, người thủ quỹ rên rỉ, ông ta kêu ầm lên là kết rất khổ sở với các ông bà du khách. Phải lo chạy tiền bù đầu mỗi ngày có đến 200 cái ngàn phiếu, tuy mỗi người chỉ được quyền rút có 500 quan mà thôi.

Trưa nay đến Monaco xem đổi phiên lính, chưa 12 giờ mà đã có một vòng người đứng bao vây. Họ nói lao xao đủ thứ tiếng: Đức, Mỹ, Ý, Anh, Thụy-Điển v.v... máy ảnh với máy quay phim đưa lên đưa xuống không ngừng, mà có gì đâu để chụp cái đám người đang đứng chực nhìn mấy bác lính ra «ất-đơ» trước khi đổi phiên gác. Thiên hạ quả thật đã vô duyên, nhưng nghĩ lại mình cũng không kém gì.

Dưới ánh nắng gay gắt mà lo đứng hàng giờ để chực xem 7 chú lính ra thối kèn tò te rồi hết....

Ăn cơm trưa ở cái quán ngay đây để đợi giờ vào xem hoàng cung. Đình đưa thẻ ký giả của chàng ta bị người gác từ chối, Đình đi kiện lên đến các ông lớn đợi một giờ, người ta phải cầm cái thẻ ký giả của Đình chạy quanh (có chạy lên đến hoàng-tử không mà lâu thế, chờ sốt cả ruột) cuối cùng là có người đến mời chúng tôi đi xem. Đình rất kiêu hãnh ở cái tánh kỳ khôi của mình.

Cung điện chẳng có gì đặc biệt, hay vì trót đi xem nhiều nơi trước nên không thấy vàng son là đáng chú ý, hay vì cô ghít chỉ biết đọc bài mà không biết hấp dẫn, thì ra làm ghít đâu có phải dễ và ở đời không phải chỉ có cái nhan sắc mà đủ.

Đình muốn tìm một người để phỏng vấn nhưng thấy ai cũng không đặc biệt, tôi đề nghị nên đến phỏng vấn bà già ngồi gác ở trước gian nhà đi phóng uế, Đình nghe lời ngay, bà ta ngồi đấy đã từ 20 năm nay, mỗi ngày thấy không biết bao nhiêu là nhân vật, chỉ trong vòng 5 phút mà bà ta có thể đoán biết ngay là con người mới bước vào ấy ở vào giai cấp nào, tính nết hào hoa hay bần tiện, tùy số tiền đặt trong chiếc đĩa ở bàn. Khó khăn biết mấy, có khi hàng năm ở chung với nhau mà đã để ai biết được ai, nhất là khi ta gặp một kịch sĩ ngoài cuộc đời.

Chiều nay đi xem Musée Océanographique, ở đây phải mở dấu ngoặc vì có rất nhiều cái đáng nói, hôm nào viết riêng một thiên mới đủ chứ ghi vội vài giòng vào trang nhật ký hầu lờn như thế này thì chắc là ông hoàng Albert 1^{er} de Monaco sẽ không bằng lòng.

Đường về đi vào xa lộ nên khá nhanh, tuy phải trả 5 quan, đến Saint Trop. mà trời chưa tối, cố nhiên là cũng nhờ độ tháng này ngày dài đêm ngắn, Hà với Vũ mừng quá, cả hai cứ lo ngay ngáy nếu chúng tôi có « mệnh hệ » nào thì tiền đâu mà chở lều, chở va-li, soong chảo về

nhà. Hình như ngày đêm cả hai người đều không dám ngủ, chỉ lo ngồi bên cái máy vô tuyến điện để đón nghe xem có vụ đụng xe nào mà nạn nhân tên là Minh-Đức chẳng.

Bây giờ thì mọi người đều vui vẻ, Hà rất bằng lòng khi nhận món quà của Đình làm chàng Đình vui phồng mũi.

11-7-62 Nhất định không đi tầu nữa vì sắp phải ra về, quên kể chuyện sau lều chúng tôi có một cái « bun-ga-lô » của trại hiện nay đang có một đôi bạn ở đây, người đàn bà trạc quăng ngũ tuần dân nước Bỉ, người đàn ông vào lối tam tuần, chúng tôi đặt tên bà ấy là « bà xinh đẹp » « jolie madame », vì ở vào tuổi ấy mà bà ta vẫn còn giữ được tấm thân mảnh mai nhanh nhẹn, da màu đồng sậm vì phơi nắng rất nhiều, tóc nhuộm màu bạch kim, lúc nào cũng chỉ mặc những cái bikini đỏ hoặc trắng làm nổi bật màu da phơi nắng rất hợp thời trang.

Chàng Đình mơ ước từ mấy hôm nay, sáng nào lúc ông bạn trẻ lái xe đi sớm là chúng tôi ngâm nga trên Đình:

« Bà xinh đẹp ơi

Ông đã đi rồi

Bà xinh đẹp ơi

Mở cửa cho tôi »

Tạm dịch từ pháp văn ra là như thế.

Hôm nay đợi lúc ông ấy đi đâu buổi trưa chàng Đình nhờ tôi sang công tác hộ để mời bà ấy sang chơi với chúng tôi, cố nhiên tính tôi vẫn dễ bảo, ai nhờ chuyện gì cũng ít khi từ chối và bà ta được lời như cõng tấm lòng, vui vẻ sang chơi với chúng tôi ngay.

Chúng tôi ra bể tắm, còn Đình với bà ta ngồi mở cuộc tâm sự vun, biết rằng đứa con trai yêu quý của bà ấy chết từ 8 năm nay, ông chồng già cũng vừa chết để lại một đồng gia tài với rất nhiều nợ vợ nên bà ta muốn tiêu xài cho hết, hưởng thụ nốt cuộc đời vô nghĩa lý.

Sau một lúc tâm sự, Đình hết cả mơ, có lẽ vì bị nghe bà ta nói hơi nhiều hay người đàn bà cũng như một ngọn núi, lúc đứng xa nhìn đến thấy những đường nét uốn lượn, lúc đến gần thì sừng sững chẳng thấy gì nữa, cứ thế mà mộng vỡ đom đóp như bong bóng cao su của trẻ con ngày hội chợ....

Thấy bà ta có vẻ hơi buồn, vì người đàn bà cũng tinh mũi như con chó săn tôi đề nghị đi xem bãi Pampelonne vì bà xinh đẹp biết đường. Lúc ngồi lên xe chúng tôi lạc đường mãi, bà ta thú thật rằng con đường này tuy đi mỗi ngày nhưng lúc nào ngồi trên xe với người yêu cũng

mãi du dương nên không hề để ý đến đường lối. May quá đi một lúc cũng đến, mọi người đều khát nước, chúng tôi vào trong một cái « ba » độc nhất, làm toàn bằng gỗ mộc.

Đặc biệt nhất là trong « ba » thấy toàn những đôi bạn trai xinh đẹp đang ngồi bên nhau rất có vẻ âu yếm nồng nàn hỏi ra mới biết rằng đây là bãi bể dành riêng cho những nhân vật ấy, đàn bà vào đây chẳng có ai thèm nhìn đến. Cạnh đấy còn có một bãi bể khác dành cho chủ nghĩa tự nhiên, vì thế mà bãi Pampelonne này nói ra ai cũng biết...

12-7-62. Đêm qua đang nằm chưa ngủ bỗng nghe mấy người Đức láng giềng đi ngang lều chúng tôi, họ giáng cho nhau nghe rằng chúng tôi là một dân tộc còn sơ khai v.v... Vũ đang nằm nghe được chửi lên mấy tiếng. Hà cảm tức, sáng vừa ngủ dậy cô nàng lấy gương soi mặt trước nhất để xem mình có nét nào sơ khai không. Hà thề từ nay không thèm dùng đồ vật gì của Đức nữa. Cô nàng bắt Vũ về phải mở tự vị dạy cho nàng nói thuộc lòng một câu tiếng Đức: « Tôi là dòng dõi con rồng cháu tiên, nước chúng tôi có 4 ngàn năm văn hiến »,

Khổ cho Vũ vì chưa sẵn tự vị nên anh chàng mới dịch được mỗi một chữ « ch » mà thôi (viết thế này mà Vũ biết được chắc tôi có ngày bị ăn đòn).

13-7-62. Tám tám lần trong một ngày để lên Paris cho khỏi tiếc, mệt cộng lẫn với buồn, khi già từ một nơi nào cũng thế, con người quả thật là phức tạp.

Đường về chương trình không trở lại lối cũ. Đi qua Canne cho Hà nhìn thành phố, lấy con đường của Napoléon mà về. Cô Hà giận vì con đường này lên xuống núi đồi rất nhiều, cô nàng tiếc sao Napoléon không lấy xa lộ mà đi có phải vừa chóng vừa khoẻ hơn không, ngài làm vua thiếu gì tiền. Mãi sau Hà mới nhớ là thuở ấy chưa có xa lộ...

15-7-62. Vừa về đến nhà thì gặp anh T. H., từ Ý sang, anh ấy trách ấm lên vì thiên nhật ký năm ngoái: « chị viết thế thì còn gì là tôi, ai mà dám đi chơi với chị, bây giờ tôi ế là lỗi tại chị ».

Thấy tôi có vẻ lo ngại cho sự ế ẩm của anh ấy nên anh ấy thương hại, về sau anh ấy chữa lại: « Nói thế chứ tôi đến Ba-Lê gặp chị để xin chị giới thiệu cho một vài cô bạn đầm hoặc nước nào cũng được... trừ người Việt ».

— Tại sao ? Hà tức giận hỏi.

— Không hợp.

Anh T. H, giả lời Hà rồi quay lại phía tôi nói tiếp: « Đùa đấy, cho phép chị kể gì thì kể, tôi không yêu con gái Việt nên tôi không sợ ».

Phen này nhất định anh ấy sẽ ế đến trọn đời.

ÁO LỤA

hoàng-quy

Em phơi áo lụa ngoài sân vắng
Anh gửi thương về để nhớ nhung
Nắng úa đầu hiên chiều lẳng xuống
Phất phơ tà áo trắng vô cùng

Từ bữa thương nhau lòng nhớ lòng
Mây bay tà lụa trắng mây bông
Mây lùa trong tóc bay theo áo
Mây gói hồn anh trong mắt trong

Em thẹn thùng như áo lụa bay
Áo bay đầy nhớ cả chiều nay
Ngày em mười sáu, anh mười tám
Tình gửi đầu mi, hẹn cuối mày

Đã bốn mùa em may áo thu
Áo vàng theo lá rụng bờ thu
Anh xin mây trắng về thương nhớ
Chải lụa ngày xưa mơ áo thu

* * *

Ai phơi áo lụa ngoài sân vắng
Để gió thu về lá lướt bay
Áo vẫn còn nguyên màu lụa trắng
Không hay người đã... vắng phương này

Tà áo lụa xưa ngút cuối trời
Em còn may áo lụa hay thôi
Anh cầu lưu luyến trắng mười sáu
Mười sáu trắng buồn theo lúa đôi.

H. Q.

Thơ lạnh mùa sương

TƯỜNG-LINH

Tình chưa tan thành mơ
Em không là ảo-ảnh
Nên anh còn làm thơ
Buổi tàn mùa chớm lạnh
Mùa sương chim nhớ núi
Hồn xao-xác trông tìm
Mùa trăng thu vời-vợi
Ngàn xa anh nhớ em
Chia nhau sáu một nửa
Dù ai thối mong chờ
Vàng rơi ngoài song cửa
Buồn len trong câu thơ
Mây tím chiều chia biệt
Tiếng xưa mòn dư-âm
Nói chi lời bi-thiết
Cho tình đông lệ thấm
Hẹn chi ngày tái-ngộ
Thêm tủi lá đò xưa
Thêm lạnh giòng sông nhỏ
Mỗi lần thu giăng mưa.

T. L.

(Nghìn khuya lệ nấn)



Buổi chiều trong giáo đường

thơ trần đạt từ

Không còn nguyên câu gì
Làm sao ta ngồi đây
Chiều ủa khuôn cửa sắc
Tiếng ca đời phôi bầy
Người đã xa xôi thể
Làm sao trông giùm tôi
Những ngày thơ đánh mắt
Còn nín theo chân đời
Hồn đã âm u thể
Làm sao nghe lời van
Cánh dơi sầu nhỏ bé
Bay trong chiều thiên đàng
Ngày đã đỏ vỡ rồi
Làm sao tôi vẫn thờ...
Đó. Thôi. Đừng nhắc nữa
Chuông khóc òa trong tôi.

ĐIỂM SÁCH

TRÀNG-THIÊN

Tên sách : Ba sinh hương lửa.

Tên tác giả : Doãn-Quốc-Sỹ.

Nhà xuất bản : Sáng-Tạo.

Trong bộ tiểu-thuyết trường giang *Những người thiện chí* (*Les hommes de bonne volonté*) dài 27 quyển, viết từ năm 1908 đến năm 1933, của J. Romain Rolland người ta tính phỏng chừng có 600 nhân vật; trong đó độ 40 nhân vật có thể coi là chánh, độc giả thường gặp lại nhiều lần, ước 100 nhân vật khác là phụ, còn bao nhiêu nữa lảng vảng xa xa, có đó rồi lại mất đó. Những tác phẩm lớn lao như thế, quyển này tiếp quyển kia, làm thành cả một hệ thống, trong ấy hàng mấy trăm định-mệnh diễn biến, hòa hợp cùng nhau như âm thanh trong một bản trường ca (Các nhà phê bình gọi là roman cyclique, hay polyphonique, hay harmonique). Cái xã hội trong thứ tiểu-thuyết đó như mở rộng ra; có những nhân vật qua 3, 4 tập sách mới tình cờ gặp nhau một lần, lại có những nhân vật... lạc mất hẳn nhau, như người ta vẫn thường lạc mất nhau ở ngoài đời. Độc giả một khi bước vào cái không khí rộng rãi khoan hòa đó,

bỗng cảm thấy tù túng cái khung cảnh kín mít chật hẹp giả tạo của những cuốn tiểu-thuyết gay cấn trong đó nằm ba nhân vật hồng hộc thiết tha quần-quít lấy nhau không rời từ trang đầu tới trang cuối.

Doãn-Quốc-Sỹ dường như có ý định xây dựng cả một hệ thống tiểu-thuyết xung quanh *Khu rừng lau* của ông. *Ba sinh hương lửa* là quyển truyện thứ nhất. Tác giả kê ra ở khai từ tên tám nhân vật chính, nhưng tổng số các nhân vật trong truyện có lẽ cũng đến ngót 80. Chừng ấy người cùng trải qua ba thời kỳ đau khổ : thời Pháp thuộc, thời Nhật thuộc, thời Việt - Minh thuộc. Chịu hết những sóng gió bể dâu của cả ba giai đoạn lịch sử, đó là đã trải qua « ba sinh » ! Cuối truyện, ta thấy ba người thanh-niên (hai trai : Kha, Hiền, và một gái : Miên) cùng đưa nhau về thành. Nhưng trên đầu họ đạn còn rớt, xung quanh họ chiến

(1) Sáng tạo xuất bản, 366 trang, 80 d.

cuộc còn tiếp diễn, việc đời còn ngổn ngang, bao nhiêu kẻ còn chìm nổi trong loạn ly...

Ba sinh hương lửa là cuốn truyện diễn lại một thời đau khổ của dân tộc, nhưng người đọc không cảm thấy bi đát. Trái lại, truyện để lại một cảm tưởng êm đẹp, gây tin tưởng ở cuộc đời. Sự thực chắc chắn không mấy khi độc giả gặp trong tác phẩm văn nghệ được nhiều tâm hồn đẹp đẽ như trong *Ba sinh hương lửa*. Nhất là trong các tác phẩm văn nghệ thời gần đây, những quái trạng tâm lý càng nhiều, và tâm hồn lương thiện càng hiếm. Thế nhưng ở *Ba sinh hương lửa* (cũng như hầu hết các truyện khác của Doãn-Quốc-Sỹ) gần như ai nấy đều tốt, đều tử tế với nhau, nếu không phải là hết lòng thương yêu nhau. Kiểm điểm lại hết thấy đám nhân vật đông đảo của *Ba sinh hương lửa*, tôi chỉ kể ra được vài người « xâu », là Chủy và ông cử Hứa. Nhưng Chủy quả tính tình có tàn ác, tham lam, quả là về chuyện ái tình y có thói đi tắt rất ầu, thế mà y vẫn còn giữ ít nhiều cái chất phác đáng yêu của người nông dân; còn ông cử Hứa thì rốt cuộc sỗ phạm lại đáng thương. Thành thử tác giả như không nỗ lực vẽ ra những nhân vật hoàn toàn đáng ghét.

Như vậy lấy ai gây ra những tang tóc khốc liệt suốt « ba sinh » ? — Đó là những kẻ hoặc như tướng De L., hoặc như thiếu tướng chính ủy Trần B., những kẻ danh tính bị lịch sử vạch ra rõ ràng, tác giả ghi lại tên

thực với chữ viết tắt, sự xâu xa của họ ở ngoài trách nhiệm sáng tác của tác giả. Đó cũng là những cán bộ, những cô văn v.v... những chức tước không có tên tuổi cá nhân, là những đại diện không cá tính của chế độ. Phải, chế độ, chỉ có cái này mới là cái xâu thực. Còn con người, ông Doãn là kẻ không có tài kể xâu con người.

Nhân vật của Doãn-Quốc-Sỹ đều thừa hưởng một của kho vô tận: tình thương. Tình thương tràn ngập khắp cùng: giữa cha con, vợ chồng, anh em, chú cháu, bè bạn, giữa láng giềng chòm xóm, giữa người quen kẻ thuộc, và giữa cả những người không hề quen nhau... Tình thương mệnh mông ầy làm cho tất cả nhân vật đứng về một phía. Phía bên kia là chế độ của hiểm thù. Và tất cả nhân vật của *Ba sinh hương lửa* chống lại chế độ chỉ vì một điểm xung khắc giữa thương và thù đó. Cuộc chống đối này chẳng cần phải viện đến những lý do triết lý, hay lịch sử, hay kinh tế rắc rối nào, chẳng cần phải viện đến sách lược, chiến thuật, chẳng cần phải khai quật ra những mưu mẹo thủ đoạn để tiện của kẻ thù như nhiều người vẫn làm.

Cả cái xã hội gồm đa phần là thanh niên nam nữ có học thức, có tài, có gan dạ, đẹp và rất thơ mộng của ông Doãn, họ sẵn sàng chịu mọi điều cay đắng cam go trong chiến đấu, nhưng khi họ nhận ra rằng trong thế giới của họ tình thương đang bị hủy diệt; thế là họ cùng lác đầu, từ chối, kéo nhau đi.

Ai mang « họ » đến chôn nấy

Bên kia không óc bên nấy không tim.

Không óc đã đành là tẻ, nhưng còn chịu được. Chứ như không tim thì vô phương chấp nhận. Đó là quan niệm căn bản của con người trong *Ba sinh hương lửa*.

Một nét quan trọng nữa trong tâm hồn của nhân vật truyện nầy là thơ mộng. Những nhân vật chính đều là những kẻ mê đắm cảnh đẹp, ánh trăng, tiếng nhạc, văn thơ, nhất là thơ. Có lẽ từ *Tô-Tâm* của Hoàng-Ngọc-Phách đến đây chưa có ở đâu người ta ham văn chương bằng ở trong *Ba sinh hương lửa*. Lúc nào cũng có người sẵn sàng hoặc ngâm lên một câu thơ, một câu ca dao, nhắc lại một câu đời, hoặc nhớ lại đoạn thơ nào đó mà một vị giáo sư Quốc văn đã giảng ở nhà trường. Có kẻ giữa không khí uất hận đầy sát khí ở một lớp chính huấn mà bước lên diễn đàn cũng thản nhiên kể những truyện ma quái huyền hoặc rất ư thi vị !

Người đọc lật vội cuốn truyện đã có thể nhận thấy ngay cái không khí thơ mộng của nó, ở các tiêu đề mỗi chương, mỗi phần : *Cách nhau ngàn vạn dặm, Phẩm tiên rơi đến tay hèn, Màu tím hoa lau, Nàng tiên đi dưới trăng, Độc hành v. v...*

Nhưng nói đến các tiêu đề trong tác phẩm tức là đã vượt quá các nhân vật mà nói đến tác giả rồi. Mà thật ra ở đây tác giả cùng với các nhân vật của mình giống nhau quá lắm. Qua bảy tác phẩm của ông, người ta

thấy lúc nào Doãn-Quốc-Sỹ cũng tốt, cũng tỏ một lòng thương người bao la, một tâm hồn quý chuộng đến say mê những cái đẹp của trời đất, cái hay của dân tộc.

Bởi Doãn-Quốc-Sỹ thi sĩ như vậy cho nên ông làm thơ bằng truyện hơn là viết tiểu thuyết. Những người bị ám ảnh bởi cái ý muốn đem đời chiếu các tâm lý nhân vật và các sự việc trong truyện của ông với thực tại có thể trách rằng nhân vật của ông Doãn giống nhau quá, không có cá tính, cao khiết quá đến không thực, sự việc xảy ra nhiều lúc cũng khác xa những điều có thể xảy ra ngoài đời... Tại sao chúng ta lại không trông thấy chỗ đó ? Nhưng muốn kể vạch ra những cá tính độc đáo phải có cái nhìn quan sát lục soát, sắc sảo, có khi đến thâm độc, mà Doãn-Quốc-Sỹ thì bao dung rộng rãi quá ! Cho nên ta hãy thưởng thức tác phẩm của ông như thưởng thức một bản trường ca về tình yêu thương. Như thế, đọc xong *Ba sinh hương lửa*, người ta thấy tâm hồn mình âm áp thơm tho hơn lên.

Và đó là điều lạ lùng hiểm hoi vào lúc nầy. Phần đông trong số những người thuộc thế hệ Doãn-Quốc-Sỹ, những người đã trải qua « ba sinh » của đất nước, có kẻ cay đắng chua chát, có kẻ hằn học thù hận, có kẻ hoàn toàn chán chường, có kẻ hoang mang rắc rối, không chút tin tưởng... Và những hoang mang hoài nghi, chán chường đến tối nhất, dữ dội nhất — ngộ-nghĩnh thay — lại là tâm trạng của nhóm *Sáng tạo* trong đó có ông

ĐIỂM SÁCH

Doãn. Trong lúc ấy thì riêng ông càng tin tưởng hơn bao giờ hết vào truyền thống đẹp đẽ của nòi giống, vào thiện căn của con người, ông trân trọng quý mến từng truyện cổ tích, từng câu ca dao, câu Kiều... Một tâm hồn như vậy giữa cảnh dao động hoang mang nầy chẳng phải là vô cùng quý giá sao ?

Dĩ nhiên không phải Doãn-Quốc-Sỹ không biết xúc động vì những tang thương đã xảy ra trước mắt. Trái lại, không thể bỗng dưng mà một người bỗng thiết tha với tình thương yêu của nhân loại đến thế. Phải là kẻ đã đau lòng hốt hoảng trước những cảnh chà đạp tàn bạo lên tình thương mới thấy bừng dậy trong tâm hồn mình một tình thương dào dạt như vậy.

Các tình cảm thơ mộng quá độ có lẽ cũng lại là một phản ứng nữa trước cảnh sống khắc khổ cần cỗi trong giai đoạn vừa qua của đời ông.

Tác phẩm, đó chẳng qua là phương tiện để ta tìm đến những tâm hồn.

Nếu nó đủ sức đưa đến một tâm hồn cao đẹp, thế là quý rồi. « Kỳ dư là văn chương tuốt hết ». Bảo rằng chỗ nầy hồng ? chỗ kia không thực ? Những « chỗ » nầy « chỗ » kia, thấy đều là kỹ thuật hết. Kỹ thuật văn chương ngày nay đang thay đổi không ngừng, không để cho ta có thể dễ dàng dựa vào những căn cứ tiêu chuẩn cố định nào để mà phán xét tác phẩm.

TRẦN-THIÊN

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ
MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY



LOẠI ĐỀ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

tự thuật

VIÊN-LINH

Non cao bóng thắm trời mù
Mình tôi kiếm lợi đi thu tuổi tàn.
Hiên dài mưa giọt kêu than
Ngày qua nẻo nhạt đêm vàng lũng sâu.
Đi luôn nghĩ cũng buồn rầu
Về đây tôi lụi mái đầu xuân thu
Ôi tan nửa kiếp chần chờ
Tay chia năm ngón thân trừ thịt da
Về đây tôi với tuổi già
Vớ thân tiền chiến với đà tồn sinh
Vớ mưa ngoài chợ tâm mình
Đêm xa hẻm nhỏ đôi canh thu sương.
Giờ trôi qua nốt cuộc buồn
Hôm nay ở lại mai còn long dong.

V. L.



Mẫu lưu linh

HOÀI-KHANH

chim bay tàn bóng sa mù
thôi sương ở lại đèn bù tuổi tôi
năm đây lạnh suốt mặt trời
hoài thương quá khứ đã ngùi phiêu linh
phố xưa hồn đắm lệ mình
sông xưa triều đã lênh đênh mấy mùa
nghe tàn cõi mộng hoang thừa
con chim lại hót trên mùa lang thang
mắt em hồ vờ cung đàn
thôi xuân nào cũng mộng tàn đêm thâu
ngùi thương bóng nhỏ giọng sầu
cõi kia cũng quạnh quẽ mẫu lưu linh

H. K.

màu áo đông phương

nguyễn-nho-sa-mạc

áo em trắng màu đông-phương e l
nụ cười vương vương thơm tuổi học trò
mái tóc thắm giềng xanh màu mắt bưng to
thu sự sông trắng tròn đầy lên má

em hiện đến như vì sao xa lạ
bước ngập ngừng qua thành phố thắm tư
áo em đi trời rất đôi hiền từ
tôi bỏ ngõ thu hồn về bản vắng

em lộng lẫy chìm phần son chết lặng
chiều lạnh vàng ngủ gục dưới chân em
trưa xanh xao lợi chảy qua thềm
em bỏ mặc ôm lấy màu trinh trắng.

áo nữ sinh qua môi dài thèn thẹn
em trở về ôm cả một trời thu
thành phố xưa tan những lớp sương mù
áo em trắng màu đông-phương e lệ

N N. S. M. 62

(vĩnh-diện)

Qua hiệu sách

Thi-sĩ và kẻ ăn trộm có một điểm giống nhau : ở bất cứ nơi nào, họ cũng tưởng như là ở nhà họ

(HONORÉ DE BALZAC)

NHƯ thường lệ, sáng hôm ấy Huệ đến chờ trước cửa hiệu sách Hoa-Hoa từ hồi 7 giờ 50 phút.

Đúng 7 giờ 55, ống khóa bắt đầu khua động. Cánh cửa sắt rít lên, xếp lại, chừa đủ khoảng nhỏ để cho thân hình mảnh mai của Huệ lách vào. Bên trong, thật là ấm áp ; suốt đêm, mấy ngọn đèn nê-ông vẫn đề sáng ; giữa tủ kiếng mấy bộ sách bách-khoa in màu, chiếu ngời đủ ánh xanh, đỏ, tím, vàng. Trên bìa sách lóng bóng, hình mấy con cọp, sư tử... vô cùng linh động, nhe răng suốt đêm. Các nữ minh-tinh vẫn cười duyên, không bao giờ ngủ, ở mặt trước và mặt sau các tạp-chí điện-ảnh.

Chiếc đồng hồ trên vách ghi 7 giờ 58 phút. Chị bếp lau chùi nền gạch đã xong. Bà chủ hiệu Hoa-Hoa đi dép xuống thang lầu, tỏ vẻ hài lòng vì Huệ đã đến làm việc đúng giờ.

Trong khi bà đi rảo một vòng quan sát các tủ kiếng, Huệ cố sức bình sanh đẩy mạnh cho hai cánh cửa sắt xếp lại gọn gàng. Bà chủ ngồi trên chiếc ghế nhỏ, ngay tủ tiền rồi gắt giọng :

— Này chị bếp.

— Dạ, thưa bà ..

— Lên bảo cô Hai xuống đây coi chừng trộm. Chừng này đã quá tám giờ rồi mà còn ngồi trang điểm ! Mùa tựu trường, lát nữa khách hàng vào đông lắm, mỗi năm có một tháng tựu trường...

Huệ cầm cây chổi lông gà, tới lui quét bụi ngoài tủ. Thỉnh thoảng, nàng liếc mắt nhìn ra đường. Người qua kẻ lại còn quá thưa thớt trên lề phố.

Đúng 8 giờ, cô Hai mặc áo dài tím, đi chầm rãi đến tủ tiền, ngồi thay thế cho mẹ.

— Con thức từ này giờ, lúc chị bếp lên gọi, con đang ăn điểm tâm.

Trước khi trở về tầng lầu trên, bà chủ căn dặn lần chót với đứa con gái :

— Con phải cẩn thận. Thưa lúc đông khách, bọn bắt lương ra lên vào tiệm để ăn cắp sách. Hồi hôm qua, ở tiệm X. X.. có đứa bị bắt quả tang đang đánh cắp bộ sách trị giá hơn 200 đồng.

Cô Hai ngạc nhiên :

— Rồi giải nó ra tòa chớ ? Bọn đó là ai vậy mẹ ? Hèn chỉ hồi tháng trước, thỉnh thoảng tiệm mình cũng mất vài quyển sách, mất vô lý. . . Thôi, mẹ cứ yên tâm. Ở dưới này, con và Huệ hứa cố gắng xem trong xem ngoài.

Sau khi bà chủ đi khuất, bầu không khí trở nên thân mật, dễ chịu. Huệ và cô Hai vốn là bạn thân hồi còn học trường Gia-Long, giữa hai người tuy là kẻ làm chủ, người làm công nhưng mối tình bạn ngày xưa còn thấm thiết.

Huệ hỏi cô Hai :

— Làm thế nào mình nhận ra kẻ ăn cắp sách được ? Mỗi ngày, hàng mấy trăm người ra vào lựa chọn, một mình em đâu đủ thời giờ theo dõi... Hơn nữa, đó là vấn đề xã giao, mình cần chiều hàng.

Cô Hai đáp :

— Nghe cô Y. thuật lại thì chúng nó cũng ăn mặc sạch sẽ, còn sạch sẽ hơn đa số học sinh. Lúc vào tiệm, chúng mang theo một cái « classeur » bìa cứng, bên trong để sẵn vài quyển sách. Chúng giả vờ lựa chọn rồi thừa lúc người trong tiệm không chú ý, đưa một vài quyển sách vào trong « classeur ». Đâu đó xong xuôi, chúng bình thản bước ra.

Đôi mắt của Huệ sáng lên. Nàng gật đầu :

— Tài thật, nhứt định là chúng đánh cắp những quyển sách đặt trên kệ, cao cỡ ngang ngực... Vậy thì từ rày về sau em chú ý những chàng mang « classeur » vào tiệm...

— Em đã có ý nghĩ không tốt rồi đó. Suy luận như em, tiệm mình sẽ bị ế khách. Cứ để họ tự do lựa chọn.

— Em chưa hiểu làm cách nào. Em mới tập tành nghề này.

Cô Hai cười dòn :

— Còn nữa.... Lắm khi chúng vào tiệm với một quyển sách trơn, cầm trên tay.

Tức quá ! Phen đó chị hồ nghi nhưng rồi cuộc chị vẫn bắt hần không được... Hần tỏ vẻ lương thiện, mới bước vào tiệm là đặt quyển sách của hần ở kệ sách phía ngoài, rồi nói với chị là hần gởi. Với hai bàn tay không, hần vào mấy tủ kiếng phía trong, lựa chọn đôi ba phút hoặc lâu hơn nữa, lúc ấy chị quên chú ý. Thế rồi hần trở ra, cũng với hai bàn tay không. Hần liếc nhìn chị rồi xin lại quyển sách mà hần gởi khi mới bước vào. Chập sau, chị mới biết là hần đã ăn cắp một quyển sách. Huệ biết hần làm cách nào không ?

Huệ ngạc nhiên :

— Hần là một tay ảo thuật, em chịu thua.

— Thì hần lấy luôn quyển sách đặt dưới quyển sách của hần. Thay vì lấy một cuốn, hần nhanh tay kèm thêm một cuốn nữa rồi bước ra khỏi cửa, đi lẫn vào đám đông lập tức.

Câu chuyện đang vui vẻ, sôi-nổi bỗng nhiên cô Hai dịu giọng... Năm ba khách hàng lần lượt bước vào, kẻ tìm sách học, người lật mấy tờ tạp chí Âu Mỹ để xem hình. Không muốn lợi dụng tình bạn, Huệ trở lại địa vị người làm công : nàng định áp dụng những lời chỉ dạy của cô Hai từ nãy giờ. Nhưng khi nàng vừa quay mình, cô Hai cản lại :

— Ở đây nói chuyện chơi. Mình đừng quá theo dõi khách hàng, họ không thích, cho rằng lối tiếp đãi của chúng mình kém nhã nhặn. Cứ để họ tự-do lựa chọn mà ! Nên tránh cái thái độ tò mò... .. Minh đâu phải là thám tử, phải không Huệ ? Nhưng kia .. Huệ xem ra đường, cái anh chàng thất cà-vạt tím ..

Đúng như lời cô Hai, Huệ thấy một người trạc bốn mươi tuổi đang đứng ở sạp bán thuốc lá, ngoài vỉa hè, sát gốc me, cách cửa tiệm chừng vài thước. Trong số người hơi đông đảo, chỉ riêng hần là thất cà-vạt. Hần móc trong túi áo sơ-mi một đồng để mua hai điếu thuốc lẻ.

Cô Hai nói khẽ :

— Huệ hãy xem, nhứt định hẳn vào đây, chị đoán không sai mà !

Hưng sau khi cầm cây nhang đốt thuốc, người nọ đi thẳng.

— Chị đoán sai rồi — Huệ nói.

Cô Hai mỉm cười :

— Nhứt định ông ta trở lại đây ! Chắc là đi qua « coi cạp » ở tiệm sách kế bên.

Huệ vào trong, gói sách, ghi phiếu rồi sắp xếp mớ sách lại cho ngay ngắn. Nàng đang chăm chú lựa vài quyển Quốc-Văn cho khách hàng, bỗng nhiên thấy chiếc cà-vạt màu tím bay phất phơ trước mặt.. Nàng nức cười, khen thầm sự dự đoán của cô Hai khi nãy. Khi gói xong quyển Quốc-Văn, nàng đem đến tủ tiền.

Cô Hai thổi tiền cho khách; chờ khách bước ra khỏi tiệm rồi nói :

— Đổ đồng mỗi tuần lễ, ông ấy đến « điểm sách » ở tiệm mình chừng 14 lần !

Một bài toán hiện ra trong trí của Huệ. Nàng vẫn thắc mắc.

— Minh mở cửa suốt tuần, trừ chiều chúa nhựt, tất cả chỉ 13 buổi thôi..

Cô Hai vẫn cười :

— Ngặt nhiều buổi, ông ta đến viếng hai lần liên tiếp.

Huệ hơi khó chịu. Nàng nhận thấy câu nói của cô Hai ngụ ý mỉa-mai, tàn-nhân đối với ông khách vô tội.

— Nếu vậy thì ông ta viếng cả 15, 16 lần ! Biết đâu buổi chiều chúa nhựt hoặc lúc hừng sáng, đêm khuya, lắm khi ông ta đi ngang Hoa-Hoa Thư Quán này, dừng lại đôi phút trước cánh cửa sắt đã khép lại, để « coi cạp » trong tương tợgg, phải không chị ?

Nhờ bản-chất ít nhiều thông minh, giàu lòng nhân đạo nên cô Hai cau mày chột hổ hậ trong phút giây. Huệ cảm thấy mình vừa đắc thắng, thắng một trận nhỏ nhen đối với cô. Nàng đã gọi

cho cô, gọi khéo léo vài ý niệm luân lý mà cả hai đã hấp-thụ ở nhà trường về sự công bình và lòng nhân đạo. Để cô Hai khỏi nhột nhột, Huệ quay mặt, đi vào phía trong với sự hãnh diện còn con : Nàng vừa bênh vực một kẻ vô danh ! Rồi với tinh thần vô tư, nàng bắt đầu theo dõi ông khách không bao giờ mua sách nọ. Tuổi của ông ta cũng tạm xứng đáng cho nàng gọi bằng chú, bằng bác. Ông ta đọc chăm chú tất cả các loại sách Pháp, sách Việt, từ thơ, tiểu-thuyết đến các sách về mỹ-thuật, hội-họa... Sau khi xem vài trang, ông ta cẩn thận xếp sách, sắp đặt ngay ngắn đúng vị trí cũ. Đối với những quyển sách quý, bọc giấy bóng, dán kín mít bốn phía, ông ta cũng tỏ ra nhã nhặn, tuyệt nhiên không mó tay vào nghĩa là chỉ nhìn nó bằng đôi mắt tò mò..

*
* *

Ngày qua ngày, hình dáng ông khách « coi cạp » trở nên quen thuộc với Huệ, nàng thấy rằng những lời nhận xét của cô Hai đối với ông ta nào có gì quá đáng !

Bắt đầu, Huệ bực mình vì con người gan lì, mặt chai mày đá nọ. Nhứt là những buổi vừa mở cửa tiệm xong là ông ta đã « đập đất », mở hàng trước. Có lẽ để bù trừ lại, nên nhiều hôm đến 8 giờ tối, lúc tiệm gần đóng cửa, ông ta vẫn lăm li xem nán một trang quảng cáo diễm-huyền về dầu thơm hoặc « quần áo phụ tùng » của phái yếu đang ở trang gần chót các tạp chí Âu-Mỹ. Đôi khi, ông vào chớp nhoáng, như giông như gió, tìm quyển Tự-Điền, lật nhanh, tra vài chữ rồi xếp lại, trở ra, sau khi nói bằng quơ mà không nhìn thẳng vào mặt Huệ hoặc cô Hai : « Cám ơn ». Phiên nhứt là vào buổi sáng chúa nhựt, thân chủ quá đông, người ra kẻ vào chen chân khó lọt, vậy mà ông ta cứ đứng mãi mà xem liên tiếp năm sáu trang sách triết học. Thỉnh thoảng ông

sờ vào túi, đem thuốc ra hút, phun khói, rồi cau mày suy-tư khiến người lân cận ho hen, sặc mũi. Mỗi lần đi qua lại, Huệ đành nói khẽ: « Xin lỗi ông » rồi nằng bĩu môi. Ông ấy lạnh lùng dường như căm, đố kỵ và thù đối với riêng nàng! Quá bức tức, nàng muốn nguyên rửa lên thật to: « Ông nên « coi cộp » quyển « Phép tắc xã giao » hoặc quyển « Đắc Nhân Tâm » là hơn. Loại sách ấy, chữ Pháp chữ Việt đều có. Nhưng rồi thôi, ông khách ra về tự bao giờ, Huệ nào hay! Quá 12 giờ trưa hôm ấy, trên đường về, Huệ gặp ông ta lần nữa, đứng lóm thóm chờ xe ô-tô-buýt, tay cập mở sách khá nhiều nhưng mua ở lề đường, gói kỹ lưỡng bằng thư giấy báo cũ chớ nào phải loại giấy đặc biệt in rõ ràng nhãn hiệu của một thư quán tăm tiếng...

... Mưa gió lè thê từ giữa tháng đến cuối tháng. Mùa bán sách tựu trường hầu như chấm dứt: Ông khách cố cựa văng bóng ba hôm liên tiếp. Lúc rảnh rang, Huệ đến bên cạnh cô Hai để tán nhảm:

— Chắc ông bệnh rồi! Cả nhà tôi, già trẻ bé lớn đều bị bệnh cúm, hưởng hờ à ông...

Cô Hai như sực nhớ điều gì:

— Hồi hôm qua, lúc Huệ ra nhà sau, ông lại đến, mua của tiệm mình hai quyển « Phép trị bệnh gà toi ». Nhất định ông về quê nuôi gà! Mô Phật! Vái trời cho ông về luôn

Người bê tha lêu lổng như thế ấy mà nuôi gà! Huệ toan cãi lại nhưng chưa tìm ra lập luận nào cụ thể, vững chắc. Ngoài lề phố, bỗng nhiên, nàng thấy ông ta xuất hiện với chiếc áo sơ-mi ca-rô:

— Cô Hai! Ông kia! Trời ơi! Bữa nay ông theo... Đợt sóng mới!

Trố mắt, cô Hai buộc miệng nói nhanh:

— Ủa! Ông thiệt. Ông đi song song với con Ti bán sách đằng tiệm Hoa-Lý. Hay

và con Ti cười ông mà chưa cho đăng mình hay biết.

Vừa đến tiệm, ông khách cũ đi xăm xăm vào kệ phía trong, lật tới lật từng quyển sách mới phát hành và xem qua tất cả các loại tập san, như người đói lâu ngày gặp miếng ăn ngon.

Tại tử tiền cô Hai hỏi nhanh, giọng hài hước:

— Cô Ti đi đâu vậy? Có chồng rồi à?

Ti ngạc nhiên:

— Nói giỡn hoài! Có chồng thì mình gởi thiệp mời đăng hoàng chớ. Để tôi nói phứt rồi trở về tiệm liền bây giờ.

Huệ sốt ruột:

— Chuyện gì?

— Ông khách đó nhứt định đòi mua cho kỳ được mấy bộ Địa Tạng Kinh, Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Phật Thuyết A Di Đà kinh và 2 bộ Cao Ly Đầu Hình, Diển Cầm Tam Thế.

Cô Hai nói nhanh:

— Ở đằng Hoa-Lý bộ hết rồi sao Ti?

Ti trả lời:

— Nhưng ông đòi mấy bộ kinh in lần thứ nhứt do hòa thượng Trí-Huệ phát hành đầu từ hồi thống-chế Bê-Te còn sống! Tôi nhớ chắc chắn đằng này còn vài bộ kinh xưa đó, nghe bà chủ nói rằng năm xưa bà có dự trữ trên lầu chừng mười bộ. Cô tìm thử.

Cô Hai vội vã lên lầu. Dưới này, Huệ chăm chú nhìn ông khách.. Bất chấp thế sự, ông ta mãi mê khảo sát..

Nàng trêu ghẹo Ti:

— Chị có quen với ông đó hả?

— Đâu có. Ông là anh em bạn học cũ của ông chủ tiệm tôi, bạn học hồi 20 năm trước, hôm nay họ mới nhìn ra được tông-tích. Ông khoe với ông chủ tôi rằng bây giờ ông nhàn rồi lắm, ăn

hơi hơi no rồi thì đi chơi tối ngày để đọc sách... của thiên hạ. Ông khen với ông chủ tôi về cách tiếp đãi lịch sự, vô cùng nhã nhặn của các cô bán hàng ở cả tiệm sách to, nhỏ thuộc đất Sài-Gòn! Đó là... «Thư trang hữu nữ nhan như ngọc»!

— Chị Ti bữa nay nói chữ nho, nghe diếc con ráy...

— Ông nói chớ đâu phải tôi. Theo lời ông thì câu đó nghĩa là trong sách vở thánh hiền có người con gái vô cùng tuyệt đẹp, tức là tinh hoa của tư tưởng nhân loại, hoa thơm cỏ lạ gì gì đó. Nhưng chập sau, ông nói khẽ với ông chủ tôi: «Thư trang hữu nữ nhan như ngọc» cũng ám chỉ rằng... ở bất cứ tiệm sách nào cũng có nhiều cô bán hàng đẹp quý như ngọc, để yêu.

Huệ mỉm cười:

— Ông ghé đây hoài... Té ra ông... ba mươi lăm. Tuổi mùi!

Tí cười dòn, day lại che miệng, dòm chừng ông khách rồi nói khẽ với Huệ:

— Huệ cười ông đi. Tớ gả cho đó! Coi bộ ông là người biết điều.

Huệ cau mày, đôi má ửng đỏ vì giận dữ, vì tức cười. Trao thân gởi phận cho con người đáng chú đáng bác kia, thà tự tử còn hơn: cả bốn điều kiện: đẹp trai, con nhà giàu, sạch sẽ, không ăn cắp vặt... ông ta đều thiếu bảo đảm cả. Nàng nghe ớn lạnh trong xương sống! Một mai, thí dụ như chuyện đời éo-le đến mức ấy, chắc chắn Huệ sẽ khổ tâm gấp ngàn lần hơn khi công chúa Huyền-Trân nằm chung chăn chung gối với Chế-Mân. Dầu sao đi nữa, là người đàn ông lớn tuổi thì cũng phải lo làm ra tiền, săn sóc vợ con. Ai lại như ông ấy! Lười biếng quá!

Cô Hai từ trên lầu vừa đi xuống thang vừa thổi mạnh vào lớp bụi phủ đầy lên bộ Địa Tạng Kinh. Biết rằng nhiệm vụ trung gian của mình đã làm xong, cô Ti bước nhanh về Hoa-Lý thư quán.

Sách đã gói, để trên bàn tử tiền. Ông khách đến hỏi về số tiền phải trả. Trong đôi ba phút, mặt của ông ta và mặt của cô Hai, của Huệ gần kề nhau hơn bao giờ hết.

Hơi ngượng, cô Hai nói nhanh:

— Cảm ơn ông. Ông mua mấy bộ kinh này làm gì? Toàn là chữ nho, không có âm ra chữ quốc ngữ, làm sao mà tụng.

Ông khách cười mỉm môi rồi nói một hơi dài:

— Tôi mà tu hành gì! Tôi mua dùm cho người bà con ở Lục-tỉnh. Tôi nào làm điều quá tội lỗi đối với ai đâu mà cần đi tu sớm! Về già, kia..

Huệ và cô Hai trở mặt, nào dè ông khách «coi cộp» nọ lý sự quá giỏi! Nhưng ông khách ngỡ rằng hai người đẹp đang hiểu lầm.

Ông tiếp tục thanh minh:

— Thời già rảnh rang, tôi đi dạo đó dạo đây, hết ngồi quán cà phê thì đi dạo từ tiệm sách này qua tiệm sách nọ. Ấu cũng là một cách giải trí lành mạnh.

Cô Hai nghĩ thầm: «Ông này quên rằng tiệm Hoa-Hoa do tư nhân sáng lập hằng tháng phải trả tiền đèn, tiền phố, tiền nhân công». Như thông cảm nỗi thắc mắc chánh đáng của cô, ông ta giải đáp:

— Ở thư viện công cộng, ngồi ghế, sách nhiều thật nhưng mình có cảm giác sống trong tháp ngà. Coi sách ở tiệm, mặc dầu mình đứng mỗi chân, nhưng mình thấy ấm áp gần hơi thở của cuộc đời, của nam thanh nữ tú.

Ông ta tiếp tục nói, công khai thú nhận rằng việc xem sách cộp ở tiệm là phương pháp luyện-chí rất sống động — đó là một nghề nghiệp của ông. Rồi đặt vào địa vị của một chủ tiệm sách, ông ta không ngượng miệng dạy bảo cô Hai và Huệ — như dạy bảo người làm công mới tập sự cho ông ta:

QUA HIỆU SÁCH

— Bán sách là chức vụ cao quý. Lúc rảnh rang, quý cô hãy đọc sách, ít nhất là đọc qua các tựa sách. Xin lỗi, bứt mây động rừng, tôi xin kể lại câu chuyện: Hôm đó, tôi vào tiệm sách đó, chợt nghe một thân chủ bước vào hỏi cô bán sách để tìm quyển « Mái Tây ». Cô bán sách vào trong, lục lọi suốt năm ba phút rồi trở ra nói thân nhiên: Ở đây không có « Mái Tây », chỉ có quyển sách dạy về « Máy Dầu Cạn », « Máy Nổ »

Cô Hai chận lời:

— Dạ, tôi biết quyển Mái Tây tức là Tây Sương Ký do Nhượng-Tổng dịch lại, áng văn bất hủ của Trung-Hoa.

— Thật vậy à? — Ông khách hỏi nghiêm nghị.

— Dạ thật chứ, trong Mái Tây có nàng Thôi-Oanh-Oanh yêu chàng Trương-Quân-Thụy. Cô Hai đáp.

Đang kia, bà chủ bước xuống thang. Bỗng dừng bà đứng lại, cau có, chưa hiểu vì sao Huệ lại dậm tại tử tiền với ông khách nọ, trong khi hàng chục thân chủ khác đang ngơ ngác tìm kiếm người trong tiệm để hỏi han về các loại sách mà họ chưa tìm ra.

Biết giờ phút nguy ngập đã đến, Huệ nói nhanh:

— Cảm ơn ông. Thỉnh thoảng mời ông ghé viếng chúng tôi.

Huệ bước vào trong. Tuy cầm quyển Địa Tạng Kinh, Cao Ly Đầu Hình... đã

gói xong, đã trả tiền xong nhưng ông khách vẫn nói mơ màng với cô Hai:

— Thì tôi ghé viếng tiệm Hoa-Hoa này hoài, quý cô cần gì mời! Tự cổ chí kim ở nước văn minh nào cũng vậy, bán sách vốn là nghề thi vị, tao nhã, tôn trọng sự tự do của thân chủ. Đuôi khéo, chưa chắc người ta đi. Mời duyên, chưa chắc người ta đến. Phức tạp lắm, cô ơi! Tôi biết suy nghĩ lắm. Máy cô còn trẻ quá mà.

Giọng của ông khách ngậm ngùi như giọng đọc bài văn-tế. Khách ra đi từ lâu rồi mà nỗi bức dọc của cô Hai, của Huệ vẫn kéo dài như một cơn mưa dai dẳng.

Đôi ba ngày sau, năm bảy ngày sau, tiệm Hoa-Hoa vắng bóng khách nọ mặc dầu thỉnh thoảng cô Hai và Huệ còn thấy ông ta đi ngang qua, lúc cửa tiệm mở thật rộng. Theo dõi thì cô Hai mới hiểu dạo này ông ta ưa lân la đằng tiệm Hoa-Lý, nơi cô Tí đứng bán. Đôi khi, đi cặp kè với bạn, ông để cho bạn vào tiệm Hoa-Hoa một mình, riêng ông thì đứng ngoài lề phố mà chờ, mặc cho trời mưa lớt phớt ướt áo, thấm xuống đôi vai gầy yếu.

Cô Hai thở dài, lần đầu tiên cảm thấy mình hơi vô duyên, không còn là đề-tài đối với một kẻ khác, nhất là kẻ ấy đâu phải có tâm hồn chật hẹp, khô khan đối với cuộc sống đâu là cuộc sống âm thầm...

SƠN NAM

* Người ta sống trong một ngày, có được nghe một câu phải, trông một điều phải, làm một việc phải, ngày ấy mới không hư sinh.

Trần-Mi.Công

* Thì giờ người ta dùng để bàn phiếm đủ cho người ta đọc mỗi ngày được một cuốn sách.

Fragnet

bỏ phố

Khi bầy chim én ấy
 Chưa qua thành phố này
 Người yêu tôi còn nhỏ
 Tình yêu còn thơ ngây
 Khi loài mây xanh biếc
 chưa bỏ trời sao đi
 bàn tay còn hò hẹn
 tôi chưa từng chia ly
 Khi đàn bướm bướm trắng
 chưa bắt hoa đợi chờ
 người yêu chưa toan tính
 tôi hằng mong làm thơ
 Khi bầy chim én ấy
 và loài bướm bướm này
 già từ thành phố cũ
 lang thang theo loài mây
 Khi tình yêu đứng đó
 người yêu tôi trưởng thành
 bên sông xa mưa nhỏ
 linh hồn ca lênh đèn
 Thôi tình yêu đợi đó
 người yêu tôi đi rồi
 bây giờ xa thành phố
 tôi nhìn không ra tôi

du ca 1

Bàn tay bỏ lạnh hiên ngoài
 Cái đêm trở giấc giọt dài mưa bay
 Hồn lênh đèn bên lưu đầy
 Thừa cây nhạt bóng phơ bầy quạnh hiu
 Lỡ tan hoang mộng diễm kiều
 Tiếc thân rong biển phiêu lưu nghìn trùng.

du ca 2

Và trăm giọt cũng một lời
 tàn cây ủa bóng tuổi trời hoang vu
 Ôi! thân du từ sa mù
 đôi tay trăm lệ hư vô mảnh hồn
 Sóng nương vai ngủ cát cồn
 bọt rên tâm sự cái buồn... thiu thiu
 Ôi! nghìn khuya cũng chắt chiu
 Niu cơn giá buốt về sâu chuyện tình.

D T L.

(Lối về của cô-đơn)

Đã phát hành khắp nơi :

nguyệt - san **TIN - SÁCH**

do Trung-Tâm Văn-Bút V.N. xuất-bản

Số 3, Loại Mới, Tháng 9/1962

nội - dung gồm có :

CÔ-LIỀU vài ý nghĩ về một tiêu-chuẩn phê-bình. THIÊN-SINH về một trang sử-phê của cụ Trần-Trọng-Kim. VŨ-HẠNH đọc Thành-Các Tư-Hãn. THƯ-TRUNG đọc chuyện của nàng. NGUYỄN đọc những tập thơ trong thống. THIẾT-THẠCH đọc tìm hiểu hội-họa.

xin hỏi tại các tiệm sách lớn
hoặc tại toà-sạn TIN SÁCH
38, Phạm Ngũ Lão — Saigon



nhà xuất bản **HOA-PHƯƠNG-ĐÔNG**
phổ biến tác phẩm nghệ-thuật hiện đại
trên trọng thông báo cùng quý vị độc giả :

các tác phẩm thuộc

LOẠI SÁCH VĂN NGHỆ PHỔ BIẾN
lên tiếp phát hành trong tháng này :
SÁNG MUÔN THU thơ Diễm-Châu
NUÔI CON NHƠN TÌNH
truyện Thế-Nguyên

đang in : **BÀ LOAN** truyện Thế nguyên
(loại tác-phẩm)

thơ **TẠ-QUANG-TRUNG** (loại văn
nghệ phổ biến hẹp)

đã có bán khắp các hiệu sách lớn toàn quốc :

VĂN MỚI ĐÓNG TẬP

tập chỉ quy tụ ngót 30 nhà văn
nhà thơ hiện đại

từ số 1 đến số 6 — **giá 40 đồng**

3 | Khuya không về được Thụy-Khê, Thạch tới nhà Cảnh ngủ. Một căn gác nhỏ trong một ngõ hẻm phố hai bà Trưng gần cửa Nam. Căn gác, lọt vào một khu biệt thự yên tĩnh, của một ngôi nhà cũ cho thuê làm nhiều chủ, vốn là cái buồng tắm trước kia vuông vắn mỗi bề ba thước ; trong một góc buồng vẫn còn y nguyên cái bồn nước hoen rỉ của cầu tiêu máy ở trên cao, nửa đêm nước lên được đèn trên gác chảy róc rách trong bồn, cầu tiêu đã được tấm phản kê che lên. Thạch bước dón dến lên những bậc thang gỗ ọp ẹp tối om, sợ làm kinh động cái gia đình thuê phần đất dưới gầm cầu thang, quanh đầu đây nghe tiếng bài mạt chược xoa ròn tan và ở pho xa tiếng kèn của một nhà khiêu vũ vọng tới hiu hắt. Cảnh còn thức đang ngồi làm việc trước bàn viết. Nằm trên phản Thạch nhìn qua cửa sổ ngắm mây tòa gác cao thuộc phố bên. Đêm Hà-Nội dịu dàng khép kín trong một giấc mộng triển miên không hình ảnh.

Sáng hôm sau Thạch dậy muộn, người mệt mỏi đầu nặng, trong giây khắc chập chờn sắp tỉnh Thạch quên không nhớ là đang nằm ở đâu. Cánh cửa sổ trước mắt Thạch nhìn ra ngoài trời đóng chặt, Thạch nghe xung quanh ở bên ngoài sự êm tĩnh của buổi mai đang lên cao ; một ngày ở Hà-Nội đã qua. Cảnh đã dậy từ lâu, hần ngồi thu hình đọc sách trên mép cửa sổ cuối chân giường mở ra trước một bức tường hồng của tòa biệt thự bên cạnh. Thạch rủ Cảnh đi ăn phở.

NỖI CHẾT KHÔNG RỜI

« ... vivre avec cette tiédeur de mort dans la main. »

A. Malraux

Sau bữa điểm tâm, Thạch tỉnh từ biệt Cảnh, chưa biết đi đâu cho hết buổi sáng nhưng cũng không muốn chạm mặt nhau mãi kéo dài cái không khí tẻ nhạt giữa hai người. Không còn chuyện để nói nữa. Với Cảnh, Thạch không thể đùa bỡn bằng quơ với Đống. Cảnh hỏi: « Cậu có bận việc gì sáng nay không? Nếu không chúng mình đi thăm một người quen ». Thạch hỏi lại: « Ai mới được? » Cảnh đáp hết sức mơ hồ: « Một nhân vật kỳ lạ của thời đại » Thạch biết Cảnh không mấy khi nói đùa, nhận lời theo Cảnh.

Đó là một người đàn ông đứng tuổi, phải bảo là một nhân vật dị kỳ mới đúng, không rõ người nước nào. Theo lời Cảnh y là người lai, bố Đức mẹ Trung-Hoa, y có nhiều nét Á-Đông hơn Tây phương. Khô người thấp bé, nước da ngăm đen, trán dô và ngắn, mắt một mí hum húp. Cách ăn mặc của y lạ lùng, y vận âu phục, cái ca-vát đồ loang bần được treo lên cổ bằng một sợi dây lạt, quần buộc túm bằng giải dút,

giấy không bí tắt. Y nói chuyện bằng tiếng Pháp lơ lơ giọng Tàu và giọng Anh. Y tự giới thiệu là y nói được bảy thứ tiếng: Đức, Tàu, Anh, Nhật, Pháp, Tây-Ban-Nha, Nga, đã từng lê gót gần khắp thế giới; thời nội chiến Trung-Hoa những năm sau cách mạng Tân-hội y đã gặp Tưởng-Giới-Thạch, Mao-Trạch-Đông hoạt động bên cạnh Borodine, bạn của Malraux, Quách-Mạt-Nhược. Đây giờ y là người vô tổ quốc, y đến Việt-Nam mới được hai năm có ý định lưu lại Hà-Nội ít lâu, đang ra công viết một bộ sách dày mấy nghìn trang chứng minh sự lầm lẫn của chủ nghĩa Marx, khởi xướng một lý thuyết mới mưu cầu hạnh phúc hòa bình cho thế giới. Y lôi ở dưới gầm tủ ra một cái hòm sữa đựng đầy giấy má, cầm lấy một tập mở ra đọc vài trang, Thạch chẳng hiểu gì hết, y viết bằng tiếng Anh. Y sống một mình trong gian nhà rộng dài chỉ kê ở giữa nhà một cái bàn học trò với cái ghế dài, một cái chõng tre làm chỗ ngủ, và một cái tủ mộc, trên tường vôi bần thiu treo một tấm bảng đen lớn. Trong các góc

nhà mạng nhện giăng đầy. Sân trong, nhà bếp sơ sác như một ngôi nhà hoang, lúc bọn Thạch đến, có hai người, một nam một nữ, ăn mặc tề chỉnh và thượng lưu đang học tiếng Anh với y. Họ ngồi ở bàn học trò y đứng trước bảng cầm thước chỉ dẫn. Y bắt họ đọc thành tiếng và gặt gong la mắng như đôi xử với bọn con nít. Hai người này ngưỡng vì sự hiện diện của Thạch và Cảnh, họ ập ứng xin kiêu về trước giờ viện lễ y có khách phải tiếp. Họ nộp ngay tiền cho y sau giờ học, mỗi người hai trăm bạc bước ra khỏi nhà như được giải thoát ; hai người học trò đã về, y vẫn còn lớn tiếng chê hai bọn họ là một lũ đần độn, như thế mà cũng vác mặt làm kẻ thượng-lưu trong xã hội, y bảo với Cảnh người đàn ông là quản lý tờ nhật báo bán chạy nhất Hà-Nội bây giờ, người đàn bà là vợ một viên chức cao cấp trong chính phủ. Y vào trong góc nhà lấy ba chai nước giải khát với ba cái cốc cáu bẩn, bắt Cảnh dùng rằng mở nút chai, sai Thạch cầm một cái đĩa nhôm đi mua nước đá ở một tiệm kem đầu phố. Cảnh đưa mắt ngắm ý bảo Thạch hãy làm theo lời của dì nhân. Khúc phố ngắn vắng vẻ trong khu vực khá giả bên hồ Thiền-Cuông phía đằng sau nhà đầu xáo ; khi y rót nước vào cốc, Cảnh nói với Thạch : « Cậu già tiền cho nó » Thạch móc tiền trả và y chỉ nhận tiền phần nước của bọn Thạch mà thôi. Suốt nửa giờ, y nói thao thao bất tuyệt về đủ mọi vấn đề triết lý thời sự với vẻ nghiêm trọng như đạo sĩ đang

thuyết pháp trước đám đông tín đồ, y bàn luận công kích mọi tư tưởng từ cổ chí kim, từ Jésus Thích-Ca cho đến Lénine Trostky không chừa một ai ; ra khỏi nhà y, Thạch cúi bản chán ngán muốn đá tung mọi sự vật quanh mình để khỏi phải nghĩ, Thạch la lên giữa phố : « C'est de la merde », Cảnh im lặng không nói gì. Lát sau khi ra đến hồ Thiền-Cuông, Thạch hỏi : « Nó có điên không ? Cậu gặp nó ở đâu đây ? » Cảnh đáp : « Tôi gặp nó trong một buổi hội họp của bọn trí thức ở đây, tại nhà một ông bác sĩ một thời đã cộng tác với Nhật, nhân cuộc đón tiếp một mụ Mỹ vừa sang Hà-Nội cổ động cho Phong trào liên bang hòa bình thế giới. Cậu có biết chúng nó bàn luận những gì với nhau không ? Chúng bàn về chính phủ liên bang thế giới tương lai, đề nghị sửa đổi Hiến chương Liên-Hiệp-Quốc. Thắng An học Ấng-Lê cùng với thắng cha bác sỹ ở Sứ quán Anh nên được mời và nó rủ tôi tới xem. Cậu nghĩ thế nào ? » Thạch hần học : « Tôi mà có súng thì tôi lia cho chúng chết khuất mắt. Một bọn khùng đáng ghét ». Cảnh có giọng mỉa mai giễu cợt : « Biết đâu nó chẳng là thiên tài, một bộ óc lớn của nhân loại ». Thạch bị chọc giận, nói trong một cơn say : « Cậu phải nhớ đã có lần thắng An hỏi tôi nghĩ thế nào về thiên tài. Tôi bảo tôi đ... tin thiên tài, thiên tài chỉ là thứ bịp mình bịp người, đại bịp. Nó là thứ người kiêu hãnh tốt độ không muốn chung đặng với ai và bởi kiêu hãnh nó phải cố tạo ra

những công trình tư tưởng để chứng thực cho nó, cho cái lối sống cô độc phản xã hội của nó. Những công trình của nó là bức thành ngăn cách nó với xã hội, nó nói là làm mọi người gần nhau nhưng sự thực là nó chia rẽ mọi người, bởi muốn gần nhau người ta phải vươn lên cho kịp nó, phải chịu nhốt chung với nó, chẳng bao giờ nó xuống với người ta cả mà giả thử người ta có muốn tới với nó thì nó lại có muôn ngàn lối để thoát lên trên người ta khiến người ta cứ quay cuồng vì tuyệt vọng là không bao giờ tới được chỗ của nó. Tôi đã nói là nếu chẳng may tôi là thiên tài thì tôi sẽ tự tử để khỏi làm khổ người khác». Cảnh trầm ngâm vài giây rồi hỏi : « Cậu có bao giờ nghĩ cậu cũng là loại kiêu hãnh nguy hiểm như cậu vừa nói không ? » Thạch hoang mang, câu hỏi của Cảnh như một cái bẫy xập trối lầy Thạch, hần lúng túng vùng vẫy chưa thoát. Cảnh tấn công tiếp : « Tôi sợ sự lựa chọn của cậu chỉ là phản ứng của một thái độ kiêu hãnh. Tôi biết cậu vẫn nhìn tôi cho tôi là hèn, trốn tránh để theo học và sợ dĩ tôi tin theo ngoài kia cũng chỉ là một thứ che đậy giả dối cho có cớ. Chắc cậu muốn biết tại sao tôi không dứt khoát là chứ gì ? ». Một lát bỗng nhiên Cảnh dịu giọng : « Cậu không bao giờ nên nghĩ rằng vì hèn nhát hay giả dối hay mù quáng mà tôi tin vào chủ nghĩa. Sợ dĩ tôi nhận nó dù biết nó có nhiều điểm không hợp với mình, vì tôi cho rằng mình không thể nào tự thay đổi được đời mình

bằng cá nhân. Tôi thuận sự hy sinh cá nhân cho số đông bởi tôi vẫn sợ mình cứ mãi bám lấy cá nhân, tự do trí thức rồi mai đây mình cũng lại sẽ trở thành một thứ người dở điên dở khùng vô dụng như bao nhiêu gương trước mắt. Sống thế thì thà chết còn hơn, vậy tại sao mình không chọn một cái chết cho có ý nghĩa. Thạch gượng gạo hỏi : « Cậu không tin rằng mình đã biết thế thì mình có thể tránh được và cái thế hệ bọn mình sẽ có thể cố gắng trở thành một loại trí thức mới tự do và mạnh mẽ hay sao ? ». Cảnh đáp : « Trí thức phải có lực lượng hậu thuẫn. Tôi đã bảo cậu vẫn còn kiêu hãnh là thế, riêng mình không thể tự thay đổi được gì hết, phải có cả một vận động lịch sử đưa tới cho mình mới mong thực hiện. Mình phải quên mình đi mới được ». Thạch buồn hết sức, châm thuốc lá hút liên miên, như thắm : « Tôi cũng là một kẻ kiêu hãnh cô độc ». Cảnh nói tiếp : « Cậu đang hành động như một kẻ tự sát ». Thạch đáp buông xuôi : « Thì cứ cho là như vậy ». Hai đứa vào trong sân thư viện trung ương, Thạch chăm dứt câu chuyện bằng cách nói lửng lơ như với riêng mình : « Sự lựa chọn của tôi có thể sai lắm nhưng ít nhất đối với tôi nó là một thí nghiệm tự do, tôi không muốn chấp nhận một đường khi tôi còn nghĩ tôi có thể theo một đường khác. Và giả thử tôi thật bại thì cũng không phải là vô ích, vô nghĩa lý. Thí nghiệm thất bại vẫn hữu ích đối với người sau ». Cảnh nhếch mép cười hoài nghi.

Trong bữa cơm trưa ăn ở quán sinh viên với Cảnh, Thạch quay về câu chuyện nhân vật dị kỳ gặp buổi sáng, Thạch hỏi : « Nó sống bằng gì ? », Cảnh đáp : « Nó dạy ngoại ngữ cho bọn nhà giàu trường giả. Nó là thứ quái thai do xã hội trường giả đẻ ra và được xã hội ấy nuôi. Tất nhiên người ta vẫn cười nó nhưng người ta vẫn nuôi nấng nó vì sự hiện diện của nó là cần, bằng chứng của tự do mà ; ngược lại nó khinh bọn trường giả là ngu dốt để khỏi phải nhận thấy là mình sống bám vào bọn ấy. Thê là hòa ». Cảnh cười, tiếng cười gần cốc lốc không âm vang. Suốt buổi trưa, Thạch lang thang một mình ngoài phố không muốn về đâu hết, nhiều lúc mỗi một buồn ngủ ngáp chảy nước mắt. Khoảng ba giờ ghé qua ga hỏi giờ tàu về, người ta cho biết phải muộn vì mìn nỏ ở gần cầu Phú-Lương. Lại tiếp tục cuộc du ngoạn rong trãi qua thành phố, tình cờ trong một hiệu sách nhỏ lụp xụp gần phố chợ Đuôi, Thạch được đọc một truyện ngắn của An để tặng Thạch đăng trong một tờ tuần báo ít đọc giả. Truyện kể một anh chàng điên vì tình bỗng tự dưng khỏi bệnh, anh ta khờ sớ vì phải tỉnh lại, anh ta muốn điên nữa điên mãi nhưng vô hiệu, cuối cùng nhân vật tự tử vì chán ngấy sự sáng suốt. Thạch bỏ ba đồng mua lấy tờ báo ấy. Bảy giờ hơn Thạch theo phố hàng Cỏ về ga, từ xa Thạch trông thấy Liên đứng đợi. Dáng mảnh mai trong cái áo đen Liên đứng dựa bên cái cột lớn trước tòa nhà ga chính nhỏ

ra ngoài, Thạch đứng dưới mặt đường và Liên bước xuống khoan thai. Thạch hỏi : « Tàu về lâu chưa Liên ? » Liên đáp : « Chưa về, hôm nay tôi nghỉ chợ dọn nhà, đợi Thạch đến cả tiếng đồng hồ, tôi sợ Thạch không đến ». Thạch hỏi : « Sao lại không đến ? Liên chỉ nhìn Thạch không trả lời. Những ngày cuối mùa hè, có những buổi chiều kéo dài, ánh sáng nhuộm da trời một màu vàng đỏ của đu đủ, Liên bảo Thạch : « Thạch về xem nhà mới của Liên nhé ! » Liên thuê một căn nhà nhỏ giá năm trăm một tháng trong một ngõ hẻm Sinh-Tử, cái phố của tuổi nhỏ. Qua hai căn nhà cũ cạnh nhau, một hiệu bán thịt bò bên một hiệu sách, Liên nhắc Thạch : « Đây là nhà của chúng mình », Thạch nhìn vào trong tường tượng đến cái ngõ sau ăn thông, Thạch vẫn qua nhà Liên bằng ngõ ấy để Liên dúm cho Thạch mấy viên kẹo bột kẹo vừng mua ngoài chợ hoặc Thạch mang cho Liên những cục kẹo gôm mua ở trường. Nhà mới dọn đồ đạc sơ sài nhưng đã ngăn nắp sạch sẽ, Thạch cảm thấy nó trông trãi đáng sợ. Đứng bên cửa sổ, Thạch nhìn những ánh đèn dầu trong những gian nhà lá ở bên con đường đất phía bên kia bờ ao sau nhà Liên. Những bóng người đi trên đường sẫm dần, những hồi chuông rời rạc của xe đạp xe xích lô trở về xóm. Tiếng hò reo của đám con trẻ vang vọng. Bỗng dưng Thạch hỏi Liên : « Uần lên mấy nhĩ ? », Liên đáp : « Nếu còn thì nó lên ba », Liên ngồi ở đầu giường, mặt cúi nghiêng tóc như sắp xổ ra, Thạch

Liên sắp khóc như ngày nhỏ và Thạch vẫn không biết làm cách nào để an ủi bạn. Thạch lại hỏi : « Liên dọn đi, Tích hân có biết không ? » Liên lắc đầu. « Bây giờ Liên tính thế nào, Liên còn đi chợ Tích hân còn có thể đón gặp Liên, lúc ấy Liên nói sao ? » Liên đáp : « Đền đâu hay đền đây ». Thạch ra đứng ở cửa ngõ trông ra đầu ngõ, nhà ở cuối ngõ gần ao và một bãi hoang, sự ồn ào tấp nập qua lại ngoài phố không vào đến nơi. Thạch nghe tiếng Liên : « Thạch về đây hả ? » Thạch không đáp ngay, nhìn ra đằng trước mặt thấy sao lấp lánh, rồi ngập ngừng : « Tôi ở lại đây với Liên. Được không ? Liên có cần tôi không ? ». Thạch quay người lại, Liên ngồi im trên giường đầu cúi gằm không đáp. Thạch tiến lại gần đặt bàn tay lên tóc Liên vuốt ve, Liên khẽ rung mình Thạch gọi : Liên, nàng ngước lên. Liên đang khóc đỏ hoe mắt.

Những ngày sau Liên nghỉ chợ, ở nhà săn sóc cơm nước cho Thạch, Thạch cũng chỉ quanh quẩn bên Liên không ra phố. Liên mang lại cho Thạch không khí đầm ấm của gia đình Thạch thường chỉ được trông thấy ở xung quanh. Thạch được ngồi nghỉ hoàn toàn trong nơi ẩn trú của hai đứa, nhận định sự vật bên ngoài dịu dàng bình tĩnh hơn. Trong khi Liên bận bịu dưới bếp, Thạch giúp nàng những công việc vặt vãnh, thư thái không nghĩ ngợi, chìm đắm trong một thứ hạnh phúc quên lãng êm đềm. Thấy Thạch hân hoan, Liên mỉm cười nói bằng giọng xúc động : « Giá đừng

loạn lạc thì chúng mình sung sướng bao nhiêu ». Thạch gạt đi đáp : « Thế này chẳng sung sướng rồi sao ? Đừng tiếc gì hết Liên ạ ». Mỗi buổi tối Thạch đưa Liên đi cắt hàng gửi nhờ Bích, một cô bạn, mang xuống Cẩm-Giang. Bích ở giữa phố hàng Bông, qua cái cửa ngõ tối âm bên cạnh một hiệu trống rỗng, một khoảng sâu nhỏ, tới một gian buồng dài luộm thuộm nơi cư ngụ của một gia đình đông người. Ba cái phản kê san sát đã mắc màn ồ ồ và chẳng đụp. Trong một cánh màn ấy le lói ánh đèn dầu, không khí nức khói thuốc phiện với mùi đồ đạc ẩm mốc. Một bộ bàn ghế gỗ, bừa bộn sách vở cộc tách giỏ âm điều thuốc lảo đảo trên mặt bàn và quần áo cặp sách ở lưng ghế. Gắn chân tường hòm xiềng va ly chống chát lên nhau. Bích là một thiếu nữ cao lớn, thoáng nhìn có vẻ thô kệch nhưng sự tương xứng của các phần tạo cho Bích một vẻ riêng dễ coi, một thứ duyên dáng thật thà, những nét đẹp bất ngờ khoẻ mạnh, giọng nói rõ và âm, lời nhìn người lạ ngay thẳng giàu thiện cảm, Liên kể với Thạch : « Bích can đảm lắm, lại tinh thần cao nữa, con cháu cụ đây », Bích là con cả trong một gia đình trưởng tộc, bỏ nghiệp, Bích và mẹ chạy hàng xách tấn tảo nuôi bảy miệng ăn, bốn đứa em Bích còn đi học, thêm tiền thuốc cho ông bố và những ngày giỗ của gia tộc. Nhà Bích nghèo nhưng nề cổ vẫn còn làm tròn bốn phận nặng nề của trưởng họ, tháng nào cũng giỗ, có tháng tới bốn năm ngày giỗ. Trở về Thạch dịu Liên

que những phở yên tĩnh, khuya nghe chớm lạnh mùa thu sớm, giữ Liên lại hôn Liên sau những rặng cây, lấy những đầu ngón tay lau những giọt nước mắt cho Liên và nói : « Liên vẫn hay khóc như thuở bé », Liên đáp : « Liên khóc thương cho hai đứa mình, không biết sẽ ra sao. Mai kia Thạch đi rồi... » Thạch an ủi : « Đừng nghĩ đến cho mệt. Hiện tại chúng mình sống với nhau là đủ rồi ». Khi yêu Liên, Thạch nường nhẹ, ôm ấp trịu mền Liên như nâng giữ những tình cảm âu thơ của hai đứa, điều Mai không hề dạy Thạch, điều Thạch không tưởng tượng có thể làm được. Đêm đầu tiên Thạch không thể quên bàn tay ấm áp của Liên ôm lấy mặt Thạch sau phút ân ái, trong mắt Liên biểu lộ sự hàm ơn. Liên kể nỗi khổ sở của Liên ngày mới lấy Tích, hấn dấy vò thê xác Liên như súc vật làm cho Liên sợ hãi ghê tởm đàn ông : « Liên vẫn sợ Thạch. Liên yêu đuối quá mà Liên biết Thạch ghét sự yếu đuối ». Thạch ôm hết cả Liên vào người đáp : « Riêng với Liên anh sẽ sống một cuộc đời khác, đời âu thơ của hai đứa mình ».

Vào buổi chiều chủ nhật, Thạch đưa Liên đi chơi các phố vắng. Mùa thu đã trở về những hàng cây xanh mướt, bầu trời hiu hắt trở gió thổi tà áo của Liên quần lay chân Thạch. Dọc theo con đường đất ven sông, nhìn nước sông Hồng cuộn chảy, Liên bảo Thạch : « Em nghĩ giá chúng mình chết với nhau lúc này thì giữ được hạnh phúc hoàn toàn ». Thạch mỉm cười dễ dãi : « Em lãng mạn quá. Anh thích

sống với em hơn », Liên nói bằng khuôn : « Biết có bền không ? Bao nhiêu bất trắc có thể xảy ra cho anh cho em, làm thế nào mà tránh được », Thạch cổ gượng đùa trần áp những khuấy động Liên vừa gọi lên : « Em lo anh chết sớm chứ gì ? Sao em cứ mong điều gở cho anh thế ? Mà anh chết lúc ấy em chết theo cũng vừa ». Liên mỉm cười hỏi : « Lỡ em chết trước anh thì sao ? Anh dám chết theo em không ? » Thạch chắc chắc miệng, học theo lời của Đồng : « Anh ham sống lắm, sợ khó mà chết được theo em ». Tuy biết là câu nói bốn Liên vẫn không đầu được về buồn. Thạch rủ Liên ghé vườn hoa Chí-Linh nghe hòa nhạc công cộng. Hai đứa leo lên ngói trên khoảnh đất cao dựng đài kỷ niệm chiến sĩ, gặp bọn Đồng, An, và Cảnh. Cảnh đứng ở đằng xa nhìn lại, chỉ có An và Đồng tới gặp Thạch, Đồng hỏi : « Đi biên đâu mà mấy hôm không gặp ? » Thạch ậm ừ cho qua chuyện—Đêm hôm ấy Thạch mất ngủ, nằm nghe sự im lặng ở tứ bề. Gió thổi ngoài bãi đất trống gần nhà. Khi những chiếc xe xích lô lọc xọc trở về trên con đường đất bên kia bờ ao và ngoài phố ẩm ỉ động cơ của xe tuần đêm, Thạch trở dậy thắp đèn mang đặt trên ghế con đầu giường, tìm mấy tờ báo cũ gói hàng nằm đọc. Tin tức chiến tranh Cao-Ly, cuộc tranh chấp dầu hỏa ở Ba-Tur, các phong trào chính trị ở Trung - Đông, phong trào Marilyn, truyện ngắn của Nga, thơ kháng chiến trong phụ trang văn nghệ, một tự tử bằng pháo xiết của dân Hà-Nội, những bài quảng cáo của nhà trồng răng Minh

Sinh — Chối ánh đèn, Liên tròn mặt vào cõ Thạch, hỏi qua giấc ngủ yên tĩnh : « Anh còn thức ? ». Thạch vặn thấp ngọn đèn nằm im nhìn đình mản. Một lát Liên quàng tay ôm lấy đầu Thạch : « Anh không ngủ đi anh », Thạch gỡ tay Tiên đắp hết chăn cho nàng, sửa lại mái tóc sỏ lệch của Liên, xong nằm xích ra ngoài mép giường. « Anh không trả lời Liên ? ». Thạch hôn lên trán Liên : « Anh canh cho Liên ngủ ». Ánh đèn đầu phủ trên mặt Liên một lớp rạng rỡ của hạnh phúc bình thản làm Thạch quặn đau. Gần sáng Liên dậy, Thạch vờ nhắm mắt như ngủ. Liên đắp chăn cho Thạch, đón đến đi lại trong nhà sửa soạn hành lý ra ga. Khi Liên đến ngồi cạnh giường đợi cho qua giờ thiết quân luật, Thạch mở mắt. Liên đưa tay vào trong ngực áo Thạch mơn trớn, tươi cười lắc đầu : « Anh ngủ đi. Bây giờ đèn lượt em canh cho anh ngủ. Hôm nay em phải xuống thu tiền hàng, anh ở nhà cho ngoan nhé. Lát nữa em mua sô-đê trong trận, thức dậy anh nhớ ăn. Chiều anh đón em, em mua quà về cho ». Thạch không thể nào chợp mắt được, ngồi nhòm dậy, mặc quần áo đưa Liên ra ga dù Liên ngăn cản. Năm giờ sáng, trời mờ tối hiu hắt, sương thấm ướt vỉa hè. Phố Sinh-Từ và chợ Cửa Nam rào rào âm áp. Những phố xung quanh yên tĩnh. Thạch và Liên ăn điểm tâm trong ngõ Yên-Thái trước ga. Thạch uống hai cốc cà phê sửa cho tỉnh. Trong sân ga buổi sớm đám hành khách dồn lên chưa hết một toa làm lộ vẻ quanh hiu của

những kẻ si mãng dài. Cả đoàn tàu nổi một cách thừa thãi, ngoài kia toa hành khách hạng ba liền nhau còn thàn là những toa « gòn » bỏ không và những toa hàng hóa kín mít. Sự điều hành công việc cũng lừng lơ như không ngoài người bán vé ngồi trong cũi tối và người bầm vé giữ cửa. Một người cu ly đẩy cái xe sắt nặng nề trên chát mây kiện hàng nhỏ. Một chiếc đầu máy loay hoay lên xuống từ đầu Sinh-Từ đến cuối hàng Lọng. Lúc sắp khởi hành mới nghe tiếng còi của người trưởng ga đứng gần đầu máy. Thạch đưa Liên lên chỗ ngồi, đứng tựa cửa sỏ nhìn quang cảnh dưới sân ga, Liên chuyện trò với nhóm bạn hàng quen thuộc. Khi tàu chuyển bánh, Liên gọi Thạch : « Anh, tàu chạy rồi ». Thạch gật đầu nói : « Anh cũng đi chơi ». Liên bảo về không bằng lòng : « Nhưng anh chưa lấy vé mà », Thạch đáp : « Có sao ? » một người bạn hàng xen vào : « Thì lát nữa cô Liên điều đình với ông soát vé vậy. Ông ấy có cảm tình với cô mà ». Con tàu nặng nhọc chạy khoảng đường ngắn ngót năm mươi cây sỏ mất ba tiếng đồng hồ, ngừng lại ở những ga xép có khi hàng mười lăm phút nữa tiếng không biết để làm gì, chẳng có hành khách lên xuống, cũng chẳng có hàng hóa chuyên chở. Nhà ga giống như những điểm hoang trường vôi lem luốc, nhiều nơi lở lói những đầu đạn, thường nép cạnh những đồn bốt xây bùng bít vây kín bằng rào gai hay nứa chỉ hở những lỗ châu mai, tôi ở trong bốn bức tường gạch bít bùng ấy và

Liên ngồi trên chuyến tàu này, chuyến tàu phấp phồng đang thổi những hơi nước tác nghẽn. Ga Cẩm-Giang đỡ tẻ hơn, có đường tránh nhau, những người bán hàng rong và lính tráng làng vắng từ trước đón tàu tới. Đứng trên lớp đá xanh cặp kênh sát thành tàu đón tay nải cho Liên, Thạch chóng mặt buồn ngủ. Một người đàn ông đứng tuổi ăn mặc nửa tỉnh nửa quê, đèn bên hỏi chuyện Liên. Liên dắt tay Thạch theo người đàn ông ấy; đưa Thạch vào ngồi chờ Liên ở một hiệu thuốc Bắc trước cửa chợ. Trong khi Liên đi giao hàng, Thạch ngồi ở đầu tràng kỷ phía trong, chỗ đợi của khách hàng, ngủ gà ngủ gật, thỉnh thoảng choàng dậy trông thấy những ô kéo của cái tủ cao trước mặt và người đàn ông đứng tuổi đã ra ga đón ngồi sau góc quầy phía ngoài trông ra đường phố chính. Đường mấp mô bụi bặm hai bên hai dãy nhà gạch tiêu điều. Vài ba quán giải khát, hiệu cắt tóc, hàng tạp hóa, đồn binh, quận hành chính, ty công an... Bên kia đường một gốc cây lớn che cho một quán nước nghèo của chợ quê. Giờ đồng hồ sau Liên trở về, đứng tính toán hồi lâu ở quầy với người đàn ông. Chủ nhà mời hai người ăn cơm trưa nhưng Liên từ chối. Nàng dẫn Thạch vào nhà trong rửa mặt bằng nước giếng mát mẻ, hai gò má Liên ửng hồng, trán lấm tẩm mồ hôi. Sau nhà trông ra ruộng và quốc lộ số 5 chạy về phía Hải-Dương. Bữa ăn trong một quán lá đầu chợ. Chợ buổi trưa lẽ tẻ còn mấy quán hàng xén giữa những túp

lều xiêu vẹo chỉ còn cột trống và nền đất rác rưởi. Bà chủ quán đau mắt hột nặng, răng đen lâu chưa nhuộm biến thành màu nâu nhợt, thắt một cái ruột tượng xanh, nói với Liên: « Ông đội Khoát hỏi thăm cô Liên sao nghỉ chợ cả tuần lễ nay ». Lần trở về, Thạch nằm trên ghế gồi đầu lên tay nải của Liên ngủ tới gần Gia-Lâm mới tỉnh. Liên không có trong toa. Thạch đứng tựa ở đầu toa ngắm cảnh vật. Buổi chiều đang ngả dần ánh nắng hanh chạy xô tới xô lui trên mặt lúa còn xanh, những thôn làng quay tròn theo vòng lượn của đoàn tàu. Một lúc tàu tăng tốc lực bất thường, Thạch ngồi bệt xuống sàn tàu. Tàu sửa soạn vào ga Gia-Lâm chạy qua một cái cầu đá vắt ngang quốc lộ. Thạch nhìn những ống khói nhà máy dơ lên trong chiều sẫm. Tàu dừng lại và toa xe của Thạch ở trong một đám cây cỏ hoang vu. Tới khi tàu chuyển bánh chậm chạp, chân Thạch cọ vào những cành lá sắc mọc cao, toa tàu đu đưa, tiếng động của chuyển xe rời rạc nặng nề. Thạch choàng tỉnh — một vài phút quên lãng xa lắc — Liên trái khấn tay ngồi ở bên những thanh sắt tàu không lồ đan chéo trước mặt. Hình như Liên thì thầm: « Em tìm anh mãi ». Ga hàng Cỏ chập chờn dưới những bóng đèn vô đục. Thạch đỡ hành lý cho Liên và là những hành khách đầu tiên rời khỏi ga. Đứng bên đường tàu điện, Liên hỏi Thạch: « Đi đâu anh? Em về nhà thôi cơm anh ăn nhé? Anh ăn xong anh đi ngủ sớm anh mệt lắm rồi đây ». Thạch không trả lời ngó

xứng sang bên góc phố. Tích đứng bên ấy dưới một góc cây. Trông thấy Tích, Liên hoảng hốt níu tay Thạch muốn kéo Thạch bỏ đi. Thạch đẩy tay Liên bảo : « Em sang xem hán muốn gì ». Liên nhìn Thạch sắp khóc van lơn, Thạch hất đầu ra hiệu Liên làm theo ý mình. Liên băng ngang đường đi trước Thạch theo sau đèn trước mặt Tích. Tích hom hem trong bộ quần áo ka ky rộng và dầy, đầu đội cái mũ dạ nhàu, hán để một chút ria mép. Tích toan quay đi xong lại nán đợi Liên. Tích nói với Liên : « Cô theo tôi về nhà nói chuyện », Liên đáp : « Tôi chẳng có chuyện gì phải nói với anh cả ». Tích gằn giọng : « Cô đừng để tôi phải trói tóc lòi cô về thì xấu mặt », Thạch lên tiếng, giọng lạnh lùng thách thức : « Anh có đủ can đảm làm thử tôi xem nào ». Tích ngấm Thạch tức giận hỏi : « Anh là ai ? ». Thạch dần từng tiếng : « Tôi khuyên anh không nên theo đuổi làm khổ Liên nữa, tôi đã lấy Liên làm vợ rồi anh biết chưa ? ». Tích hất hàm hỏi Liên : « Có phải thế không ? », Liên cúi đầu không đáp, dáng điệu tội phạm, Tích nhếch mép cười nham hiểm bảo Thạch : « Chúng ta còn cần nhiều dịp khác để thanh toán vãn nợ ». Trước khi trở gót hán ném một cái nhìn khinh bỉ cho Thạch và Liên. Thạch nổi xung nắm cổ áo hán giật lại, Liên kêu lên : anh. Tích đứng im chờ đợi, Thạch buông tay và hán xốc lại quần áo bỏ đi không thèm nhìn lại.

Thạch cảm thấy mệt mỏi hết sức, Liên khóc thút thít suốt dọc đường về. Đến một lúc tiếng khóc của Liên làm Thạch bức mình gắt : « Thôi khóc mãi », Liên nín bật. Vài phút sau sự nín lặng đè nén của Liên làm Thạch khó chịu hơn. Thạch muốn nói với Liên điều gì đó nhưng không thể thốt ra lời, sự tức giận vô cớ bóp nghẹt lấy cổ họng, Thạch bước lùi lùi, Liên lảo đảo theo sau. Về đến nhà vẫn không nói với nhau thêm một lời, Liên khép nép liếc Thạch, Thạch lăm lăm trong cái vỏ cứng nổi đau đớn giận dữ không thoát được. Lên giường Thạch tưởng sẽ ngủ được ngay nhưng trái lại sự mệt nhọc kéo dài tình trạng thao thức mỗi lúc một khó thở hơn. Liên nằm bên cạnh thỉnh thoảng thở dài. Thạch dậy múc nước rửa mặt cố gắng tìm sự bình thản để sẽ vào nói chuyện với Liên. Ngồi xuống giường ngó vào mắt Liên, bỗng Thạch cảm thấy trơ trọi, vẫn cặp mắt to đen sâu lay láy như ngày nào nhưng Thạch vừa nhận ra nó không còn chứa đựng tuổi thơ ấu của mình nữa, Thạch đã lắm, đó là cặp mắt của ngày hôm nay xa lạ giống như của bất cứ một người nào ; Thạch vội vàng nằm xuống ghi lấy Liên tròn cặp mắt ấy, rồi Thạch xô cuống vào sâu trong cơ thể Liên trong khi Liên dẫy dụa muốn thoát.

THANH-TÂM-TUYỀN

(còn tiếp một kỳ)

★ Sĩ phu mà ba ngày không xem sách, thì soi gương mặt mũi đáng ghét, nói chuyện lợt lẻo khó nghe.

Hoàng-Đình-Kiến

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim



LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2



SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)



NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlaup Preah Kossamac



CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

QUAN NIỆM HỘI HỌA

do NGUYỄN-NGU-Í phụ trách

XII

★ HÀ-KHÊ.

Tên thật : Nguyễn-Văn-Bào.

Sanh ngày 24-5-1922 tại Tân-Tịch, (Cao-Lãnh, Sa-Đéc).

Tự học rồi sau mới vào học thêm ở Trường Mĩ-nghệ Thực-hành Gia-Định.

Bắt đầu triển-lãm 108 bức tranh sơn dầu năm 1959 tại một địa điểm thuộc quận Tân-Châu (Châu-Đốc). Rồi tiếp tục triển lãm tại tỉnh lỵ An-Giang (Quốc khánh 1959). Quốc khánh 1960 được nhà Mĩ thuật Học vụ chỉ định đứng tổ chức cuộc triển lãm chung với 32 họa sĩ tại Long-Xuyên. Cũng trong năm này, gởi 18 bức tranh triển-lãm tại Thủ-đô.

Sau đó, triển-lãm chung và riêng : Triển-lãm tại phòng Thông tin Đô thành tổ chức do Nghiệp đoàn [Hội-họa (6-12-60 và 24-12-61) ; do Hội

Văn hóa Việt-Nam (22-12-60) ; Triển-lãm Hội-họa mùa Xuân (17-4-61) ; Triển-lãm Stanvac (10-5-61) ; Triển-lãm chung với các họa-sĩ toàn quốc (26-10-61), tại Tòa Đô chính.

Đã Triển-lãm ở các tỉnh :

Long-Xuyên ngày Phật-Đản (8-4-61) ; Cần-Thơ (4-2-61) ; Rạch-Giá (26-10-61) ; Kiến-Phong (15-11-61) ; Châu-Đốc (20-1-62) ; v.v...

Hiện là giáo-sư Hội họa tại trường Trung học công lập đệ Nhị cấp « Thủ-Khoa-Nghĩa » ở Châu-Đốc, trường trung học công lập « Thoại-Ngọc-Hầu » ở Long-Xuyên, và ba trường bán công trong tỉnh An-Giang.



Nước cuốn

I.— Theo ý tôi, nhìn các môn phái Hội-họa hiện nay của nước nhà thì có nhiều xu-hướng đáng kể, vì hiện giờ nền Hội-họa trong nước đang phát triển mạnh, các họa-sĩ trẻ tuổi cũng như lớn tuổi đang sáng tác không ngừng. Do đó các môn phái như: Tân Cổ điển, Trừu-tượng, Ấn-tượng, Lập-thể v.v... đã và đang tiến rất mạnh. Điều này đáng mừng cho nền Hội-họa Việt-Nam.

Hiện giờ, về xu hướng riêng thì tôi vẫn còn trong đường tìm học. Hội-họa vô biên, không thể nhứt đán tìm thấy đường lối riêng biệt mau chóng được.

II.— Theo tôi, tranh của họa-sĩ nước nào cũng biểu lộ dân tộc tính cả (không ít thì nhiều).

Những ai có tâm hồn nghệ-sĩ khi vẽ một bức tranh tất khó mà tách khỏi đời

sống cá biệt của dân tộc mình. Vì lẽ đó, tôi cho rằng cứ để người vẽ hoàn toàn tự do, họ vẽ tự nhiên thì hồn dân tộc sẽ hiện trong tranh. Tóm lại, chỉ cái tha thiết với Nghệ-thuật, chân thành với đề tài là đủ rồi.

III.— Từ thuở còn nhỏ, tôi đã yêu thích Hội-họa. Qua thời gian tự học, tôi được vào trường, tôi càng thiết tha với Hội-họa hơn nữa. Đến năm 1959, tôi xin vào nghiệp đoàn Hội-họa và Mĩ-ngệ Việt-Nam.

Cũng năm 1949, nhờ có ít nhiều phương tiện, tôi đã tìm thăm các danh-lam thắng cảnh và di-tích lịch sử miền Nam. Nhờ những chuyến thăm này mà tôi đã vẽ xong được bộ lịch sử đức Phật Thích-Ca thành đạo, chân dung đức Khổng-Tử, Lão-Tử, Mạnh-Tử và các bức họa lịch sử về cụ Nguyễn-Trung-Trực đánh giặc Pháp, cụ Nguyễn-Thiên-Điền dẹp loạn Thổ v. v...,

tất cả gồm trên một trăm họa phẩm sơn dầu.

IV.— Bức tranh tôi tạm ưng ý là bức « *Nước cuốn* » trình bày một trong muôn vàn cảnh khổ của đồng bào bị nạn lụt năm 1961 tại Châu-Đốc. Tôi đã cảm xúc trước một cảnh thương tâm có thực và bức đó tôi phác họa ngoài trời quên cả ướt lạnh.

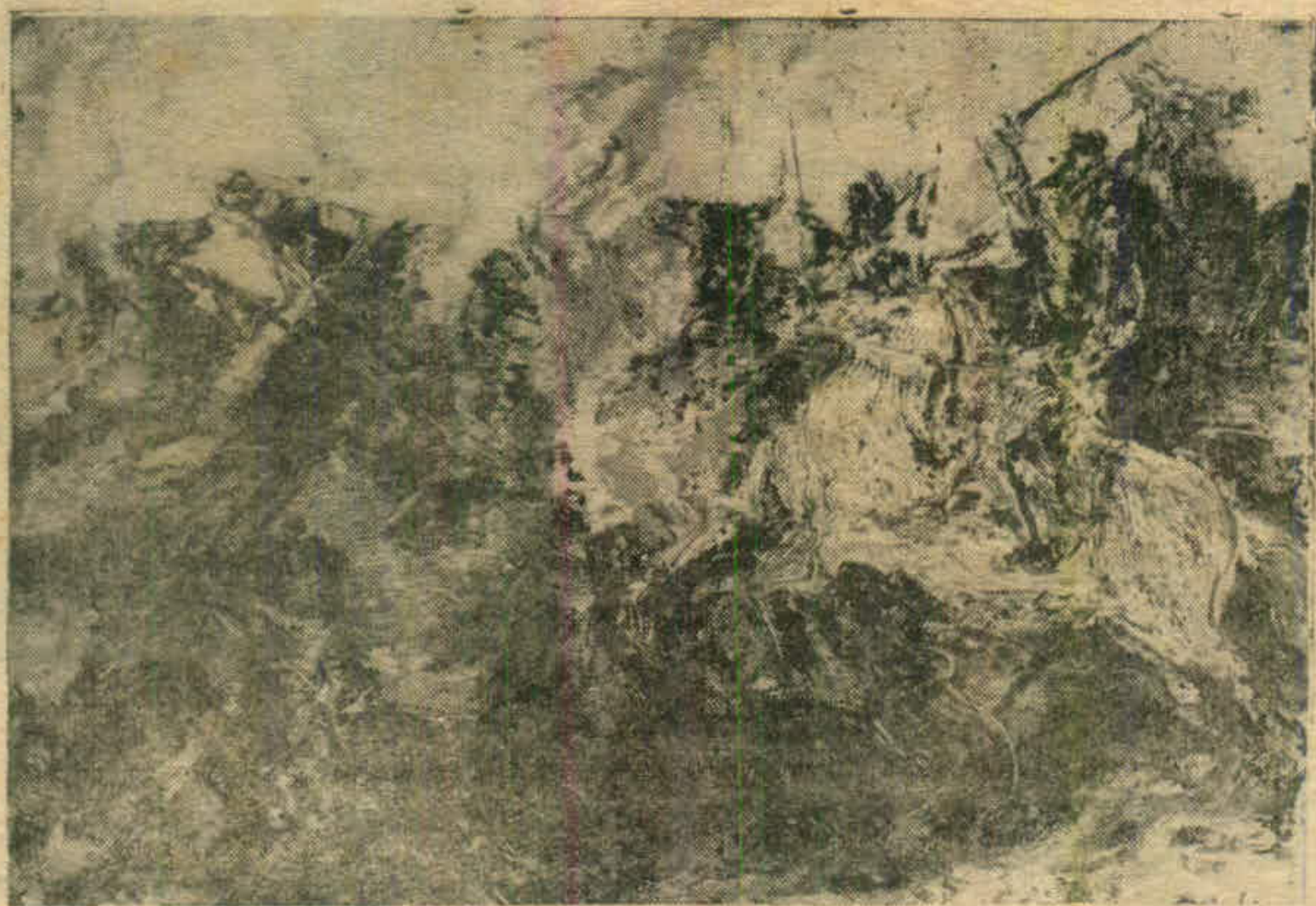
Còn một bức vẽ cũng làm tôi hài lòng là « *Bữa cơm hàn vi* » diễn tả một bữa cơm nghèo, mà tôi đã xót xa chứng kiến. Bức này đã bán được trong cuộc triển lãm giúp nạn lụt trên đây.

V.— Tình trạng Hội-họa hiện nay có phần phát triển nhờ chánh quyền giúp đỡ và các báo tuyên truyền ủng hộ. Tuy nhiên, muốn cho phát triển thật mạnh thì theo thiện ý, chánh quyền nên giúp đỡ thêm nữa bằng cách gởi những họa-sĩ xuất

ngoại để rút thêm kinh nghiệm của người và thâu thập thêm về ngoại cảnh nhất là những họa-sĩ giàu thiện chí mà nghèo phương tiện, bị lãng quên trong các địa phương xa xôi Thủ-đô.

Ngoài ra, ở trong nước hằng năm nên mở ra các cuộc triển-lãm Hội-họa mùa Xuân ở mỗi tỉnh lớn, hoặc liên tỉnh (vài ba tỉnh hiệp lại), để cho các họa-sĩ khắp nơi được có phương tiện tham gia và nhờ đó sẽ khai thác triệt để được những họa sĩ có tài mà chưa đem hết sức làm việc. Riêng phần báo chí, chúng tôi đề nghị nên giúp đỡ Hội-họa bằng cách đi tận các tỉnh để xem các cuộc triển-lãm, các phòng vẽ, phê bình đúng đắn nghệ-thuật Hội-họa để giúp đỡ ngành Họa và phổ biến nghệ-thuật sâu rộng nữa.

HÀ-KHÊ



Lướt trên



Cù-Nguyên

★ CÙ-NGUYỄN.

Tên thật : Nguyễn-Đình-Niệm.

Sinh 1938 tại Hội-An, Trung-Việt.

Học vẽ 1957.

Huy chương Vàng Triển lãm mùa Xuân năm canh tí (1961) với tranh « Thiếu nữ ».

Tôi theo đuổi Hội-họa không vì danh vọng, không vì nghề nghiệp. Tôi chỉ vẽ để thỏa mãn tâm hồn, tôi có thể vẽ bất cứ cái gì tôi thích, thể thôi.

Tôi nghĩ rằng Hội-họa không là một phương tiện ghi chép máy móc mà nó giúp ta diễn đạt những tình của mình trong những sinh hoạt kín đáo niềm thao thức chân thành sâu sắc nhất của tâm hồn.

« Tôi chưa có gì cả, cần phải làm lại tất cả ».

Khi nào tôi vẽ tôi cũng tự nói với tôi như vậy. Tôi không muốn đặt cho mình những công thức để tránh cho mình sự khô cứng vì lười biếng. Nên tôi luôn bắt đầu tạo cho mình có đủ can đảm, phiêu lưu vào những khám phá mới mẻ đầy nguy hiểm hơn. Với thái độ này giúp tôi sự sáng suốt cần thiết trong khi theo đuổi Hội-họa.



Chân dung

Theo tôi Hội họa không phải là những lời nói suông mà phải thực hiện bằng tác phẩm.

CÙ-NGUYỄN

BÁCH KHOA CXXXIX



Tở-Phượng

Văn-Duyệt ở Gia-Định.

Dự cuộc Triển lãm Hội họa mùa Xuân tàn-sửu (1961), và được huy chương Đồng với tranh « May áo cho con ».

Khi người họa sĩ ấy từ nhà trong thong thả bước ra phòng khách là tôi không ngăn được trí nhớ mình gọi lại hình ảnh những mai gầy liễu yếu.

— Nhìn chị, tôi tự hỏi không biết sức chị, cầm cây cọ thì vững rồi, nhưng vác cái giá, thì có nổi không ?

Người đối diện cười trong đôi mắt rộng, mấy ngón tay thon đẩy nhẹ một bính tóc ra sau.

— Anh khéo lo giùm cho người cầm cọ bôi màu ! Cái chánh là họa phẩm, chứ đâu phải là đồ phụ tùng của người vẽ ?

Tôi liền đính chánh.

— Chị nói không đúng lắm. Họa phẩm cũng không phải là cái chánh đối với phông vấn. Mà chính là con người họa sĩ kia. Vậy xin chị cho biết khi chị và chị

★ TỞ-PHƯỢNG.

Tên đầy đủ : Đỗ-Thị-Tở-Phượng.

Sinh ngày 13-9-1936 tại xã Bình-Hòa, tỉnh Gia-Định.

Học trường Mĩ-nghệ Gia-Định, được 2 năm rồi qua trường Cao đẳng Mĩ thuật quốc gia.

Tốt nghiệp năm 1960. Chuyên vẽ trên lụa.

Hiện dạy Hội họa tại trường nữ trung học Lê-

Tở-Oanh quyết đi học vẽ, gia đình có cản trở gì không ?

Nụ cười của chị ấm êm hơn lúc nào hết.

— Không có gì đáng gọi là cản trở cả, anh à. Ba má tôi rộng rãi lắm. Lúc hai chị em tôi còn học ở bậc Tiểu học, ba tôi thấy chúng tôi vẽ giỏi, lại ham vẽ những lúc rảnh rang ở nhà, thì người đã có ý định cho chúng tôi đi theo con đường Mĩ thuật, nếu chúng tôi muốn. Thành ra khi chúng tôi xin được học trường Mĩ nghệ thực hành, thì người bằng lòng ngay. Má tôi cũng ưng thuận. Rồi từ đó, chúng tôi chỉ có một việc, là lo học sao cho thành tài, để chẳng phụ lòng tốt của mẹ cha đã dễ dàng với mình trong việc học nghề mình chọn.



Giao mùa

— Nhưng sao hai chị không học luôn ngành Mỹ nghệ, mà nửa chừng, sang trường Mỹ thuật ?

Tay chị nhẹ đùa với bím tóc đang đưa

— Học hai năm, chúng tôi thấy nếu cứ tiếp tục, sau này đời mình sẽ đi xe con đường Nghệ thuật, nên không hện mà hai chị em tôi cùng tổ ý qua trường Cao đẳng mỹ thuật.

— Thế là hai chị mất đi hết hai năm !

— Coi vậy chứ không mất đâu anh. Hai năm học ở trường mỹ nghệ giúp chúng tôi một cái vốn khá khá, rất có ích cho sự hiểu biết và về sau này của chúng tôi.

— Và khi ra trường, chị có đồng ý với một số anh chị em khác, rằng cái học nhà

trường gò bó quá, có ảnh hưởng tai hại cho Nghệ thuật ?

Chị tằm ngâm một đôi.

— Tôi không tán thành ý kiến có phần quá khích ấy, mà cũng không phản đối hẳn. Khi còn học, tôi nghĩ mình phải chịu theo kỷ luật, theo khuôn phép của cái học nhà trường ; căn bản về lý thuyết lúc đó là một điều rất cần, không có không được, vì nầu mình dựng nhà to mà nền mình đắp sơ sài, vội vã. Nhưng khi ra đời, mà lại bỏ « thầy dạy sao, mình cứ làm vậy » thì là phản tiến bộ rồi. Vậy tùy lúc, tùy trường hợp mà ta theo những lẽ lối có sẵn, hoặc ta tìm thể hiện những gì mới lạ.

— Chị thấy nền Hội học mình nay có những xu hướng gì đáng kể.

— À, anh nhớ lại bức thư phỏng vấn đã gửi cho tôi tháng nay. Tôi thấy Hội họa nước nhà chưa có xu hướng nào nổi bật cả. Vì lẽ mình là học trò, mình đã học hỏi Nghệ thuật Âu-Châu, thì mình đang ở trong thời kì tìm tòi dò dẫm. Riêng tôi, thì vì được « đúc » — nếu anh cho phép tôi nói thế — trong « lò » Mỹ thuật, tạm thời gọi là thuần túy ấy, nên tôi thiên về lối cổ điển, tôi thích vẽ tranh mà pha dân tộc được biểu lộ đậm đà. Mời anh nhìn qua bức tranh của tôi.

— Bức này, tên gì, chị ?

— Tôi đặt tên là « Suối tóc ».

— Suối tóc ?

— Tôi đặt tạm là thế. Vì nói là « Suối tóc », chứ kì thật tóc chỉ là một phần của bức tranh tôi. Tôi muốn diễn tả... Nhưng mà anh hỏi tôi hoài, giờ tôi hỏi lại đó, xin anh đặt cho cái tên khác. Tên anh đặt sẽ

cho tôi biết anh có hiểu ý tôi khi vẽ chẳng ?

— Hiểu, thì tôi giới thiệu chị định thiêu tuổi dậy thì của cô thanh nữ này. Vậy tôi đề nghị cái tên « *Giao mùa* ».

— *Giao mùa* ?

— Tuổi ngây thơ vô tư lự vừa hết, và trong tâm trí, trong máu thịt, đang dậy lên một thứ men gì, như hai mùa đang độ giao nhau.

Người họa sĩ ra chiều nghi ngại.

— « *Giao mùa* » của anh nói đầy đủ hơn « *Suối tóc* » của tôi.

— Nhưng mình đi xa đầu đề câu chuyện quá. Chị cho biết chị theo đường lối nào ?

— Như anh thấy đó, tôi chưa thoát khỏi lối cũ, nghĩa là lối bố cục, đường nét và màu sắc trong tranh của tôi còn ở trong vòng cổ điển. Tôi cũng từng tìm kiếm cái gì khác, nhưng vì nghề nghiệp, vì cuộc sống, tôi ít có dịp tiếp xúc với các giới nghệ sĩ, thành ra tôi chắc còn lâu mới tìm được cho mình một lối đi riêng biệt.

Chị ngừng để uống một miếng nước, rồi tiếp :

— Về dân tộc tính và quốc tế tính trong tranh, tôi không ngã về phe nào. Tôi cho đó là tùy theo quan niệm của mỗi người. Riêng tôi, tôi thích dân tộc tính hơn vì đứng trước một bức tranh của mình hay của người khác, mà tôi thấy linh hồn Đất Nước ẩn hiện trong nét trong màu, là tôi sung sướng vô cùng. Và hai quan niệm này tôi xét thấy không có gì trái ngược nhau, mà chúng lại bổ túc cho nhau. Và như thế, Hội-họa mới dễ bề phong phú.



Bên hoa

— Còn về tương lai Hội-họa nước nhà, chị thấy nó âm u hay sáng sủa ?

— Âm u sao được anh, mà sáng sủa thật là sáng sủa cũng chưa. Tôi thấy nó sáng sủa... chút ít và có nhiều hứa hẹn.

— Có gì là dấu hiệu không chị ?

— Có chứ. Điều đó, anh phải biết hơn chúng tôi chứ. Triển lãm nhiều, anh dư biết, và anh lạ gì sự thành lập nhà Mĩ-thuật mà sự hoạt động tích cực ai cũng đều rõ.

— Chị có thấy thành tài, rồi sống đời mô phạm, có gì thích và không thích không ?

— Bao giờ mình bằng lòng những cái gì mình có, anh ? Có một cái nghề chắc chắn, thì thích. Rồi chính cái nghề lại ràng buộc lấy mình, khiến mình không phụng sự Nghệ-thuật như hồi mình ước mơ trên ghế nhà trường. Nhưng có điều an ủi, là thấy học trò thích môn Hội-họa, nên mình thấy vui trong chỗ phổ biến được những điều học hỏi và mình giúp vào sự nẩy nở khiếu thẩm mĩ của các em, nhất là các em gái.

— Dạy vẽ, chị có thấy cần thêm giờ cho đủ không ?

— Biết sao là đủ, biết sao là thiếu hỡi anh ? Và Bộ có cái lí để cho môn Vẽ có một giờ. Tôi không muốn xin thêm giờ, mà muốn Bộ giúp cho phương tiện để người dạy dễ đạt được kết quả mình mong.

— Như ?

— Như có phòng riêng để dạy vẽ ; thỉnh thoảng có thể đưa học sinh vẽ ngoài

trời. Và khi có cuộc triển lãm nào đáng xem, thì có thể đưa học trò đến xem. Có thấy tận mắt, mấy em mới có một ý niệm rõ rệt về Hội-họa, về cái Đẹp.

— Chị vẽ phụ nữ, có cần người mẫu phải đẹp không ?

Chị cười.

— Vẽ tranh sơn dầu, thì đẹp hay xấu, không thành vấn đề. Chỉ cần gương mặt có góc cạnh, biểu lộ một cá tính nào đó.

— Thế còn vẽ lụa ?

— Vẽ lụa thì lại khác. Tranh lụa, anh thấy đó, chất lụa dịu mềm, óng ả, vẽ nó phải nhẹ bàn tay, phải tỉ mỉ tỉn tẩn, cho nên từ đề tài đến nhân vật, đều dịu, đều nhẹ... Với tranh lụa, người mẫu cần phải đẹp, phải xinh...

— Nhưng cuộc đời đâu phải lúc nào cũng xinh cũng đẹp...

Người nữ họa sĩ ấy ngược nhìn tôi, và trong cái nhìn, tôi chợt thấy mình đã thốt một câu lạc đề đến mấy dặm.

NGUYỄN-NGU-Í viết lại

ĐANG IN

KHI NGƯỜI CHẾT CÓ MẶT

Tiểu thuyết tâm lí của **NGUYỄN-NGU-Í**

(BÌNH-NGUYỄN-LỘC đề tựa)

Một nàng con gái luống tuổi, xinh xinh ; một gã đàn ông góa vợ, lạ lùng. Hai cuộc đời cách trở sao lại dính vào nhau... ? Và đâu đây, lảng vảng bóng hình của một người không còn nữa...

TRẦN-VẤN-KHÊ

Nhân lễ kỷ-niệm đệ bách-chu niên của nhạc-sĩ Claude Debussy (Cờ-lô-đơ. Đơ-buy-xi)

Năm 1962, bên Pháp, là « năm Debussy ». Cách đây một trăm năm, ngày 22 tháng 8, nhạc sĩ Debussy chào đời tại Saint Germain en Laye (xanh Jeec mạnh Ăng-Lê), cách Ba-Lê hơn 30 cây số.

Trong chương trình âm nhạc của đài phát thanh, đài vô tuyến truyền hình, trong mấy buổi hòa nhạc hằng tuần tại Ba-Lê hay các đô thị lớn, nhỏ trong nước Pháp, tên nhạc sĩ Debussy thường trở đi trở lại luôn.

Tại Ba-Lê một ủy-ban quốc gia « Debussy » được thành lập dưới quyền Chủ tịch của Giáo sư Pasteur Valery-Radot (Pa-xơ-tơ Va-lê-ri-Ra-đô). Nhân-viên gồm những người có tên tuổi trong nhạc giới. Ủy ban đã dự định tổ chức một chương trình hòa nhạc đặc-biệt, một buổi hòa nhạc tại Đại nhạc kịch viện (Opéra), một cuộc gặp gỡ quốc tế về thân thể, tài nghệ và sự nghiệp tinh thần của nhạc sĩ Debussy. Tại Quốc-Gia thư-viện, có một cuộc trưng bày các tài-liệu về Debussy. Mấy nhà hát lớn bên Pháp trình diễn các đại nhạc kịch của Debussy. Bộ Ngoại giao chánh phủ Pháp sẽ gửi một số giáo sư, nhạc học-giả, đi diễn

thuyết về Debussy tại các viện Pháp văn ở nước ngoài. Trong chương trình của « Mấy tuần lễ quốc tế về âm nhạc » tổ chức tại Ba-Lê trong tháng 10 tháng 11 tới đây, một phần lớn dành cho nhạc phẩm của nhạc sĩ Debussy — Nhiều nhà xuất-bản cho ra những quyển sách về Debussy (1).



Claude Debussy

(1) « Debussy, l'homme, son oeuvre, son milieu » (con người, nhạc phẩm và hoàn cảnh của nhạc-sĩ Debussy) do Yvonne và O. d'Estrade-Guerra viết và Henry Lemoine xuất bản. 258 trang, 12 N.F.

— La Passion de Claude Debussy (Nhiệt tình của Cờ-lô-đơ Đơ-buy-xi) tác giả Marcel Dvetschy. Nhà xuất bản La Baconnière. Neuchâtel Coll. Languages, 286 trang.

— Debussy et Edgar Poë (Đơ-buy-xi và Êch-ga-Pô) tài liệu do Edward Lockspeiser sưu tập và trình bày. Nhà xuất bản du Rocher-Monaco 16, 60 NF.

— Segalen et Debussy (Xơ-ga-len và Đơ-buy-xi) tài liệu do Annie Joly-Segalen và André Schaeffner sưu tập và trình bày. Nhà xuất bản du Rocher-Monaco 23, 15 NF.

Chúng tôi ghi lại vài quyền đã xuất bản từ đầu năm 1962 đến giờ. Nhưng có lẽ từ đây đến cuối năm còn những quyền khác sẽ được xuất bản.

Không những tại nước Pháp mà ở tất cả các nước Âu-Châu và nhiều nước trên thế giới, người ta đều tổ chức cuộc lễ kỷ niệm đệ bách chu niên của nhạc sĩ Đơ-buy-xi. Và vở đại-nhạc-kịch Pelléas et Mélisande (chàng Pe-lê-a-xơ và nàng Mê-li-zăng-đơ) ra đời năm 1902, được trình diễn từ năm 1902 đến năm 1923 tức 4 năm đại chiến 1914-1918, tất cả 152 lần tại Pháp và 155 lần tại các nước ngoài bị lãng quên trong mấy năm gần đây, nay được các nhà hát lớn đem ra diễn lại, với tranh cảnh và cách giăng cảnh mới.

Nước Pháp có rất nhiều nhạc sĩ lừng danh thế giới. Nhưng «chưa bao giờ ánh sáng rực chói trên trời nước Pháp» như lúc đầu thế kỷ thứ hai mươi, lúc nhạc của Đơ-buy-xi được thế giới hâm mộ theo lời của giáo sư Paul Landormy (Pôn Lãng-đơ-ơ-mi). Ngày nay, nước Pháp kỷ niệm đệ bách chu niên của nhạc sĩ Đơ-buy-xi một cách long trọng. Có lẽ để chuộc lại cái thờ ơ lãnh đạm của toàn quốc lúc nhạc-sĩ từ già cõi đời, ngày 28 tháng Ba năm 1918. Trong thời thế giới chiến tranh, nước Pháp đang lo chống Đức, nên đám tang của Đơ-buy-xi được cử hành một cách đơn giản: vài người trong thân như, bạn bè đưa linh cữu đến nghĩa địa Père-Lachaise, trong khi tin nhạc sĩ từ trần làm chấn động các giới yêu nhạc ở Anh, Áo, Đức, Hung-Gia-Lợi, Ý, Y-Pha-Nho. Báo chí các nước ấy đăng nhiều bài dài về nhạc sĩ và cho rằng nhân loại mất đi một thiên tài. Trong khi tại Pháp chỉ có hai tờ báo «Débats» (Thảo luận) và Victoire (Khải hoàn) đăng tin nhạc sĩ từ trần một cách xứng đáng với tài người quá vãng. Trên thế giới Đơ-buy-xi tiêu biểu cho tinh thần nhạc của nước Pháp. Nhạc sĩ lúc sinh tiền, cũng thường viết sau tên của

người danh từ «nhạc sĩ Pháp» (musicien français). Có người cho rằng nhạc sĩ Đơ-buy-xi là «giáo chủ» của «phái ấn tượng» (impressionniste) mà danh từ đó không được đúng hẳn, theo nhiều nhà nhạc-học.

Chúng tôi không tranh luận về điểm Đơ-buy-xi có phải là một nhạc sĩ tiêu biểu cho nước Pháp, hay cho phái ấn tượng hay chẳng. Chúng tôi chỉ muốn nhân lễ kỷ niệm đệ bách chu niên của một thiên tài trong nhạc giới, xem qua tiểu sử của người để rút vài kinh nghiệm cho chúng ta, những người yêu nhạc muốn học, hiểu và sáng tác nhạc.

Đơ-buy-xi là một thiên tài. Thiên tài ấy có tự nhiên xuất phát từ lúc còn thơ chăng? Không.

Một thiên tài cũng cần phải học tập mới được nảy nở.

Nếu cậu bé Claude Achille (Cờ-lô-đơ A-si) chỉ học qua loa đàn piano với nhạc sư Cerutti (Chê-ru-ti) lúc ở Cannes, mà không gặp bà Mauté de Fleurville (Mô-tê-đơ-Fơ-lơ-vi-lơ) khuyến khích học nhạc, thì có lẽ cậu sẽ trở nên một thủy-thủ như gia đình cậu mong muốn. Bà Fơ-lơ-vi-lơ là học trò của nhạc-sĩ Chopin (Sô-panh). Thấy cậu bé Claude có khiếu về âm nhạc, bà hết lòng dạy dỗ và năm 1873, cậu Claude được vào âm nhạc viện Ba-Lê trong lớp kỹ âm pháp của Albert Lavignac (An-be-La-vi-nhắc) và trong lớp đàn piano của Marmontel Cha — Đơ-buy-xi được «huy chương» thứ nhất về kỹ âm Pháp năm 1886, nhưng về đàn piano thì chỉ được phần thưởng thứ nhì (2) năm 1887. Trong lớp «Phụ họa» (accompagnement) của giáo sư Bazile (Ba-zi-lơ) Đơ-buy-xi học rất giỏi và năm 1880 được phần thưởng thứ nhất về «phụ họa». Học «phụ họa» không phải chỉ học đàn mà phải vừa đàn giỏi vừa thông luật hòa âm, đối điểm. Phải biết sáng tác và đàn ngay 4 bè khi thấy bè trầm, phải biết tùy hứng đàn phần đệm

piano sau khi xem qua một giai điệu trong 3, 4 phút, phải biết nhìn bản viết trong một cung này đờn chuyển sang cung khác, nhìn bản viết cho một giàn nhạc giao hưởng, một giàn nhạc phụ họa đại nhạc kịch, mà tức khắc thâu các chiết phần lại để đàn piano.

Đê-buy-xi lại học sáng tác với nhạc sư Ernest-Guiraud (Ec-nết-Ghi-rô). Năm 1882 được phần thưởng thứ ba (1er accessit) về Tẩu pháp (Fugue), năm 1883 được phần thưởng lớn thứ nhì, và năm 1884 được phần thưởng lớn La-Mã (Grand Prix de Rome) (3) Trong 11 năm, từng học tại âm-nhạc-viện, Đê-buy-xi đã được nhiều bằng về các môn ký âm, hòa âm, đàn piano, phụ họa, tẩu pháp, và cuối cùng được phần thưởng lớn La-Mã. Nhưng về văn chương và văn hóa thì Đê-buy-xi rất kém. Lúc ở La-Mã, thơ của Đê-buy-xi gửi về gia đình Vasnier đầy lỗi về chánh-tả. Sau khi ở La-Mã về, Đê-buy-xi thấy cần phải mở rộng kiến văn. Đê-buy-xi bắt đầu tự học, đọc sách và giao thiệp với nhiều thi sĩ, văn nhân,

(2) Theo thể thức học nhạc bên này có bốn cấp: 1^o/ Dự bị cấp 1 năm; cuối năm thì được sắp hạng Très bien (Bien (Ưu) Assez bien (Bình) Passable (Thứ); 2^o/ Sơ đẳng cấp: 2 năm, có thể sắp hạng mentions: 1-2-3. 3^o/ Trung đẳng cấp: 3 năm có thi đề lãnh médaille (huy chương) 1-2-3. 4^o/ Cao đẳng cấp: 5 năm có thi đề lãnh phần thưởng: 1^{er} Prix, 2^e Prix (Phần thưởng thứ nhất, thứ nhì) 1^{er}, 2^e accessit (Phần thưởng thứ ba, thứ tư). Có người học giỏi chỉ trong một hai năm sau Trung đẳng cấp, có thể thi lấy phần thưởng ra trường.

(3) Phần thưởng này chỉ cấp cho các nghệ sĩ. (họa sĩ, điêu khắc, nhạc sĩ) được chấm nhất trong một kỳ thi. Sau khi được giải, nghệ-sĩ phải sang La-mã ở trong biệt-thự Médicis trong ba năm. và trình bày cho Hàn-lâm-viện họa phẩm hay nhạc phẩm của mình. Nhạc phẩm đi sau khi Hàn lâm viện xem xét cho phép, sẽ được trình diễn tại Ba-lê

trong những buổi họp mặt tối thứ ba tại nhà riêng của thi sĩ Mallarmé (Ma-lac-mê). Gia đình Vasnier lại yêu văn nghệ: ông là kiến trúc-sư, bà thích hát và làm thơ. Đê-buy-xi mới lớn lên, cảm bà Vasnier và nhờ bà mà Đê-buy-xi đề ý đến thi ca, văn chương.

Sự hiểu biết về văn-hóa, sự học tập trong trường nhạc rất cần để làm nảy nở thiên tài của Đê-buy-xi nhưng cấp bằng không thể dùng để đánh giá một nghệ-sĩ.

Có nhiều nhạc sĩ trong lúc học, đỗ cao, nhiều cấp bằng nhưng không lưu danh hậu thế. Đê-buy-xi trong lúc còn đi học, không phải là một sinh-viên xuất chúng nhưng Đê-buy-xi có một bản ngã phi thường.

Theo các giáo sư, Đê-buy-xi đàn piano không hay lắm. Phần thưởng thứ nhì về đàn piano Ban giám khảo cấp cho Đê-buy-xi nhạc sĩ chứ không phải Đê-buy-xi nhạc công. Nhưng lúc Đê-buy-xi đàn, không ai có thể xao lãng được. Ngón nhấn êm, cách diễn tả đầy tình cảm. Bà Marguerite Long, một «đại giáo sư» về piano trong quyển «Au piano avec Debussy» (Học đàn piano với Đê-buy-xi) viết về cách đàn của ông.

«Đê-buy-xi là một nhạc công không ai so sánh được. Làm sao quên được cái mềm dẻo, cái mơn trớn, cái thâm thúy trong ngón nhấn của người. Ngón đàn như lướt nhẹ trên phím ngà, nhưng hình như người ôm chặt lấy phím». Léon-Paul Fargue đề ý rằng lúc đàn Đê-buy-xi nói nhỏ với phím đàn « như một kỵ mã với con ngựa của mình hay một người mục đồng với bầy thú — Hôm bà Marguerite Long lên đài vô tuyến truyền hình để nói chuyện về Đê-buy-xi, bà nói hiện giờ mỗi khi bà đàn lại nhạc của Đê-buy-xi bà nghe trên ngón tay của bà còn nặng ngón tay của nhạc sĩ vì ngày xưa, trong mấy tháng ở gần Thầy để tìm hiểu và học biểu diễn nhạc của Thầy,

ông thường chỉ cách nhấn thế nào để lột được tinh thần của bản nhạc. Và cách đạp « pédale » của đàn piano cũng phải được đề ý. Bàn đạp đó không phải chỉ để làm cho tiếng đàn ngân lâu mà đối với nhạc sĩ đó là « hơi thở » của cây đàn. Trong lúc còn đi học tại trường nhạc, Đơ-buy-xi không thích đàn những bài tập mà chỉ đàn chơi những bài từ tấu của Mozart, Haydn trên piano đến đời Thầy Marmontel phải nói « Cậu ta không thích đàn piano, nhưng cậu ta thích âm nhạc lắm ». Thích âm-nhạc, nhưng không chịu cúi đầu nghe theo những định-luật mà các lý thuyết-gia nhứt định bắt học trò phải thuộc nằm lòng. Trong lúc hòa-âm với Emile Durand (Ê-min Duy-răng) nhiều lần Đơ-buy-xi làm ông thầy phát cáu, vì lớp học vừa tan, Đơ-buy-xi lại đàn đánh lên một loạt hợp thanh theo ý của mình mà không theo những qui định của sách dạy hòa-âm thời bấy giờ. Các bạn thì vỗ tay hoan hô trong khi ông Duy-răng lại đẩy nắp đàn trên tay cậu học trò tinh nghịch.

Lúc phải nộp bài cho Hàn Lâm viện, sau một thời gian lưu trú tại biệt thự Médieis, Đơ-buy-xi gửi một nhạc phẩm giao hưởng tựa là Zuleïma (tên một nhân vật trong tác phẩm Almanzor của thi sĩ Đức Heine), một nhạc phẩm cho ban Hợp xướng và giàn nhạc: Le Printemps (Mùa xuân). Các ông trong Hàn lâm viện không bằng lòng các nhạc phẩm ấy chút nào cả. Trong bản báo cáo về nhạc phẩm của Đơ-buy-xi có mấy câu « Trong nhạc phẩm Zuleïma Ông Đơ-buy-xi hình như chỉ muốn sáng tác những gì kỳ quặc, không ai hiểu được, không ai đờn được... Trong nhạc phẩm « Mùa xuân » thì Hàn lâm viện lên án « thuyết ấn tượng mơ hồ... có hại cho các tác phẩm nghệ thuật ». Đơ-buy-xi không thích làm giống người khác. Lúc học, đã chê « tiết diện » theo cổ điển nghèo nàn, đã phản đối về cách dùng danh từ không xác thực. « Nhịp đơn và

nhịp kép (Mesures simples et mesures composées). Tại sao lại gọi là nhịp kép? Nhịp kép gồm những yếu tố gì? Đơ-buy-xi hỏi các nhạc-sư và không ai trả lời trôi được.

Đơ-buy-xi không chịu mù quáng nghe theo những định luật mà ông cho là không đúng hẳn, chớ không phải nhứt định chống lại tất cả cái gì thuộc phái cổ-diễn hay do người tiền bối để lại. Ông rất phục Bach, Listz và Chopin, nhứt là Chopin. Lúc Đơ-buy-xi còn thích Wagner (Va-gơ-ne), mà chưa có tiền, ông định đi bộ đến Bayreuth (Bai-rơ-tơ) để nghe nhạc Wagner. Khi còn là học trò khó, nhờ Marmontel giới thiệu được bà de Mecke (đơ-Mach-cơ), một người mê nhạc Tchaï Kowsky (Chai-cô-xơ-ki) thuê để đàn những nhạc phẩm mới cho bà nghe. Nhờ đó ông có dịp du lịch bên Nga, đọc được bản nhạc kịch chép tay Boris Godounov của Moussorgsky. Đơ-buy-xi biết phục cái hay của người khác. — Năm 1889, tại cuộc đấu xảo quốc-tế ở Ba-lê, Đơ-buy-xi nghe nhạc Nam dương, ông rất phục phép đối điểm (contrepoint) của Nam dương và âm thanh trong âm giai « Slendro » (Xa-lanh-đơ-rô), của người Nam-Dương, có lẽ làm cho ông nghĩ ra « gam từng cung » (gamme par tons).



Âm giai này không giống, « gam 5 âm » không bán cung (pentatonique sans hémitons) thường gặp trong nhạc Trung Hoa, nhạc Việt-Nam, cũng không giống gam « xa-lanh-đơ-rô » gồm 5 âm cách đều nhau trong một quãng tám. Nhưng « gam từng cung » là điều mới lạ trong nhạc ngũ Âu-Châu.

Đơ-buy-xi nổi danh và còn sống mãi trong nhạc giới, nhờ người không chỉ khư khư theo những con đường đã vạch

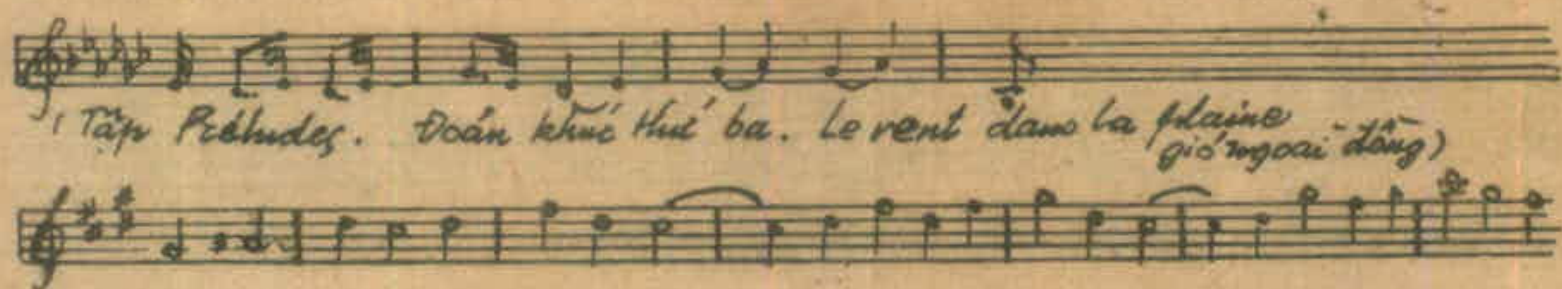


sẵn, mà sẵn sàng đón những cái mới, lạ, hay từ bốn phương.

Về mặt âm giai, khúc điệu, ngoài «gam từng cung», Đơ-buy-xi còn dùng «tứ âm giai» (tétratonique) và «ngũ âm giai» trong nhiều bài. Giáo sư Jacques Chailley (Jắc Say-ê), trong khi dạy về «nhạc ngũ» và khi phân tách nhạc phẩm Pelléas et Mélisande có nhắc đến cách dùng âm giai của Đơ-buy-xi. Không phải vì cố ý dùng ngũ âm giai để gợi một không khí Á-đông hoặc Cận đông, như loại bài «Marché Persan» (Chợ Ba-tư) của Kettelbey (Két-ten-bê) hay đoạn Trung-Hoa Hành khúc trong bài Rossignol (Chim họa mi) của Strawinsky (Xơ-tơ-ra-vini xi-ki) mà dùng ngũ âm giai một cách tự nhiên. Giáo sư Say-ê trích mấy câu trong nhạc phẩm «L'enfant prodigue» (Đứa con hoang), Printemps (mùa xuân), những đoạn điệu theo loại «khai tấu» (Préludes) để chỉ rõ cách dùng ngũ âm

giai của Đơ-buy-xi. Nếu xem kỹ thì trong toàn tập thứ nhất có 12 bài đoản khúc. Trong 10 bài ta có thể tìm thấy được cách dùng «ngũ âm giai» (gamme pentatonique). Trong đoạn chót của màn đầu nhạc kịch Martyre de Saint Sébastien (Thánh Xê-ba-xiêng tuần đạo) hay là trong bài hát của trinh nữ Erigone cũng có ngũ âm giai.

Về mặt hòa âm thì Đơ-buy-xi dùng hợp âm rất bạo như dùng hợp âm thứ 9 (accord de neuvième) mà không cần phải «giải quyết» (résolution) hay là cách dùng liên tiếp những quãng 5 và quãng 8, điều mà trong phép hòa âm cổ điển người ta cho là tối kỵ. Giáo sư Maurice Emmanuel (Mô-ri-xơ Ê-ma-nu-ên) ghi lại những câu nói chuyện của Đơ-buy-xi với bạn bè hay với các nhạc sư, mà ông A. Hoeree (Ô-ê-rê) trình bày trong quyển «Sổ tay» (Carnet) do nhà Comœdia-Charpentier xuất bản. Có đoạn



cãi nhau giữa Đơ-buy-xi và thầy cũ của ông là Ernest Guiraud (Ec-nê-t Ghi-rô) Đơ-buy-xi dạo đàn piano. Có nhiều hợp âm lạ tai.

Ông Guiraud hỏi: Anh đàn gì vậy?

Đơ-buy-xi: Bất toàn hợp âm (accords incomplets). Phải nhận chìm nguyên thể (Il faut noyer le ton, ton với nghĩa tonalité). Vậy rồi mình có thể đến nơi mình muốn đến, có thể ra tại cửa nào mình muốn ra.

Guiraud: Nhưng nếu tôi đàn như vậy thì tôi phải nghĩ đến cách giải quyết nó chớ.



Debussy: Tôi đánh cần giải quyết. Để làm gì?

Guiraud: Theo anh, thì như vậy nghe hay lắm sao?



Debussy: Hay chớ! Hay chớ!

Rồi Đơ-buy-xi ngồi lại đàn piano, đánh nhẹ.



Guiraud: Anh làm sao mà được vậy? Hợp âm anh đàn đó nghe rất hay, tôi không cãi. Nhưng mà theo lý thuyết thì vô lý.

Đơ-buy-xi: Không có lý thuyết gì cả, chỉ cần biết nghe. Và cứ lấy cái êm tai mà làm qui củ.

Guiraud: Anh nói vậy cũng xứng đối với người phi thường xuất chúng. Nhưng nếu anh dạy nhạc cho người khác thì anh làm sao?

Đơ-buy-xi: Âm nhạc, không phải học mới biết.

Guiraud: Coi kia! Anh quên rằng anh từng học Âm nhạc viện đến 10 năm à!

Đơ-buy-xi: Phải. Tôi nói bậy quá. Đúng ra thì tôi thấy muốn viết nhạc cách nào cũng được là nhờ tôi có đi học nhạc, và tôi đi ra ngoài «Tàu pháp» chỉ vì tôi đã biết luật ấy nằm lòng.



Claude Debussy

Trong phạm vi một bài, làm sao nói hết cái hay, cái mới, trong nhạc phẩm của Đơ-buy-xy, nhất là trong đại nhạc kịch Pelléas et Mélisande (Chàng Pe-lê-a-xơ và nàng Mê-li-zăng-đơ) nhạc-sĩ đã dùng một nhạc pháp mới, lạ, hay, và « cách mạng » là lối viết nhạc kịch ngày xưa.

Nhạc Đơ-buy-xy, gây một bầu không khí êm ái đầy thơ. Nhạc khúc dịu dịu như ánh trăng, như hương hoa phảng phất trong vườn vắng, có nhiều đoạn như nhắc lại một cái gì quen thuộc

ở trời Đông. Cách hòa âm mới lạ như thêm màu cho một bức tranh thủy mặc. Tôi thích nhạc Đơ-buy-xy. Nhưng hơn nữa, tôi kính phục con người của nhạc-sĩ, người biết chịu khó học hỏi, biết đi ra ngoài những còn đường mòn cũ rích biết thâm thập cái hay từ bốn phương, biết trau giồi tài nghệ, biết tự bồi bổ những khuyết điểm, biết phục thiện khi thấy bạn chỉ trích, người rất xứng đáng làm gương cho chúng ta.

TRẦN-VĂN-KHÊ

Lễ kỉ niệm ngày đản sinh

đức Khổng-Tử

Nguyễn-Ngu-Í thuật

Cũng như mọi năm qua, lễ kỉ niệm ngày bậc Thánh Hiền nước Lỗ ra đời (1) được tổ chức khắp nước, và đặc biệt, ở Thủ-đô, do bộ Quốc-gia Giáo-dục, tổng nha Thông-tin và hội Khổng-học Việt-Nam phối hợp với nhau. Lễ được tổ chức trọng thể tại tòa Đô chánh Sài-Gòn, vào lúc 10 giờ 5 phút. (2)

Ông Nguyễn-Đăng-Thục, khoa trưởng Đại-học Văn-khoa, đại diện bộ Quốc-gia Giáo dục, đọc diễn văn khai mạc.

Ông đặc biệt nhấn mạnh ở điểm học thuyết Khổng-Khâu đã tạo ra giới công chức bác học có ảnh hưởng sâu xa đến vận mệnh quốc gia và cái thể lực tinh thần của « vị hiền triết nước Lỗ nhỏ bé phía Bắc nước Tàu đã vượt xa biên giới không gian và thời gian (...). Nó cũng

vượt cả lên trên biên giới chính trị, quốc tộc hay chủng tộc nữa ».

Ông cũng không quên nhắc một thái độ đặc biệt của dân tộc Việt ta : đánh đuổi người Tàu thì đánh, mà dựng Văn miếu để thờ bực « Chí Thánh Tiên Sư » thì vẫn dựng thờ.

Nhắc đến một đoạn Lâm-Ngữ-Đường bình luận về tư tưởng Khổng-giáo, ông chủ tịch hội Liên lạc và Nghiên cứu Văn hóa Á-Châu bác ý kiến họ Lâm đã cho rằng học thuyết Khổng-Tử « hoàn toàn thực tiễn ». Và theo ông, thì chính cái điểm không hẳn « hoàn toàn thực tiễn » ấy đã làm « nguồn sinh lực lâu bền cho Khổng giáo qua các thời đại và rộng khắp cõi Á-Đông ».

(1) Khổng-Tử sanh ngày 30 tháng 8 năm thứ XXI đời vua Tương-Công nước Lỗ, tức năm thứ XX đời vua Linh-Vương nhà Châu, nhằm năm 551 trước Tây-lịch. Năm nay nhằm ngày thứ sáu 28-9 dương lịch.

(2) Nhưng chương trình thi ghi : 9 giờ 45 phút.

Vị hiền triết này hay nói với môn đồ : « *Ngô đạo nhất dĩ quán chi* » (Đạo của ta chỉ có một đầu mối), mà không nói rõ, song hội ý tất cả những lời của « người Thầy muôn đời » này trong Luận ngữ, Đại học, Trung dung, ta có thể hiểu cái nguyên lí nhất quán của Đạo Người là đức Nhân, một đức tánh mà Người cho là phổ quát nhất của loài người, và người cho nó có một triển vọng « vô hạn cao siêu và thần bí nữa ». Người quan niệm đức Nhân không phải là « một khái niệm tĩnh, mà là một ý-tưởng-lực sinh thành, sáng hóa, triển khai không ngừng ». Người đồng nhất đức Nhân với đức lớn nhất của Đất Trời, là đức hiếu sinh vậy.

Rồi diễn giả trình bày điểm nòng cốt trong ý thức hệ Nho giáo, đó là « *Chính trị ngụ có tinh thần Đạo đức, chứ không hoàn toàn đoạn tuyệt với Lí tưởng để biến thành phương tiện vụ lợi nhất thời* ».

Kết luận, ông nói :

« Mặc dầu thời thế có đổi thay, thế giới có mở rộng theo đà tiến bộ của kĩ thuật giao thông, đô thị kĩ nghệ đông đúc tấp nập đã xen lẫn đồng ruộng vắng thưa yên tĩnh, nhưng con người bất cứ ở vào hoàn cảnh nào nếu thiếu cái lòng trắc ẩn trước cảnh trẻ con mon men miệng giếng thì cũng không còn là người, vì nó đã thiếu mất nhất điểm lương tâm là nguyên lí đức Nhân nhất quán, tồn tại với thời gian và không gian, phẩm giá thiêng liêng của Nhân loại mà Khổng-Phu-Tử, vị Thánh chi Thời, đã truyền lại cho hậu thế tùy thời mà thích trung vậy ».

Tiếp đến, ông Nguyễn-Đình-Uyên, phó hội trưởng hội Khổng học Việt-Nam, lên nói về triết lí nhân sinh của Khổng-Tử. Ông nhận xét rằng ở thời đại vật chất và khoa học này mà các nước Trung-Hoa Dân-Quốc, Nhật-Bản, Đại-Hàn, Việt-Nam vẫn tôn sùng Khổng giáo và làm lễ kỉ niệm ngày Người chào đời, ngay cả các học giả châu Âu, châu Mĩ cũng lập nhiều hội học nghiên cứu Khổng học và « công nhận Khổng giáo có những triết lí rất thích hợp và cần thiết cho đời sống hiện tại ». Và ông cho rằng có lẽ trong một ngày gần đây « sẽ có hiệp hội quốc tế chủ trương nghiên cứu và phát huy Khổng giáo ».

Sau cùng, ông Nguyễn-Quang-Trình, bộ trưởng bộ Quốc-gia Giáo-dục, đại diện Tổng-thống, được mời lên đọc thông điệp của vị nguyên thủ quốc-gia gửi cho quốc dân đồng bào nhân ngày kỉ niệm đức Khổng-Phu-Tử. Đặc biệt, Tổng-thống nhắc đến hai lời giáo huấn của nhà hiền triết Đông-Phương : *Đạo bất viễn nhân* và *Đăng cao tất tự ti* cùng sự cố gắng của Chánh phủ và nhân dân đang thực hiện những danh ngôn trên đây trong các ấp chiến lược.

Mười một giờ, cuộc lễ bế mạc.

Người dự lễ ra về, nghĩ rằng giá ban Tổ chức nhớ gây trầm, đốt hương, lên nến thì không khí cuộc lễ sẽ tôn nghiêm hơn nhiều.

NGUYỄN-NGU-Í thuật



Một quan điểm mới về cuộc tranh luận Phạm - Quỳnh - Ngô-Đức-Kể qua truyện Kiều

Nguyễn-Ngu-Í thuật

« ... Chuyện trăm năm cũ nhắc chi bây giờ... »

Nhưng chuyện đây mới có «tam thập dư niên», thành ra bây giờ, có nhắc lại, cũng còn có người nghe. Mà người hôm ấy (1) đến nghe thật là quá nhiều, đến đôi trường Âm-nhạc và Kịch-nghe quốc-gia, người ta nhắc thêm băng dài mà gần trăm thính giả phải chen chúc nhau ở cửa ra vào, ở sau và ở hai bên dãy ghế.

Chẳng biết vì diễn giả là một giáo-sư Đại học thiết tha với Văn học và sốt sắng với Tuổi trẻ, hay vì những cái tên Phạm-Quỳnh, Ngô-Đức-Kể, và đề tài buổi nói chuyện đã thu hút người xem đông như thế ?

Bởi không thỏa mãn với những ý-kiến mà hầu hết các nhà làm văn học trình bày, nên diễn giả « nhận định lại ». Chủ ý cũng là «mong hiểu được sự thực và không bắt công với những tác giả, nhất là khi các vị đó đã quá cố, không còn có thể bày tỏ lập trường chủ đích của mình.»

Diễn giả không quên rào trước : đây là những ý-kiến giả thiết của những người bây giờ về một đoạn đời văn học và chính trị mà khi xảy ra họ chưa ra đời, thì bao

(1) Chủ nhật, 7-10-62, do hội Việt-Nam Nghiên-cứu Liên-lạc Văn-hóa Á-Châu tổ chức, và do, ông Nguyễn-Đặng-Thục giới thiệu.

uẩn khúc của vấn đề có thể không nắm hết. Nên diễn giả mong những người đồng thời, đồng chí với hai ông họ Phạm họ Ngô những vị đã cộng tác với Nam-Phong nay còn sống hãy xin tên tiếng, và diễn giả sẵn lòng đón nhận, duyệt lại ý-kiến mình.

*
* *

Những sự kiện tranh luận từ khởi thi — từ lễ kỉ niệm Nguyễn-Du năm 1924 do hội Khai-Trí Tiến-Đức tổ chức — đã được ông Nguyễn-Văn-Trung lần lượt kể lại, rạch ròi : Phạm-Quỳnh cực lực suy tôn truyện Kiều (1) ; rồi Ngô-Đức-Kể gián tiếp trả lời với bài « Luận về Chánh học cùng Tà thuyết, Quốc văn, Kim-Vân-Kiều, Nguyễn-Du » (2), rồi đến năm 1931 (3) Phan-Khôi đã kích « học phiệt » Phạm-Quỳnh với bài « Sau khi đọc bài trả lời của Trần-Trọng-Kim tiên-sinh, cảnh cáo các nhà học phiệt » ; Phạm-Quỳnh buộc lòng phải lên tiếng trả lời (4) ; sau rốt, Huỳnh-Thúc-Kháng bắt bình đẳng lên mặt báo « Tiếng dân » (5) bài « Chánh học và Tà thuyết có phải là vấn đề quan hệ chung không ? » (chiêu huyết những lời bài báo cho một nhà chí sĩ mới qua đời).

Rồi diễn giả nhắc đến những bài khảo cứu gần đây vì cuộc tranh luận có thể nói

(1) Sau đăng Nam-Phong, số 86 năm 1924.

(2) Hữu-Thanh tạp chí, số 21 ngày 1-IX-1924, sau có đăng lại trong « Những áng văn hay » của nhà Nam-Ký.

(3) Đúng ra là năm 1930, Phụ-Nữ tân văn số 62, ngày 24.7.1930.

(4) Phụ-Nữ tân văn, số 67, ngày 28-8-1930.

(5) Số 317, năm 1930. Rồi « Lại vấn đề Chánh học cùng Tà thuyết » ở các số 326, 327, 328 năm 1930.

là lịch sử này, có thể lấy Thanh-Lãng làm đại diện, « chỉ thấy sự kiện tranh luận như một hiện tượng, mà không thấy thực chất của nó. Và bởi vì không thấy thực chất cho nên dễ nhầm lẫn trong việc tìm hiểu sự kiện ». Theo diễn giả thì nên phân biệt cuộc tranh luận về Kiều thành hai thực chất vốn khác hẳn nhau :

— cuộc tranh luận giữa Phạm-Quỳnh và Ngô-Đức-Kể, Huỳnh-Thúc-Kháng là một vực tranh đấu chính trị trên lãnh vực văn học.

— cuộc tranh luận giữa những người tiếp sau, như Đào-Duy-Anh, Hoài-Thanh, Lưu-Trọng-Lưu, v.v... là một cuộc tranh luận thuần túy văn học.

Ông nhắc lại hoàn cảnh chính trị lúc bấy giờ, sau các vụ Đông-Kinh nghĩa-thục, Đông-Du..., và chủ trương chánh trị của người Pháp. Ta có thể cho rằng hai địch thủ lúc ấy : (thực dân Pháp và tay sai của chúng một bên, các nhà ái quốc Việt chân chính một bên) cùng chung chủ trương mà rất khác mục đích : một bên chủ trương làm văn hóa thuần túy và làm văn hóa thật, có kết quả tốt, để *cho quên chánh trị*, một bên chủ trương làm văn hóa để *cho nhớ chánh trị*. Và dĩ nhiên là sự thành công của bên này sẽ tai hại cho bên kia.

Vấn đề then chốt là :

Phạm-Quỳnh có phải là tay sai thực sự của Pháp về Văn-hóa không ?

Và ở đây, cần phân biệt : chủ tâm và hành động. Vậy giữa tên trùm mật thám Pháp, Marty, chủ nhiệm Nam-Phong và nhà học giả Việt, Phạm-Quỳnh, có những điều kiện gì khi cùng nhau bắt tay chặt

chẽ để cho ra đời Nam Phong tạp-chí ? Và ai nói giùm ta lúc ấy họ Phạm theo Pháp để tìm con đường tiến thân hay chỉ lợi dụng Pháp mà thôi ?

Diễn giả không tìm thấy một tài liệu này — công khai hay riêng tư — để chứng tỏ Phạm-Quỳnh chỉ cộng tác với Pháp, để lợi dụng Pháp, nghĩa là « tương kế tựu kế ».

Song chủ yếu là : đã hành động bằng cách cộng tác chặt chẽ với Pháp thì ảnh hưởng tốt hay xấu của hành động ấy, không thể chối được, không thể xóa được.

Vậy nhìn vào chủ trương việc đề cao truyện Kiều, ta thấy nó nằm trong chiến lược của địch. Và ông Nguyễn-Văn-Trung cho rằng nếu Phạm-Quỳnh không cộng tác với Pháp, đứng về phe các nhà ái quốc, hoặc các nhà văn tự do, không ăn tiền địch, thì câu chuyện hai họ Phạm, Ngô hẳn là không có.

Nhưng tuy thực chất cuộc tranh luận là chánh trị, song cùng một lúc cũng bao hàm một quan điểm về văn học. Và như thế, ta mới hiểu cái khắc-nghiệt của hai ông nghệ Ngô, Huỳnh đối với sự suy tôn truyện Kiều quá độ của ông đồ Nho kiêm đồ Tây họ Phạm đối với giá trị truyện Kiều. Và diễn giả nêu lên câu hỏi :

« Vậy phải chăng những người cộng tác tác với Nam-Phong vì chủ đích văn học, hay hơn nữa, vì chủ đích yêu nước một cách khách quan, dù ngoài ý muốn, cũng là những người cộng tác với địch, chống lại tổ quốc, vì đã góp phần vào việc thành lập Nam-Phong ? »

Những người này chưa nhận định nghiêm chỉnh sự quan hệ của văn học với

chính trị, nên đã tận lực vun quén, tài bồi cho nó. Ví thử họ tẩy cha Nam-Phong, để cho nó chết lần mòn, thì chắc âm mưu sâu độc của Pháp thất bại. Nhưng thế ới thiệt hại gì cho văn học không?

Tác giả các tập « *Nhận-định* » trả lời: Chắc chắn là không.

Nay chúng ta phải đứng về phe Ngô-Đức-Kể, Huỳnh-Thúc-Kháng vì hai cụ này đã tranh đấu cho cái cốt yếu: cứu lấy nước. Nước mất, thì nói gì đến văn học. Lúc đó, quan điểm phê bình của hai nhà ái quốc nhiệt thành và chân chính này là một quan điểm văn học chánh đáng và một quan điểm luân lý tiểu bộ. Ở vào trường hợp này, không thể tách rời văn học ra

khỏi chánh trị được. Cho nên ta không thể chấp nhận ý kiến cho quan điểm phê bình của hai cụ nói trên là bảo thủ, là cố chấp là hẹp hòi được.

Về toàn dân ta, tuy không nói ra, nhưng chắc ai ai cũng một lòng đồng ý với hai cụ. Ta thử tìm đầu cho ra một con đường mang tên Phạm-Quỳnh, trong khi Ngô-Đức-Kể, Huỳnh-Thúc-Kháng được chọn đặt tên đường ở các tỉnh và ngay tại Thủ đô...

NGUYỄN-NGU.Í thuật

Tất cả chú thích trong bài này đều là của Nguyễn-Ngu-Í.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

吸請 金字烟

Cigarettes JOB Super

COFAT CHOLON

NHÀ XUẤT BẢN SÁNG-TẠO

Đã phát hành tại khắp các hiệu sách :

BA SINH HƯƠNG LỬA

Truyện dài của Doãn-Quốc-Sỹ

Bản quý 200\$00 — Bản đặc biệt 150\$00 dành cho các bạn yêu sách quý. Xin viết thư kèm bưu phiếu hoặc liên lạc thẳng với :

Doãn-Quốc-Sỹ 338/60B Thành-Thái Cholon

THƠ TUỆ MAI.

của Tuệ-Mai Trần-Gia

Ngoài những bản thường còn một số bản quý 150\$00.

Xin liên lạc với Doãn-Quốc-Sỹ theo địa chỉ trên.

Sắp phát hành tập tùy bút

THƯ NHÀ

của **VÕ-PHIẾN**

do họa sĩ ĐÌNH-CƯỜNG trình bày

★ CÁC BẠN MUỐN CÓ SÁCH ĐẸP, XIN DẶN TRƯỚC
NƠI TÁC GIẢ, Ở TÒA SOẠN

BÁCH KHOA

160, Phan - Đình - Phùng — Saigon

ĐÃ PHÁT HÀNH

NỎI LỬA

Truyện của THANH-THƯƠNG-HOÀNG

HUY - TƯỜNG trình bày bìa

SÙNG-CHÍNH-VIỆN xuất bản

GIÁ 30 BÔNG

Bách-Khoa vừa nhận được :

— Cô đơn (Yên-Tú) Dĩ vãng và hiện tại, Ngõ vắng (Thi-Giang) Bài độc ca (Vũ - Luân - Sa) Kiều Trung Khương (Hoài - Thu) Vọng giai nhân... (Lê-Đình Phạm-Phú) Bài Kiều chinh, Và trở về (Hỗ-Yên) Chiều biên khu (Xuân-Đài) Bài Trần Thị Cô Liêu, (Thai-Nhi) Ý thu, Người bạn chuân úy (Duy-Hình) Linh hồn, Thề xác (Thơ Nguyễn - Linh) Dọc đường tôi đi đi, Dưới chân tháp (Lê-Đình Phạm Phú) Còn lại, Xin người... (Phương Tấn) Ông lão bán lạc rang (Trần-Quang - Long) Tiếng dương cầm (Trương-Điều) Ba mươi (Huỳnh-Sinh) Giòng sông đen, Tinh ban mai vỡ lở (Triều-Hoa-Đại) Buồn phố nhỏ (Nguyễn - Nho - Sa - Mạc) Cuồng ngâm (Phạm-Hoàng-Kính) Trao (Sóng - Trùng - Dương) Phần Anh (Nhật-Lệ-Giang) Một cung đàn sầu (Duyên-Phu-Thê) Thao thức, cô đơn (Nhất-Chi-Giang) Bài muối dy (Vương-Tù) Phấn bướm (Nguyễn-Thứ-Thảo) Nỗi lòng thu em (Thi-Điều) Chuyện người con gái mộ điệu (Hương-Thời-Gian) Hoài nẻo về (Nguyễn-Phương-Chi) Tiếng nói 2, cúi đầu (Trần-Uyên - Nhược-Châu) Tạ từ, Chiều lên đất đỏ (Nguyễn-Đặng-Hạnh) Nhân chứng đi rồi (Nguyễn-Hoàng-Gia-Trinh) Có những mùa thu v.v. (Kỳ-Lê-Văn) Ông Năm Phịch (Nguyễn-Tăng-Liêm) Tỉnh Bình-Định qua ca dao (Đặng-Quý - Định) Người thơ muôn thuở (Cao-Phan) Chiều sân ga, Bâng khuâng (Tinh-Huyền) Tỉnh nhỏ chiều hoang (Thạch-Bích) Ngày mai mình đi, Về giấc tỉnh ai (Trần-Dạ - Cát) Ông Lê-Thành Phương với phong trào Cần-Vương tại Phú-Yên (Nguyễn-Đình-Tư) Du ca tháng 9 (Đu-Tử-Lê) Chải bằng năm ấy (Trịnh-Văn-Hiền) Bãi vắng (Hoàng-Khê) Thản nhiên (Ng. T. Xuân-Thu) Năm

mười tám (Kỳ-Lê-Văn) Đưa con rơi, Chí trai (Ngô-Việt-Đức) Mơ về vãn kỹ (Thạch-Bích) Những điều nói với Kim, Công viên của Huế (Hữu - Thu) Giường bệnh, Khuôn mặt tháng mười (Lê-Thùy Lam) Nỗi buồn, Đêm phố thị v.v. (Lê-Tâm) Ngày xưa (Cò-Lữ) Bờ đêm, Ga đêm, Buồn (Yên - Vũ) Cảnh tượng làng tôi, Chặng đường đêm, Chỉ gặp em một lần (Nguyễn-Việt - Khương) Lối thoát (Sao-Khuya) Ông Năm Diên (Hoàng-Bích-Ni) Lại một mùa thu, Đạo ấy (P.K. Giáo-Liêm) Một vài sai lầm trong năm chết của Nguyễn-Thái-Học và cái chết của Nguyễn-Thị-Giang (Ngô-Thành-Long)

— Vịnh cô bán hàng rong, Đêm rằm không trăng gặp mưa... (Ngọc-Nam) Miền sương gió (Nguyễn-Phê) Tuổi dậy, Mai, Trên cao (Sao) Kiên hãnh, Lỡ vỡ... (Hoàng-Bích-Ni) Rừng rú (Băng-Hà) Ngày anh đi (Kiều-Trung-Khương) Nửa đêm thức giấc, Đoàn tình mùa đông (Đình-Duy-Tiên) Mười đồng bạc (Vân-Đài) Mơ hoang, Cung ai (Yên-Đủ) Buồn tỉnh nhỏ; Saigon Đêm; Thu ca (Linh-Vũ) Hồn đêm (Nguyễn-Dã-Thảo) Gổ đá (Hà-Li-Hải) Ý nghĩ trên vai; chuyến khởi hành của anh (Liên-Phương) Khúc hát biển nâu (Sương-biên-Thùy) Bài ca đêm mưa (Nguyễn-Thị-Phượng-Chi) Cuồng si (Tứ-Duy-Ngã) Say nhạc; Mơ trăng (Lạc-Hà) Thu trở lại Đêm giữa mùa thu (Mai - Đức - Quy) Đêm huyền diệu; Giáo-đường (Thăng-Trầm-Thịnh) Nói bằng mắt - Chán (Phan-Trần-Nghĩa).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, **trừ THƠ** và trường hợp đặc biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

— **Ban Lưu - Trọng, Điện - Bàn, Quảng-Nam.**

Đang dự bị một chuyến đi xa; sẽ có thư riêng rất dài cho bạn một ngày gần đây. Chúc bạn sáng tác mạnh và đừng «cay chua» với Đời.

NGUYỄN-NGU-Í

— **Ô. Lê-Đình Phạm-Phú.** Chúng tôi đã nhận đủ bài của Ô. Sẽ lần lượt xem và góp ý sau.

— **Ô. Yên-Xuyên.** Đã nhận đủ thơ. Sẽ trả lời ông sau.

— **Anh Hoàng - Quy.** Xin cho địa chỉ để gửi báo biểu.

— *Một độc giả ở Bình-Định hỏi về thể lệ kiểm duyệt.*

Về sách kiểm duyệt ông gửi hai bản viết tay hay đánh máy về Hội đồng kiểm duyệt (Tổng Nhà Thông Tin 170 Phan-Đình-Phùng) Saigon kèm theo đơn; không cần ghi số lượng in và ngày xuất bản. Sách kiểm duyệt xong phải được in trong vòng 3 tháng, ngoài thời hạn đó phải xin phép gia hạn.

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Tây du - ký** bình khảo tập I, nguyên tác của Ngô-Thừa-An, bản dịch của Phan-Quân, nhà sách Khai-Trí xuất bản, do nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày trên 360 trang, giá 50đ.

— **Bích-Bố** tuần san thiếu-nhi do bà Nguyễn-Thị-Hy đứng tên chủ nhiệm, và các văn hữu Quang-Thạch, Ty-Ca, Thanh-Hữu, Vân-Sơn, Thái-Bạch, Gia-Tuấn đảm nhận phận vụ chủ biên. Số đầu đã xuất bản ngày 12-9-62.

— **Truyện Song-Tĩnh** Truyện Song-Tĩnh Diễm-ca, thể thơ lục bát dài 2216 câu, nguyên cáo chữ nôm do Nguyễn-Hữu Hào soạn đầu thể kỷ thứ 18, theo bản phiên-âm quốc-ngữ của Hữu-Lân-Thị. Đông - Hồ

khảo cứu và sao lục. Bốn-Phương xuất bản, soạn giả gửi tặng.

Sách dày ngót 200 trang, giá 60đ.

— **Thơ Tuệ-Mai** tập thơ của Tuệ-Mai Trần-Gia, Doãn-Quốc-Sỹ xuất bản, bìa của Ngọc-Dũng, phụ-bản của Duy-Thanh, do nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày ngót 100 trang, gồm trên 40 bài thơ, in khổ lớn, bản giấy croquis giá 150đ.

— **Nỗi lửa** tập truyện ngắn của Thanh-Thương-Hoàng, Sùng-Chính Viện xuất bản do tác giả gửi tặng. Sách dày 110 trang, gồm 7 truyện, giá 30đ.

— **Thư-Sinh** kịch thơ, một màn, một cảnh và **Trương-Chi** kịch thơ, ba hồi, ba cảnh, của Cô Minh-Đức do tác giả gửi tặng. Sách dày trên 40 trang, khổ lớn, in thạch-bản tại Paris.

— **Gió thu**, tập truyện ngắn của Lan-Giao, do nhà in Đại Học xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 150 trang, gồm 15 truyện ngắn, giá 35đ.

— **Gương hy sinh** của Nguyễn-Hiến-Lê, do nhà Nguyễn-Hiến-Lê xuất bản, tác giả gửi tặng. Sách dày trên 200 trang, gồm tiểu sử 10 nhà bác học hoặc phát minh Âu Mỹ, có công lớn với khoa học đã nêu những tấm gương hy sinh siêng viết và chỉ tìm hạnh phúc của mình trong hạnh phúc của nhân loại. Giá 50đ.

— **Jacques Perry** và thể nào là phi lý. Đại Nam văn hiến, xuất bản, và tác giả gửi tặng. Sách dày ngoài 30 trang, in ronéo giá 30đ.

— **Gánh bán linh hồn và Độc Thoại**, 2 tập thơ của Thiết Tố, do Đại-Nam văn-hiến xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Mỗi tập, dày trên 30 trang, in ronéo giá 40đ.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn các tác-giả, nhà xuất bản và Ban chủ trương tuần san thiếu nhi Bích Bố trên đây cũng ân cần giới thiệu với bạn đọc Bách-Khoa.